

LĨNH NAM CHÍCH QUÁI

Những Truyện Thiêng Tộc Việt

Nội dung

- Bài tựa “Lĩnh Nam Chích Quái”

1. Kinh Hồng Bàng

Khởi Nguyên Tộc Việt.

2. Kinh Lạc Long Quân
Diệt Ngư Tinh.

3. Kinh Lạc Long Quân
Diệt Hồ Tinh.

4. Kinh Lạc Long Quân
Diệt Mộc Tinh.

5. Kinh Trầu Cau.

6. Kinh Chử Đồng Tử.

7. Kinh Phù Đổng
Thiên Vương.

8. Kinh Tiết Liêu:
Bánh Dầy Bánh Chưng.

9. Kinh An Tiêm
Trồng Dưa Hấu.

10. Kinh Bạch Trĩ .

11. Kinh Lý Ông Trọng.

12. Kinh Thôi Vỹ
Khai Giếng Việt.

13. Kinh My Châu.

14. Kinh Man Nương.

15. Kinh Tản Viên
Sơn Thánh.

- Truyện Thần Trống Đồng: Núi Đồng Cổ.

- Truyện Hai Bà Trưng.

- Truyện sông Tô Lịch.
- Thần Núi Hồng Lĩnh.
- Truyện hai vị thần ở Long Nhân, Như Nguyệt.
- Truyện Từ Đạo Hạnh và Nguyễn Minh Không.
- Truyện Dương Không Lộ và Nguyễn Giác Hải.
- Truyện Hà Ô Lôi.

◆23 truyện dịch thêm.

- ◆Giới thiệu 9 bản Lĩnh Nam Chích quái

BÀI TỰA

LĨNH NAM CHÍCH QUÁI LIỆT TRUYỆN

Quế Hải tuy ở cõi Lĩnh Nam (1), nhưng núi non kỳ lạ, đất đai linh thiêng, nhân dân anh hào, truyện tích thần kỳ, thường thường vẫn có.

Trước thời Xuân Thu, Chiến Quốc, cách thời thái cổ không xa, phong tục nước Nam còn giản dị, chưa có quốc sử để ghi chép cho nên nhiều truyện bị mất mát đi. May còn truyện nào không bị thất lạc thì riêng được dân gian truyền miệng. Về sau, qua các đời Lương Hán, Tam Quốc, Đông Tây Tấn đến Đường, Tống, Nguyên, Minh mới có sử ghi chép các truyện như Lĩnh Nam chí, Giao Châu quảng ký, Giao Chỉ lược chí v.v... rành rành có thể tham khảo được. Nhưng nước Việt ta tự cổ vốn là đất hoang dã cho nên việc ghi chép còn sơ lược.

Nước ta văn minh bắt đầu nổi lên từ đời Hùng Vương, tràn trề trong các đời Triệu, Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần đến nay đã lan khắp nơi, cho nên việc ghi chép quốc sử được tường tận hơn. Những truyện chép ở đây là sử ở trong truyện chăng? Bắt đầu có từ thời nào? Tên họ người hoàn thành là gì đều không thấy ghi rõ (2). Viết ra đầu tiên là những bậc tài cao học rộng ở đời Lý, Trần. Còn những người nhuận sắc là các bậc quân tử bác nhã hiếu cổ ngày nay.

Kẻ ngu này xin nghiên cứu gốc ngọn, trần thuật lại mà suy xét cho sáng tỏ ý người viết truyện. Xem truyện họ Hồng Bàng thì hiểu rõ được lại do việc khai sáng ra nước Hoàng Việt. Truyện Dạ Thoa lược thuật về điểm manh nha của nước Chiêm Thành. Có truyện Bạch trí chép sự tích họ Việt Thường. Có truyện Rùa Vàng chép sử vua An Dương Vương. Đồ sinh lễ quý nhất nước Nam không có gì bằng tràu cao (3) cũng lấy đó mà

biểu dương nghĩa vợ chồng, tình huynh đệ. Nước Nam Việt về mùa hạ (4) không có gì quý bằng quả dưa hấu cũng dùng nó mà kể chuyện tự cậy vật báu của mình, quên cả ơn chúa. Truyện Bánh Chưng khen lòng hiếu dưỡng. Truyện Hà Ô Lôi răn thói dâm ô. Đồng Thiên Vương phá giặc An, Lý Ông Trọng diệt Hung Nô, đủ biết nước Nam ta có người tài giỏi. Chử Đồng Tử gá nghĩa cùng Tiên Dung, Thôi Vĩ tao phùng với tiên khách, cho nên, ơn đức có thể thấy vậy. Những truyện Đạo Hạnh, Không Lộ khen việc báo được thù cha, các vị thần tăng ấy há có thể mai một sao? Những truyện Ngư Tinh, Hồ Tinh nêu rõ sức trừ yêu quái mà ơn đức Long Quân không thể quên được vậy! Hai Bà Trưng trung nghĩa khi chết thành thần minh, treo cờ mà biểu dương, ai dám nói không được? Thần Tản Viên linh thiêng trừ loài thủy tộc, nêu lên cho hiển hách, ai lại bảo không phải? Than ôi! Nam Chiếu là con cháu Triệu Vũ Đế, nước mất lại biết phục thù; Man Nương là mẹ Mộc Phật, năm hạn làm được mưa rào; Tô Lịch là thần đất Long Đỗ, Xương Cuồng là thân cây chiên đàn, một đàn thì lập đàn tế lễ, dân được hưởng phúc, một đàn thì dùng trò vui mà trừ, dân được thoát hoa, việc tuy kì dị mà không quái đản, vẫn tuy thần bí mà không nhằm nhí, tuy có phần hoang đường mà tông tích vẫn có phần bằng cứ, há chẳng phải chỉ cốt khuyên điều thiện, răn điều ác, bỏ giả theo thật để khuyến khích phong tục mà thôi ư? So với sách “Sưu thần tự” (5) của đời Tấn và sách “U quái lục” của đời Đường thì cũng nhất trí vậy.

Than ôi! Lĩnh Nam liệt truyện há có phải chỉ riêng khắc vào đá viết vào tre mới là quý hơn ở bia miệng đâu (6)? Từ dưa bé hồi sữa đến cụ già bạc tóc đều truyền tụng để tỏ lòng yêu dấu để tỏ ý chê trách thì tất là có quan hệ đến cương thường, phong hóa, sự bổ ích há lại nhỏ bé ư.

Tháng hai năm Nhâm Tý, niên hiệu Hồng Đức, kẻ ngu này mới bắt đầu chép được truyện cũ, ôm lấy mà đọc, không tránh khỏi chữ nọ xọ chữ kia. Thế là quên mình đốt nát, đem ra hiệu chính, xếp thành hai quyển, đặt tên là “Lĩnh Nam Chích Quái liệt truyện”, cất ở trong nhà để tiện quan lãm. Còn như việc khảo chính, nhuận sắc, làm sáng truyện, gọt văn, chấp lời, rũa ý thì chừ vị quân tử hiếu cổ sau đây há không có ai hay sao? Cho nên viết bài tựa này.

Tiết trung hòa, mùa xuân

Năm Hồng Đức thứ 23 (7)

Vũ Quỳnh

Chú thích

(1) Bản A.750 chép: Quế Hải tuy ở Lĩnh Ngoại... Quế là danh từ để chỉ tỉnh Quảng Tây ở Trung Quốc. Quế Hải hiểu theo nghĩa rộng cũng có thể cả vùng Nam Hải, tức là chỉ cả nước ta nữa. Lĩnh là Ngũ Lĩnh, năm dải núi ở vùng Hoa Nam (Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây, Hồ Nam). Lĩnh Nam là vùng đất đai ở phía Nam Ngũ Lĩnh, đó là danh từ người Trung Quốc dùng để chỉ chung một phần Hoa Nam và cả nước ta.

(2) Bản A.2107 chép: “Nước ta dựng nước từ đời Hùng Vương, nhưng văn minh bắt đầu từ Đinh, Lê mà thịnh ở Lý, Trần đến này thì đã có quy cũ. Cho nên ghi chép quốc sử rất là tường tận. Lĩnh Nam Chích Quái chép sử ở lời truyền khẩu, không biết xuất hiện từ thời nào, hoàn thành ở người nào, họ tên bỏ trống không thấy chép.

(3) Bản A. 750 chép: Theo phong tục nước Nam, đồ sính lễ không có gì quý bằng trầu cau.

(4) Bản A.750 chép: Sản vật nước Nam về mùa hạ...

(5) Sơu thần tự: tức là sách Sơu thần ký của Can Bảo đời Tấn, chép các truyện về thần. Có 20 quyển, đời sau thêm 10 quyển nữa. U quái lục: tên một bộ sách chép truyện thần quái về đời Đường.

(6) Bản A.750 chép: Than ôi! Những sự lạ ở Lĩnh Nam nhiều như vậy soạn thành liệt truyện sao không đem khắc vào đá, chép vào giấy mà chỉ sáng trong nhân tâm, truyền ở bia miệng.

Bản A.2107 chép: Than ôi! Sự kỳ lạ ở Lĩnh Nam, việc biên chép ra liệt truyện không đời khắc vào đá, in vào gỗ mà vẫn in dấu vào lòng người, khắc bia vào miệng thế, đến nỗi từ đũa trở hồi sữa đến cụ già bạc tóc đều truyền tụng và yêu dấu...

(7) Bản A.750 lại ghi là: Tiết Trung hòa, mùa thu năm Hồng Đức thứ 23. Năm Hồng Đức thứ 23 là năm 1492 công lịch

TRUYỆN THIÊN TỘC VIỆT

Kinh Hùng, Lĩnh Nam Chích Quái

CHÍNH KINH

1. TRUYỆN HỒNG BÀNG

1. Cháu ba đời Viêm Đế họ Thần Nông tên là Đế Minh, sinh ra Đế Nghi, rồi đi nam tuần đến Ngũ Lĩnh, gặp được nàng con gái Vụ Tiên đem lòng yêu mến mới cưới về, sinh ra Lộc Tục, dung mạo đoan chính, thông minh túc thành; Đế Minh lấy làm lạ, cho nói ngói vua; Lộc Tục cố nhường cho anh, Đế Minh lập Đế Nghi làm tự quân cai trị phương Bắc,

phong Lộc Tục làm Kinh Dương Vương cai trị phương Nam, đặt quốc hiệu là Xích Quỷ Quốc.

2. Kinh Dương Vương xuống Thủy Phủ, cưới con gái vua Động Đình là Long Nữ, sinh ra Sùng Lãm tức là Lạc Long Quân; Lạc Long Quân thay cha để trị nước, còn Kinh Dương Vương thì không biết đi đâu. Lạc Long Quân dạy dân ăn mặc, bắt đầu có trật tự về quân thần, tôn ty, có luân thường về phụ tử, phu phụ; hoặc có lúc đi về Thủy Phủ nhưng trăm họ vẫn được yên ổn. Dân lúc nào có việc cần thời kêu Lạc Long Quân: “Bố đi đường nào, không đến mà cứu chúng ta” (người Nam gọi cha bằng Bố, gọi quân bằng vua là tặc tử), thì Lạc Long Quân lập tức đến ngay, uy linh cảm ứng không ai có thể trắc lượng được.

3. Đế Nghi truyền ngôi cho Đế Lai cai trị phương Bắc; nhân khi thiên hạ vô sự, sự nhớ đến chuyện ông nội là Đế Minh nam tuần gặp được tiên nữ Đế Lai bèn khiến Xi Vương tác chủ quốc sự mà nam tuần qua nước Xích Quỷ, thấy Long Quân đã về Thủy Phủ, trong nước không vua, mới lưu ái thiếp là Âu Cơ cùng với bộ chúng thị thiếp ở lại hành tại. Đế Lai chu lưu khắp thiên hạ, trải xem tất cả hình thể, trông thấy kỳ hoa, dị thảo, trân cầm dị thú, tê tượng, đồi mồi, kim ngân, châu ngọc, hồ tiêu, nhũ hương, trầm đàn, các loại sơn hào hải vị không thứ nào là không có; khí hậu bốn mùa lại không nóng không lạnh, Đế Lai ái mộ quá, quên cả ngày về.

4. Nhân dân nước Nam khổ về sự phiền nhiễu, không yên ổn như xưa, đêm ngày mong đợi Long Quân về nên mới đem nhau kêu rằng:

- Bố ở phương nào, nên mau về cứu nhân dân.

Lạc Long Quân bỗng nhiên lại về, thấy nàng Âu Cơ ở một mình, dung mạo đẹp lạ lùng, yêu quá, mới hóa ra một chàng nhi lang phong tú mỹ lệ, tả hữu thị tùng đông đảo, tiếng đàn ca vang đến hành tại. Âu Cơ trông thấy mà lòng cũng ưng theo; Long Quân bèn rước nàng về núi Long Trang. Đế Lai về không thấy Âu Cơ bèn sai quần thần tìm khắp thiên hạ. Long Quân có thần thuật, biến hiện trăm cách, nào là yêu tinh quỷ mị, nào là long xà hổ tượng, kẻ đi tìm úy cụ, không dám lục đảo tận cùng. Đế Lai trở về bắc truyền ngôi cho Đế Du Võng. Du Võng truyền lại cho Xi Vương cùng với Hoàng Đế đánh nhau ở Bản Tuyên và Trác Lộc không hơn nên tử trận. Họ Thần Nông bèn mất.

5. Âu Cơ ở với Lạc Long Quân giáp một năm, sinh ra một bọc trứng, cho là điềm không hay nên đem bỏ ra ngoài đồng nội; hơn bảy ngày, trong bọc nở ra một trăm trứng, mỗi trứng là một con trai, bà đem về nuôi nấng, không cho ăn, cho bú mà tự nhiên trường đại, trí dũng song toàn, ai cũng úy phục, bảo nhau đó là những anh em phi thường.

Long Quân ở lâu dưới Thủy Phủ; mẹ con ở một mình, nhớ về Bắc quốc liền đi lên biên cảnh; Hoàng Đế nghe tin lấy làm sợ mới phân binh trấn ngự quan tái; mẹ con không về Bắc được, đêm ngày gọi Long Quân:

- Bố ở phương nào làm cho mẹ con ta thương nhớ!

Long Quân hốt nhiên lại đến, gặp mẹ con ở Tương Dã. Au Cơ nói:

- Thiếp vốn người Bắc, cùng ở một nơi với quân, sinh được một trăm trai mà không có gì cúng dường, xin cùng theo nhau chớ nên xa bỏ, khiến cho ta là người không chồng không vợ, một mình vô võ.

Long Quân bảo:

- Ta là loài rồng, sinh trưởng ở thủy tộc; nàng là giống tiên, người ở trên đất, vốn chẳng như nhau, tuy rằng khí âm dương hợp lại mà có con, nhưng phương viên bất đồng, thủy hỏa tương khắc, khó mà ở cùng nhau trường cửu. Bây giờ phải ly biệt, ta đem năm mươi trai về Thủy Phủ phân trị các xứ, năm mươi trai theo nàng ở trên đất, chia nước mà cai trị, dù lên núi xuống nước nhưng có việc thì cùng nghe, không được bỏ nhau.

6. Trăm trai đều nghe mệnh, rồi mới từ giã ra đi. Au Cơ cùng với năm mươi người con trai ở tại Phong Châu (bây giờ là huyện Bạch Hạc), tự suy tôn người hùng trưởng lên làm vua, hiệu là Hùng Vương, quốc hiệu là Văn Lang; về bờ cõi của nước thì Đông giáp Nam Hải, Tây đến Ba Thục, Bắc đến Động Đình Hồ, Nam đến nước Hồ Tôn Tinh (bây giờ là nước Chiêm Thành), chia trong nước làm mười lăm bộ là: Giao Chỉ, Chu Diên, Ninh Sơn, Phúc Lộc, Việt Thường, Ninh Hải, Dương Tuyền, Quế Dương, Vũ Ninh, Hoài Hoan, Cửu Chân, Nhật Nam, Quế Lâm, Tượng Quận, sai các em phân trị, đặt em thứ làm tướng võ, tướng văn; tướng văn gọi là Lạc Hầu, tướng võ gọi là Lạc Tướng; con trai vua gọi là Quan Lang, con gái gọi là Mỹ Nương, quan Hữu ty gọi là Bồ Chính, thần bộ cớ nô lệ gọi là nô tỳ, xưng thần là khôi, đời đời cha truyền con nối gọi là phụ đạo, thay đời truyền cho nhau đều hiệu là Hùng Vương không đổi.

7. Dân ở rừng núi xuống sông ngòi đánh cá, thường bị giao long làm hại nên bạch với vua. Vua bảo rằng:

- Ở núi là loài rồng cùng với thủy tộc có khác, bọn chúng ưa đồng mà ghét dị cho nên mới xâm hại.

Bèn khiến lấy mực chàm hình trạng thủy quái ở thân thể, từ đó tránh được nạn giao long cắn hại; cái tục văn thân của Bách Việt thực khởi thủy từ đây.

8. Ban đầu quốc dân ăn mặc chưa đủ, phải lấy vỏ cây làm áo mặc, dệt cỏ ống làm chiếu nằm; lấy cốt gạo làm rượu, lấy cây quang lang, cây soa đồng làm bánh; lấy cầm thú, cá tôm làm nước mắm, lấy rễ gừng làm muối; lấy dao cày, lấy nước cấy; đất trồng nhiều gạo nếp, lấy ống tre thổi cơm, gác cây làm nhà để tránh nạn hổ lang; cắt ngắn đầu tóc để tiện vào rừng núi, con đẻ ra lột lá chuối cho nằm; nhà có người chết thì giã cối gạo để cho hàng xóm nghe mà chạy đến cứu giúp; trai gái cưới nhau trước hết lấy muối làm lễ hỏi, rồi sau mới giết trâu để làm lễ thành hôn, đem cơm nếp vào trong phòng cùng ăn với nhau cho hết, rồi sau mới tương thông; lúc bấy giờ chưa có trầu cau nên phải thế.

9. Bách Nam là thủy tổ của Bách Việt vậy.

Chú thích

2. Xích Quỷ: xin chớ hiểu quỷ là quỷ đỏ, mà phải hiểu là lớn lao và thường đi với chữ chủ để chỉ người có quyền lớn lao ở miền Nam (xem Việt Lý Tố Nguyên tr.355). Còn Xích là phần tinh hoa nhất, cự phách nhất (xem tự điển Thiều Chửu chữ Xích). Vậy Xích Quỷ có nghĩa là làm chủ chốt cái tinh hoa của miền Nam, có thể nói là miền xích đạo, miền nông nghiệp lúa Mễ.

3. Tuy tả cảnh đất phì nhiêu, khí hậu không nóng không lạnh, nhưng cũng nên hiểu cả về môi sinh tinh thần là không thái quá hay bất cập v.v...

4. Có người sợ mang tiếng cho Au Cơ dâm loạn hai chồng... nên đổi chữ vợ ra con gái, nhưng không nên làm thế.

5&6. Đây là lúc mẫu tộc chuyển sang phụ tộc nhưng một cách rất đặc biệt nên ảnh hưởng mẫu tộc còn lại rất nhiều, tô điểm cho văn hóa Kinh Hùng nét đặc trưng rất đáng quý (xem toàn vài VII Còn Mẹ). Có bản nói Long Quân ở lâu dưới Thủy Phủ quên mình có con, các con cũng không biết mình có cha. Nói vậy là tỏ ra mẫu tộc còn mạnh, lúc con mới biết có mẹ.

7. Xâm mình là bước cuối cùng trên con đường thờ vật tổ. Bước trước là ăn vật tổ theo nghi thức tham dự linh thiêng (communion sacramentelle) sau đến vẽ hình vật tổ lên mình, để rồi cuối cùng chuyển ra vật biểu trong đợt minh triết. Vẽ mình tức đã ra vòng ngoài nhiều, nên rỗng ghét, nhưng nhờ vẽ mình rỗng (chỉ tiềm thức) nên còn hòa giải được. Không xảy ra vụ giết rỗng như Tây Au.

8. Gác cây làm nhà sàn: giá mộc vi ốc. So với câu “giá mộc kết thảo vi cư”, lại so với hình vẽ nhà sàn trên trống đồng thì nhận ra đó là nhà sàn, và đã đủ dữ kiện để biểu thị trời, người, đất rồi. Lấy cây quang lang, cây xoa đồng làm bánh. Đây cũng hàm ý siêu hình, cây quang lang chỉ người sáng suốt kiểu nữ thần mộc.

- Giã cối làm hiệu: đó là tục sẽ dẫn đến việc đúc trống đồng.

TRUYỆN THIÊNG TỘC VIỆT
Kinh Hùng, Lĩnh Nam Chích Quái

CHÍNH KINH

1. TRUYỆN HỒNG BÀNG

1. Cháu ba đời Viêm Đế họ Thần Nông tên là Đế Minh, sinh ra Đế Nghi, rồi đi nam tuần đến Ngũ Lĩnh, gặp được nàng con gái Vụ Tiên đem lòng yêu mến mới cưới về, sinh ra Lộc Tục, dung mạo đoan chính, thông minh túc thành; Đế Minh lấy làm lạ, cho nối ngôi vua; Lộc Tục cố nhường cho anh, Đế Minh lập Đế Nghi làm tự quân cai trị phương Bắc, phong Lộc Tục làm Kinh Dương Vương cai trị phương Nam, đặt quốc hiệu là Xích Quỷ Quốc.

2. Kinh Dương Vương xuống Thủy Phủ, cưới con gái vua Động Đình là Long Nữ, sinh ra Sùng Lãm tức là Lạc Long Quân; Lạc Long Quân thay cha để trị nước, còn Kinh Dương Vương thì không biết đi đâu. Lạc Long Quân dạy dân ăn mặc, bắt đầu có trật tự về quân thần, tôn ty, có luân thường về phụ tử, phu phụ; hoặc có lúc đi về Thủy Phủ nhưng trăm họ vẫn được yên ổn. Dân lúc nào có việc cần thời kêu Lạc Long Quân: “Bố đi đàng nào, không đến mà cứu chúng ta” (người Nam gọi cha bằng Bố, gọi quân bằng vua là tự đấy), thì Lạc Long Quân lập tức đến ngay, uy linh cảm ứng không ai có thể trắc lượng được.

3. Đế Nghi truyền ngôi cho Đế Lai cai trị phương Bắc; nhân khi thiên hạ vô sự, sức nhớ đến chuyện ông nội là Đế Minh nam tuần gặp được tiên nữ Đế Lai bèn khiến Xi Vương tác chủ quốc sự mà nam tuần qua nước Xích Quỷ, thấy Long Quân đã về Thủy Phủ, trong nước không vua, mới lưu ái thể là Âu Cơ cùng với bộ chúng thị thiếp ở lại hành tại. Đế Lai chu lưu khắp thiên hạ, trải xem tất cả hình thể, trông thấy kỳ hoa, dị thảo, trân cầm dị thú, tê tượng, đồi mồi, kim ngân, châu ngọc, hồ tiêu, nhũ hương, trầm đàn, các loại sơn hào hải vị không thứ nào là không có; khí hậu bốn mùa lại không nóng không lạnh, Đế Lai ái mộ quá, quên cả ngày về.

4. Nhân dân nước Nam khổ về sự phiền nhiễu, không yên ổn như xưa, đêm ngày mong đợi Long Quân về nên mới đem nhau kêu rằng:

- Bố ở phương nào, nên mau về cứu nhân dân.

Lạc Long Quân bỗng nhiên lại về, thấy nàng Âu Cơ ở một mình, dung mạo đẹp lạ lùng, yêu quá, mới hóa ra một chàng nhi lang phong tú mỹ lệ, tả hữu thị tùng đông đảo, tiếng đàn ca vang đến hành tại. Âu Cơ trông thấy mà lòng cũng ưng theo; Long Quân bèn rước nàng về núi Long Trang. Đế Lai về không thấy Âu Cơ bèn sai quần thần tìm khắp thiên hạ. Long Quân có thần thuật, biến hiện trăm cách, nào là yêu tinh quý mị, nào là long xà hổ tượng, kẻ đi tìm úy cụ, không dám lục đảo tận cùng. Đế Lai trở về bắc truyền ngôi cho Đế Du Võng. Du Võng truyền lại cho Xi Vương cùng với Hoàng Đế đánh nhau ở Bản Tuyền và Trác Lộc không hơn nên tử trận. Họ Thần Nông bèn mất.

5. Âu Cơ ở với Lạc Long Quân giáp một năm, sinh ra một bọc trứng, cho là điềm không hay nên đem bỏ ra ngoài đồng nội; hơn bảy ngày, trong bọc nở ra một trăm trứng, mỗi trứng là một con trai, bà đem về nuôi nấng, không cho ăn, cho bú mà tự nhiên trường đại, trí dũng song toàn, ai cũng úy phục, bảo nhau đó là những anh em phi thường.

Long Quân ở lâu dưới Thủy Phủ; mẹ con ở một mình, nhớ về Bắc quốc liền đi lên biên cảnh; Hoàng Đế nghe tin lấy làm sợ mới phân binh trấn ngự quan tái; mẹ con không về Bắc được, đêm ngày gọi Long Quân:

- Bố ở phương nào làm cho mẹ con ta thương nhớ!

Long Quân hốt nhiên lại đến, gặp mẹ con ở Tương Dã, Âu Cơ nói:

- Thiếp vốn người Bắc, cùng ở một nơi với quân, sinh được một trăm trai mà không có gì cức dưỡng, xin cùng theo nhau chớ nên xa bỏ, khiến cho ta là người không chồng không vợ, một mình vô võ.

Long Quân bảo:

- Ta là loài rồng, sinh trưởng ở thủy tộc; nàng là giống tiên, người ở trên đất, vốn chẳng như nhau, tuy rằng khí âm dương hợp lại mà có con, nhưng phương viên bất đồng, thủy hỏa tương khắc, khó mà ở cùng nhau trường cửu. Bây giờ phải ly biệt, ta đem năm mươi trai về Thủy Phủ phân trị các xứ, năm mươi trai theo nàng ở trên đất, chia nước mà cai trị, dù lên núi xuống nước nhưng có việc thì cùng nghe, không được bỏ nhau.

6. Trăm trai đều nghe mệnh, rồi mới từ giã ra đi. Âu Cơ cùng với năm mươi người con trai ở tại Phong Châu (bây giờ là huyện Bạch Hạc), tự suy tôn người hùng trưởng lên làm vua, hiệu là Hùng Vương, quốc hiệu là Văn Lang; về bờ cõi của nước thì Đông giáp Nam Hải, Tây đến Ba Thục, Bắc đến Động Đình Hồ, Nam đến nước Hồ Tôn Tinh (bây giờ là nước Chiêm Thành), chia trong nước làm mười lăm bộ là: Giao Chỉ, Chu Diên, Ninh Sơn, Phúc Lộc, Việt Thường, Ninh Hải, Dương Tuyền, Quế Dương, Vũ Ninh, Hoài Hoan, Cửu Chân, Nhật Nam, Quế Lâm, Tượng Quận, sai các em phân trị, đặt em thứ làm tướng võ, tướng văn; tướng văn gọi là Lạc Hầu, tướng võ gọi là Lạc Tướng; con trai vua gọi là Quan Lang, con gái gọi là Mỹ Nương, quan Hữu ty gọi là Bồ Chính, thần bộ nô lệ gọi là nô tỳ, xưng thần là khôi, đời đời cha truyền con nối gọi là phụ đạo, thay đời truyền cho nhau đều hiệu là Hùng Vương không đổi.

7. Dân ở rừng núi xuống sông ngòi đánh cá, thường bị giao long làm hại nên bạch với vua. Vua bảo rằng:

- Ở núi là loài rồng cùng với thủy tộc có khác, bọn chúng ưa đồng mà ghét dị cho nên mới xâm hại.

Bèn khiến lấy mực chàm hình trạng thủy quái ở thân thể, từ đó tránh được nạn giao long cắn hại; cái tục văn thân của Bách Việt thực khởi thủy từ đây.

8. Ban đầu quốc dân ăn mặc chưa đủ, phải lấy vỏ cây làm áo mặc, dẹt cổ ống làm chiếu nằm; lấy cốt gạo làm rượu, lấy cây quang lang, cây soa đồng làm bánh; lấy cầm thú, cá tôm làm nước mắm, lấy rễ gừng làm muối; lấy dao cày, lấy nước cấy; đất trồng nhiều gạo nếp, lấy ống tre thổi cơm, gác cây làm nhà để tránh nạn hổ lang; cắt ngắn đầu tóc để tiện vào rừng núi, con đẻ ra lót lá chuối cho nằm; nhà có người chết thì già cối gạo để cho hàng xóm nghe mà chạy đến cứu giúp; trai gái cưới nhau trước hết lấy muối làm lễ hỏi, rồi sau mới giết trâu để làm lễ thành hôn, đem cơm nếp vào trong phòng cùng ăn với nhau cho hết, rồi sau mới tương thông; lúc bấy giờ chưa có trầu cau nên phải thế.

9. Bách Nam là thủy tổ của Bách Việt vậy.

Chú thích

2. Xích Quỷ: xin chớ hiểu quỷ là quỷ đỏ, mà phải hiểu là lớn lao và thường đi với chữ chủ để chỉ người có quyền lớn lao ở miền Nam (xem Việt Lý Tố Nguyên tr.355). Còn Xích là phần tinh hoa nhất, cự phách nhất (xem tự điển Thiều Chửu chữ Xích). Vậy Xích Quỷ có nghĩa là làm chủ chốt cái tinh hoa của miền Nam, có thể nói là miền xích đạo, miền nông nghiệp lúa Mễ.

3. Tuy tả cảnh đất phì nhiêu, khí hậu không nóng không lạnh, nhưng cũng nên hiểu cả về môi sinh tinh thần là không thái quá hay bất cập v.v...

4. Có người sợ mang tiếng cho Au Cơ dâm loạn hai chồng... nên đổi chữ vợ ra con gái, nhưng không nên làm thế.

5&6. Đây là lúc mẫu tộc chuyển sang phụ tộc nhưng một cách rất đặc biệt nên ảnh hưởng mẫu tộc còn lại rất nhiều, tô điểm cho văn hóa Kinh Hùng nét đặc trưng rất đáng quý (xem toàn vài VII Còn Mẹ). Có bản nói Long Quân ở lâu dưới Thủy Phủ quên mình có con, các con cũng không biết mình có cha. Nói vậy là tỏ ra mẫu tộc còn mạnh, lúc con mới biết có mẹ.

7. Xâm mình là bước cuối cùng trên con đường thờ vật tổ. Bước trước là ăn vật tổ theo nghi thức tham dự linh thiêng (communion sacramentelle) sau đến vẽ hình vật tổ lên mình, để rồi cuối cùng chuyển ra vật biểu trong đợt minh triết. Vẽ mình tức đã ra vòng ngoài nhiều, nên rộng ghét, nhưng nhờ vẽ mình rộng (chỉ tiềm thức) nên còn hòa giải được. Không xảy ra vụ giết rồng như Tây Au.

8. Gác cây làm nhà sàn: giá mộc vi ốc. So với câu “giá mộc kết thảo vi cư”, lại so với hình vẽ nhà sàn trên trống đồng thì nhận ra đó là nhà sàn, và đã đủ dữ kiện để biểu thị

trời, người, đất rồi. Lấy cây quang lang, cây xoa đồng làm bánh. Đây cũng hàm ý siêu hình, cây quang lang chỉ người sáng suốt kiểu nữ thần mộc.

- Giã cối làm hiệu: đó là tục sẽ dẫn đến việc đúc trống đồng.

2. TRUYỆN NGƯ TINH

10. Trong biển Đông Hải có loài Ngư tinh, mình dài hơn năm mươi trượng, có nhiều chân giống như chân rết, biến hóa vô cùng, linh dị khó dò được; mỗi khi đi đâu thì nổi cơn mưa gió, hay ăn thịt người, ai cũng đều sợ hãi.

11. Thời thượng cổ có loại cá mặt giống như mặt người, thường đi chơi trên bờ Đông Hải, hóa thành hình người, ngôn ngữ thông hoạt dần dần sinh lớn ra người trai gái, lấy cá tôm, hến ốc làm vật ăn; lại có giống người mới sinh ở hải đảo lấy sự bắt người làm sinh nhai, cũng thành ra người, cùng với đàn ông đổi chác các phẩm vật như muối gạo, áo quần, dao búa, thường qua lại ở biển Đông Hải.

12. Trong có núi Ngư tinh, miệng răng nhô ra ngoài bờ biển, ở dưới núi có một chiếc hang lớn, đó là nơi cư trú của Ngư tinh; thuyền nhân dân qua lại phần nhiều bị hại; phong ba hiểm yếu, họ không có đường nào mà tránh; muốn mở một lối đi ngã khác thì họ lại gặp cát đá không thể nào đào được.

Một đêm kia, có tiên xuống moi đá làm kênh cho sự thông hành của loài người được tiện lợi; kênh sắp được đào xong thì Ngư tinh hóa ra một con gà trắng gáy ở trên núi; quần tiên nghe thấy ngỡ là trời gần sáng nên đều tự nhiên bay đi hết, nay gọi là đường Phật.

13. Lạc Long Quân thương dân bị hại mới làm một con thuyền lớn, ra lệnh cho Thủy Dạ Xoa cấm thần biển không được làm gió sóng, chèo thuyền đến núi Ngư tinh, giả đem một người đến cho Ngư tinh ăn; Ngư tinh há miệng toan nuốt, Long Quân liền lấy một khối sắt nung đỏ liệng vào miệng cá; Ngư tinh vùng vẫy nhảy đến đánh thuyền; Long Quân chém được khúc đuôi, lột da treo lên trên núi, nay gọi là Bạch Long Vỹ; khúc đầu trôi ra ngoài biển, hóa ra chó mà chạy mất; Long Quân lấy đá lấp biển thì chém được, nó bèn hóa ra đầu chó, nay gọi là Cầu Đầu; khúc mình trôi vào Man Cầu, nay gọi là Cầu Man Cầu là bởi đó vậy.

Chú thích

11. Trong truyện nói cá ăn thịt người có thể do cướp bể xa xưa mà có hình ảnh này. Nhưng xem huyền thoại Tàu thì có lúc họ nhận cá làm vật tổ, đến đời nhà Tần còn nhận

như vậy và do đấy có những truyện tế người cho Hà Bá. Nên lưu ý người Tàu xưa năng dùng hoa văn cá là liên hệ với tin tưởng ở đây. Về phương diện này Lạc Long Quân tiến sớm hơn phương bắc.

12. Gà trắng sẽ thấy xuất hiện trong truyện Kim Quy, cũng đều không tốt: gà (cung Dậu) cũng như sắc trắng đều nằm về phía tây.

13. Khối sắt nung đỏ ném vào miệng cá có thể chỉ văn hóa Viêm phương hành hỏa chống lại văn minh du mục bắc phương (cá là hành thủy phương bắc).

3. TRUYỆN HỒ TINH

14. Thành Thăng Long ngày xưa gọi là đất Long Biên, đời thượng cổ chưa có người ở. Đến đời vua Lý Thái Tổ chèo thuyền ở sông Nhị Hà, có hai con rồng dẫn thuyền đi, nhân đó mới đặt tên là Thăng Long và đóng đô ở đấy, tức là kinh thành ngày nay vậy.

15. Buổi đầu, chỗ đất này về phía Tây có một ngọn núi đá, dưới núi có một cái hang, có một con hồ chín đuôi sống hơn một nghìn năm thành ra yêu quái, biến hóa vạn trạng, có lúc hóa người, lúc hóa khí, đi khắp cả nhân gian. Lúc bấy giờ ở dưới chân núi Tản Viên có giống người mọi gác cây kết cỏ mà ở, trên núi có một vị thần được mọi người phụng thờ. Vị thần ấy dạy cho mọi người cày ruộng, dệt vải, may áo trắng mà mặc, nhân đó gọi là bạch y man.

16. Hồ chín đuôi hóa ra người áo trắng nhập vào trong bọn mọi, cùng lũ mọi ca hát, dụ dỗ được người con trai, con gái nào thì đem về nhốt ở hang đá; người mọi lấy làm khổ sở về việc ấy.

17. Long Quân mới sai bộ hạ Thủy Phủ dâng nước lên đánh phá núi Tiểu Thạch Sơn, đào thành một cái đầm lớn, chính giữa thành có một chiếc vực sâu, gọi là Thi Hồ Trạch (nay là Hồ Tây) rồi lập chùa quán để trấn yểm nữa (nay là Thiên Niên Quán), bờ phía Tây bên đầm thì đồng nội bằng phẳng, ruộng ao cày cấy, gọi là Lỗ Hồ Động. Chỗ nào cao ráo thì đều có dân cư, tục gọi là Hồ Thôn. Còn cái hang nay gọi là Lỗ Hồ Đầm vậy.

Chú thích

14. Thăng Long thành đặt giữa hai sông rõ ràng bao hàm ý sông Tương nước chảy hai dòng. Còn sự giữ được nét song trùng là nhờ có Thăng Long tức Việt lên siêu hình. Xin nhớ Lạc Long Quân với Âu Cơ gặp nhau ở Tương Dã (H.5 thì cũng hàm ý sông Tương.

15. Phía tây chỉ mưu trí liên hệ với cáo già, cũng gặp được trong lễ Na có đoạn đánh hổ rừng: “đã dã hổ”, nhưng nực cười là chữ hổ bộ cầu lại cũng có nơi viết bộ cổ để chỉ Hung Nô phía tây bắc (Danses, 327). Hồ tinh liên hệ với Ngư tinh (lẽ ra phải nói Bắc mới là hành thủy (nơi ở của cá), thế mà sách lại nói đông thì chắc là do thói thường chỉ mạn đông bắc) cả hai loài Hồ tinh và Ngư tinh không bị diệt hẳn nên còn quấy phá văn hóa phương nam đến tận nay.

16. Truyện này có thể hàm ý du mục phá nông nghiệp. Ốc du mục quý quyết được chỉ bằng hồ 9 đuôi, bắt người nhốt hang như Cộng sản nhốt người ta vào hang ý hệ Mác-Lê, nói là hang vì trừ thuyết Mác-Lê ra thì không cho dân nghe hay xem chi bên ngoài. Các sách vở khác đều đốt hết như Tàn Thủy Hoàng xưa.

17. Long Quân truyền thủy bộ phá Hồ. Có sách thêm Long Quân truyền cho “thủy phủ tam quan” làm việc đó, thì tam chỉ đạo ba của nông nghiệp.

Có truyền thuyết nói là Kim Ngưu Tự (chùa trâu vàng). Trâu là nông nghiệp. Vàng là trung cung màu của Việt tộc.

4. TRUYỆN MỘC TINH

18. Thuộc địa giới Phong Châu, về đời thượng cổ có một cây đại thụ tên là Chiên Đàn, thân cao nghìn tầng, cành lá xum xê không biết mấy nghìn dặm, có chim thước làm ổ ở trên cây nên chỗ đất ấy đặt tên là Bạch Hạc. Cây Chiên Đàn trải qua không biết mấy nghìn năm đến khi khô hủ thì hóa làm yêu tinh, biến hiện dững mãnh, thường sát nhân dân.

19. Kinh Dương Vương dùng thần thuật thắng được yêu tinh, nhưng yêu tinh quý quyết, nay ở chỗ này, mai ở chỗ khác, biến hóa bất trắc, thường ăn người sống, dân phải lập đền thờ mà cầu đảo. Mỗi năm đến ngày ba mươi tháng chạp, dùng một người sống làm lễ tế thì con tinh ấy mới chịu thôi, mà nhân dân cũng được yên ổn, tương truyền với nhau là Thần Xương Cuồng. Địa giới phía tây nam gần nước Mi Hầu, người trong nước khiến Bà Lộ Man (nay là phủ Diêm Châu) cướp lấy một người Lão tử nạp làm lễ tế, năm nào cũng lễ thường như vậy. Kịp đến khi Tàn Thủy Hoàng sai Nhâm Ngao sang làm quan Lệnh Long Xuyên, Nhâm Ngao đổi cái lệ đó, cấm không được đem người sống mà tế. Thần giận, thần giết đi, từ đó về sau sự tế thần lại càng kính cẩn.

20. Đến đời Đinh Tiên Hoàng, có một pháp sư tên là Dũ Văn Mẫu người Tàu, tu hành chín chắn, tuổi hơn bốn mươi, đã chu du các nước, thông hiểu nhiều ngôn ngữ, tập được phép nãi vàng răng đồng, khi sang đến nước ta thì đã tám mươi tuổi; Tiên Hoàng lấy lễ thượng mà đãi đằng. Dũ Văn Mẫu dạy lấy kỹ thuật phỉnh thần Xương Cuồng rồi giết đi.

21 Từ đó miền được cái họa dằng người hàng năm, mà sinh hoạt của nhân dân được bảo toàn vậy.

Chú thích

Ba vĩ tích của Lạc Long Quân cho vào một nhóm vì nó nói lên bước xả một cách có hàm ngụ cơ cấu, đi theo lối khai quang sửa soạn (via negativa) để cho Hùng Vương xây nền nhân chủ sau này.

Truyện Mộc tinh có hai giai đoạn cuối cùng mang tính chất ma thuật đã thêm vào sau nhiều bản bỏ. Vậy ở đây cũng xin bỏ luôn. Xét ra nó nghịch với tinh thần xả bỏ bái vật ma thuật của ba vĩ tích.

18. Mộc tinh hiểu là “ma mộc” gỗ khô, tức những gì hư hóa, nhất là các thứ dị đoan chỉ bằng xương cuồng. Lạc Long Quân cũng đuổi đi, rồi sau có người dùng ma thuật thì cũng chỉ là tạm bợ, nên nó còn lưu hành trong dân chúng, tuy nhiên cả ba thứ tinh không còn nhô đầu lên văn đàn được nữa như bên Âu Tây. Hồ tinh và Ngự tinh chỉ còn tác hại dưới hình thức du mục vô biên.

5. TRUYỆN TRẦU CAU

22. Đồi thượng cổ có một chàng tên là Quang Lang trạng mạo cao lớn. Quốc vương cho họ là Cao, nhân lấy chữ Cao làm họ, sinh được hai trai, người đầu tên là Tân, người thứ tên là Lang. Cha mẹ chết, hai anh em sang trọ nhà thầy đạo sĩ họ Lưu, cũng gọi là Lưu Huyền.

23. Nhà họ Lưu có một người con gái, tuổi chừng mười bảy hay mười tám muốn tìm đôi bạn, nhưng không biết người nào là anh em, bèn bưng một bát cháo và một đôi đũa mời hai người ăn để xem ai là anh ai là em. Thấy người em nhường cho người anh ăn trước, nàng bèn ghi nhớ lấy, đem tình thực trình bày với cha mẹ. Cha mẹ gả cho người anh kết làm vợ chồng, tình ái càng ngày càng thân mật.

24. Sau đấy, người em thấy anh đã xử với mình không bằng lúc xưa, đem lòng hờn giận mới bỏ anh mà đi. Đi đến một nơi thôn dã bỗng gặp một cái suối lớn: không có thuyền để sang ngang, người em ngồi một mình khóc ròng rồi chết hóa thành một cái cây.

25. Đến khi người anh mất em mới bỏ vợ đi tìm chỉ thấy em đã chết gieo mình bên gốc cây, mà tự tận hóa thành một tảng đá quấn quanh gốc cây.

26. Sau đấy, người vợ lấy làm lạ sao chồng mình đi đã lâu mà không thấy về liền bỏ đi tìm, thấy chồng đã chết, nàng cũng gieo mình ôm lấy tảng đá mà chết luôn, hóa ra một sợi dây leo vắt trên đá, ngọn lá mùi thơm và say.

27. Cha mẹ Lưu thị đi tìm con, đến đó cũng than khóc, rồi lập đền thờ ở chỗ ấy mà thờ, người đương thời đi qua đấy, ai cũng đốt nhang vái lạy, khen là anh em hòa thuận, vợ chồng tiết nghĩa.

28. Trong không tháng bảy, tháng tám, khí nóng còn nồng, Hùng Vương đi tuần hành thường nghỉ chân ở đấy để tránh nắng. Trông thấy trước đền im mát, dây lá phủ trùm, Vương lên tảng đá đứng ngắm nghía, hỏi ra mới biết công việc như thế, Vương lập tức bảo cận thần hái một trái cây và hái một lá dây leo, Vương thân nhai đi rồi nhổ trên đá, thấy có sắc đỏ tươi biết là vị ngon mới lấy đem về, bảo lấy đá lửa nung làm vôi, cùng với trái cây, lá dây hợp làm một mà ăn, thấy vị ngọt béo, thơm cay, môi mép sinh đỏ, mới truyền ban ra thiên hạ, phàm những lễ giá thú, hội đồng lớn nhỏ, đều phải lấy vật này làm trước. Ngày nay cây cau, cây trầu không, đá vôi là do đó. Từ bấy giờ nước Nam có tục ăn trầu cau là bắt đầu từ đấy.

Chú thích

22&28. Truyện Trầu Cau nói lên tình huynh đệ cũng như nghĩa vợ chồng rất đẹp dễ hiểu, lại còn hàm ngụ thêm ý nghĩa siêu hình là Thái Hòa trời đất được biểu thị bằng sắc đỏ, như đã bàn trong bài Văn Lang Quốc. Có bản thêm tên cô gái là Liên, còn thầy tên là Lưu Huyền, hoặc Lưu Đạo Huyền thì càng nói lên rõ ý nghĩa: Liên là lá trầu quấn quanh cây và đá, tức làm cho Kim (đá) Mộc (cây cau) liên hệ với nhau để vươn lên đạo huyền diệu vô thanh vô xứ. Có thể vì chữ huyền mà có chữ không trong trầu không (xem Sử Điệp, bài V).

6. TRUYỆN ĐÀM NHÁT DẠ

29. Hùng Vương truyền ngôi đến vua cháu ba đời, có sinh được một người con gái tên là Tiên Dung My Nương, tuổi vừa mười tám, dung mạo tú lệ, nguyện không lấy chồng, chỉ thích ngao du thiên hạ. Vương chiều mà nghe theo. Mỗi năm không tháng hai, tháng ba, nàng sửa soạn thuyền ghe, lệnh đênh ngoài biển, vui chơi quên cả ngày về.

30. Lúc bấy giờ ở làng Chử Xá có người tên là Chử Vy Vân sinh được một người con trai tên là Chử Đồng Tử, hai cha con tính vốn hiền lành, nhà nghèo lại gặp nhà cháy, của cải khánh kiệt tận chỉ còn một cái khổ vải, cha con ra vào thay đổi nhau mà mặc. Bị bệnh già, cha bảo con rằng:

- Ta chết thì chôn lộ thể cũng được, để cái khổ lại cho con mặc kéo xấu hổ.

31. Cha chết, người con không nở làm thể, cứ để cả khổ mà chôn. Chử Đồng Tử bấy giờ thân hình trần truồng, đói rét khôn xiết, mới cầm cần câu đi đến bờ sông câu cá, trông thấy thuyền buồm đi qua, đứng dưới nước mà xin ăn. Nào ngờ thuyền của Tiên Dung bỗng đến đó; nghe thấy tiếng chuông trống đàn sáo, thấy những nghi trượng cờ xí, Đồng Tử sợ hãi, không biết trốn vào đâu, trông thấy trong bãi phù sa có chòm lau sậy, lờ thớ năm ba gốc, bèn ẩn thân vào đó, đào cát thanh huyết để giấu mình, lại lấy cát vùi lên trên.

32. Giây lát, thuyền của Tiên Dung ghé vào đó; nàng dạo chơi trên bãi cát, thuyền lấy mùng màn vây kín cả chỗ lau sậy để tắm.

33. Tiên Dung vào trong màn, cởi áo múc nước dội tắm; cát chảy, thân hình Đồng Tử lộ ra, hồi lâu Tiên Dung biết là con trai. Tiên Dung nói:

- Ta đã không thích lấy chồng, nay lại gặp người này cùng lộ thân với nhau trong một huyết cát, có lẽ trời khiến thế chăng? Thôi người hãy dậy mà tắm rửa đi.

Rồi ban cho áo quần, cùng nhau xuống thuyền ăn uống hoan lạc; người trong thuyền đều cho là một sự gặp gỡ tốt lành xưa nay chưa từng có.

34. Đồng Tử nói rõ sự tích cho Tiên Dung nghe; Tiên Dung thương xót, bảo làm vợ chồng. Đồng Tử cố từ. Tiên Dung nói:

- Việc này tự trời tác hợp, việc gì mà từ chối?

35. Những người tháp tùng vội đem việc ấy tâu lên với Hùng Vương; Hùng Vương giận bảo rằng:

- Tiên Dung không biết trọng danh tiết, không biết tiếc tiền của ta, đi chơi giữa đường lại hạ giá, lấy người nghèo, còn mặt mũi nào mà thấy ta nữa, từ nay mặc kệ nó, không cho trở về nước nữa.

36. Tiên Dung nghe tin, sợ không dám trở về mới cùng với Đồng Tử mở chợ búa, lập phố xá, cùng nhân gian mậu dịch, dần dần nơi ấy thành một ngôi chợ lớn (nay là chợ Hà Lỗa); thương nhân ngoại quốc qua lại buôn bán, kính sợ Tiên Dung Đồng Tử làm chủ.

37. Có một nhà đại thương đến nói với Tiên Dung rằng:

- Quý nhân xuất ra một thoi vàng, năm nay cùng với người nhà buôn ra ngoài biển mà mua vật quý, sang năm sẽ lời được một thoi.

Tiên Dung bảo Đồng Tử rằng:

- Vợ chồng ta do trời định khiến, ăn mặc là của trời cho, bây giờ nên lấy một thoi vàng cùng với người nhà buôn đi ra biển mà mua hàng đem về làm kế sinh nhai.

38. Đồng Tử bèn cùng đi với người nhà buôn; ngoài biển có một hòn núi tên là Quỳnh Viên Sơn; trên núi có một chiếc am nhỏ, người đi buôn ghé thuyền ở đấy mà mức nước; Đồng Tử lên chơi trên am, có một tiểu tăng tên là Phật Quang truyền phép cho Đồng Tử. Đồng Tử mới lưu lại am nghe thuyết pháp, giao vàng cho người đi buôn mua hàng, dặn lúc nào trở về thì ghé lại am để cho Đồng Tử về. Nhà sư mới tặng cho Đồng Tử một cái gậy và một cái nón, bảo rằng:

- Linh thông tại đây đó.

Đồng Tử trở về, đem chuyện đạo Phật nói hết với Tiên Dung, từ đó giác ngộ, bỏ chợ búa, nghề buôn, đem nhau đi tìm thầy học đạo. Một hôm trời đã tối mà chưa đến nhà trọ, họ mới ở lại giữa đường, cắm gậy úp nón lên trên để che. Đêm đến canh ba, thấy hiện ra thành quách, lầu son đèn báu, đài các lăng miếu, kho tàng miếu xà, vàng bạc châu ngọc, chiếu giường, mùng màn, tiên đồng ngọc nữ, tướng sĩ thị vệ la liệt đầy ở trước mặt.

39. Sáng ngày ai trông thấy cũng lấy làm kinh dị, tranh nhau đem những vật hoa hương, ngọc thực đến dâng hiến và xưng thần. Văn võ bá quan phân quân túc vệ, biệt lập thành một nước.

Hùng Vương hay tin cho là con gái mình làm loạn mới phát binh đi đánh; quan quân đến rồi, quần thần xin phân quân án ngữ.

40. Tiên Dung rằng:

- Chuyện này không phải tự ta làm ra, cũng là trời giun gửi; sinh tử tại thiên, ta đâu dám chống cha, phải thuận chịu điều chính, chờ lệnh chém giết.

Lúc bấy giờ những người mới tập hợp, sợ hãi mà chạy tán loạn, chỉ còn bọn người cũ ở lại với Tiên Dung.

41. Quan quân kéo đến đóng doanh ở bãi Tự Nhiên, chỉ còn cách một con sông lớn; ngày sắp tối nên chưa kịp tiến binh. Chừng đến nửa đêm, hốt nhiên gió lớn thổi làm nổi sóng đổ cây; quan quân đại loạn; bộ đảng, thành quách của nàng Tiên Dung nhất thời nhỏ đi bay lên trời; đất ở chỗ ấy sập xuống thành một cái đầm lớn. Sáng ngày, dân gian

không trông thấy thành nữa, cho là linh dị bèn lập miếu đường, thời thường đến tế, gọi đầm ấy là Nhất Dạ Trạch, châu ấy là Man Trù Châu (hoặc gọi là Tự Nhiên Châu), chợ ấy là Hà Lỗ Thị.

42. Sau đến thời Nam Đế, binh nhà Lương sang xâm chiếm nước ta, vua sai Triệu Quang Phục làm tướng đem binh ngăn giữ. Quang Phục điều động dân chúng tàng ẩn ở trong đầm, cái đầm ấy sâu rộng bùn lầy, khó bề tiến lui; Quang Phục cỡi chiếc thuyền độc mộc qua lại cho tiện, thường nhân đêm tối, dùng thuyền mà đột xuất đánh phá cướp lấy lương thực, làm kế trí cừu cho giặc kiệt quệ. Ba bốn năm trường giặc không đánh được. Bá Tiên than rằng:

- Đồi xưa gọi là đầm nhất dạ thẳng thiên, ngày nay lại là cái đầm nhất dạ đạo kiếp.

43. Gặp lúc Hâu Cảnh tác loạn bên Trung Hoa, vua Lương triệu Bá Tiên về, ủy quyền cho tỳ tướng Dương Sấn thống lĩnh quân chúng.

Quang Phục trai giới thiết đàn ở trong đầm, đốt hương cầu đảo. Thoát thấy thần nhân cỡi rồng giáng xuống giữa đầm, bảo Quang Phục rằng:

- Ta lên trời nhưng linh dị còn ở đây, người có lòng thành cầu đảo, ta đến để giúp bình loạn tặc.

Rồi cỡi vuốt rồng đưa cho Quang Phục bảo giắt vào đầu đầu mâu, hễ đánh đâu là được đó. Nói đoạn lại bay lên trời. Quang Phục y như lời dặn đem binh đột kích, binh Lương đại bại, chém được tướng Dương Sấn ở trận tiền, binh Lương lui chạy.

Quang Phục nghe tin Nam Đế mất, bèn tự lập lên làm Triệu Vương, đóng đô ở quận Vũ Ninh núi Trâu Sơn.

Chú thích

29. Chữ Đồng Tử còn bên dưới bậc “khố rách áo ôm”, tức khổ cũng không có để mà rách, vậy mà lấy được công chúa Hùng Vương thì sự biểu lộ tinh thần dân chủ cao độ tuyệt không có óc kỳ thị đẳng phái giàu sang. Đó là điểm một.

35. Điểm hai là quyền định đoạt và sáng kiến của Tiên Dung rất cao, không những bên trên Chữ Đồng Tử, mà còn ngoài cả quyền cha. Đó là nói lên giai đoạn mẫu tộc còn mạnh. Điểm ba dầu vậy trời phật đều ủng hộ, khi sống cho làm ăn phát đạt, khi chết còn được linh ứng để giúp nước.

Từ số 37 đến 39 có nhiều pha tạp lộn xộn vừa trái với lịch sử vì lúc ấy đã có đạo Phật đâu, lại trái với môi sinh câu truyện quyền định đoạt nơi Tiên Dung chứ không nơi Đổng Tử. Tuy nhiên đoạn ấy nói lên sự liên lạc mật thiết sau này giữa đạo Tiên và đạo Phật.

7. TRUYỆN PHÙ ĐÔNG THIÊN VƯƠNG

44. Đời Hùng Vương thứ ba, thiên hạ thái bình, dân vật đầy đủ. An Vương lấy sự thiếu lễ triều cống, giả đi tuần thú để xâm chiếm nước ta.

45. Hùng Vương nghe được mới triệu quần thần hỏi về kế hoạch đánh hay giữ. Có nhà phương sĩ dâng lời rằng:

- Không gì bằng cầu Long Quân để nhờ âm phù.

Hùng Vương nghe theo mới đắp đàn trai giới, đặt vàng bạc lụa là ở trên bàn, đốt hương cầu tế ba ngày thì trời cảm sấm mưa, thoát thấy một ông già cao hơn sáu thước mặt vuông, bụng lớn, râu mày bạc phơ, ngồi ở ngã ba mà nói cười ca múa; người ta trông thấy, ngỡ là người phi thường mới tâu với vua. Vua thân hành ra bái yết, rước vào trong đàn; ông già không ăn uống, không nói năng gì cả.

Hùng Vương đến trước hỏi rằng:

- Nay binh nhà An sắp sang đánh, hơn thua ra sao, nếu có kiến thức gì xin bày cao cho.

46. Ông già giẫy lất mò thê ra bói, thưa với vua rằng:

- Sau ba năm giặc mới qua đánh.

Vua lại hỏi kế hoạch để đánh giặc, ông già đáp rằng:

- Nếu có giặc đến thì phải nghiêm chỉnh khí giới, tinh luyện sĩ tốt để cho nước có uy thế, rồi tìm khắp thiên hạ có ai đẹp được giặc thì phong cho tước ấp, hễ được người ấy thì dẹp được giặc ngay.

Nói đoạn, bay lên không mà đi, mới biết đó là Long Quân.

47. Vừa đúng ba năm, biên binh cáo cấp có quân An sang, Hùng Vương y theo lời nói của lão nhân, sai sứ đi khắp thiên hạ để tìm người đẹp giặc.

48. Sứ giả đến làng Phù Đổng, quận Vũ Ninh, trong làng có một ông nhà giàu đã hơn sáu mươi tuổi mới sinh được một người con trai ba tuổi không biết nói, chỉ nằm ngửa không ngồi dậy được. Bà mẹ nghe Sứ giả đến, nói bỡn với con rằng:

- Sinh được thằng này thì chỉ biết ăn uống chớ không biết đánh giặc để lĩnh thưởng của triều đình mà đền ơn bú mớm.

Đứa trẻ nghe mẹ, thành linh nói lên rằng:

- Mẹ hãy gọi Sứ giả vào đây, con hỏi thử xem là việc gì.

Bà mẹ cả kinh, mừng rỡ báo với xóm làng:

- Con tôi đã biết nói.

Xóm giềng cũng lấy làm lạ mới rước Sứ giả về nhà.

49. Sứ giả hỏi rằng:

- Đây là đứa trẻ mới biết nói mà bảo kêu ta đến làm gì?

Đứa trẻ mới ngồi dậy bảo Sứ giả rằng:

- Lập tức về tâu với vua đúc cho ta một con ngựa sắt cao mười tám thước, một gươm sắt dài bảy thước, một cái nón sắt, trẻ này cỡi ngựa, đội nón đi đánh giặc cho, giặc sẽ phải tan tành, nhà vua việc gì mà lo.

50. Sứ giả chạy về trình cáo với vua. Vua mừng bảo rằng:

- Thế thì ta không lo gì vậy.

Quần thần đều tâu:

- Một người đánh giặc làm sao phá nổi?

Vua nói:

- Đó là Long Quân giúp ta, lời lão nhân đã nói trước không phải là lời nói không, các người không nên ngờ.

Rồi sai người tìm sắt cho được năm mươi cân luyện thành ngựa sắt, gươm sắt và nón sắt; Sứ giả đem tất cả đến; bà mẹ thấy thế cả kinh, sợ họa đến cho mình, lo sợ hỏi con.

Đứa trẻ cả cười nói rằng:

- Mẹ đem cơm thật nhiều cho con ăn, con đi đánh giặc, mẹ đừng lo sợ.

51. Rồi đứa trẻ lớn rất mau, áo cơm hàng ngày bà mẹ cung cấp không đủ, hàng xóm nấu thêm cơm, làm thịt trâu, rượu, bánh, trái, thế mà đứa trẻ vẫn không no bụng; vải lụa gấm vóc mặc chẳng kín hình, đều phải lấy thêm hoa cây hoa lau mà che nữa.

52. Đến khi quân nhà An kéo đến Trâu Sơn, đứa trẻ mới duỗi chân đứng dậy, mình cao hơn mười trượng, nghênh mũi mà nhảy, nhảy mũi hơn mười tiếng rồi tuốt gươm nói lớn lên rằng:

- Ta là Thiên Tướng đây!

Bèn đội nón nhảy lên ngựa, ngựa phi như bay, múa gươm xông đến trước, quan quân theo sau đến sát lũy giặc, dàn trận dưới núi Trâu Sơn. Quân An cả vỡ, trở giáo chạy lùi, An Vương chết ở Trâu Sơn, còn dư đảng thì la liệt sục sạo và hô rằng:

- Thiên tướng, chúng tôi hết thầy xin đầu hàng.

53. Đứa trẻ đi đến núi Việt Sóc mới cởi áo mặc rồi cưỡi ngựa bay lên trời, chỉ lưu dấu chân trên đá ở dưới núi mà thôi.

Hùng Vương nhớ đến công lao, không biết lấy gì đền báo mới tôn làm Phù Đổng Thiên Vương, lập đền thờ ở vườn nhà làng ấy, cho ruộng một trăm khoảnh để làm lễ hưởng tế xuân thu.

Đời nhà An hai mươi bảy vua, trải qua sáu trăm bốn mươi năm, không dám đem binh sang đánh nữa.

54. Man Di bốn phương nghe được như vậy cũng đều thần phục, về phụ với Vương. Sau vua Lý Thái Tổ phong làm Xung Thiên Thần Vương, lập miếu tại Phù Đổng (nay ở huyện Tiên Du) bên chùa Kiến Phúc, tạc tượng ở núi Vệ Linh, xuân thu đều có tế lễ vậy.

Có bài thơ rằng:

Vệ Linh năm tháng đám mây nhàn.

Muôn tía nghìn hồng chói thể gian.

Ngựa sắt ở trời, danh ở sử.

Uy linh lừng lẫy khắp giang san.

Chú thích

44. Có bản chỉ nói Hùng Vương. Bản khác nói Hùng Vương thứ 6, thế là sai với toàn bích nói đến số 3 năm lần:

- Cầu đảo 3 ngày.
- Ngồi ở ngã ba đường.
- 3 ngăm nửa giặc đến.
- Ba năm sau.
- Trẻ 3 năm mới nói.

Như vậy đủ biết là ý ẩn trong số 3 đã quá rõ.

45. Có bản nói ông già cao hơn 9 thước thì đúng hơn 6 thước, vì tự 3 tới 9 là bộ huyền số đi đôi.

50. 50 cân sắt làm sao đủ đúc ngựa, kiếm, mũ, roi? Vậy quả là nghĩa huyền sử 3, 5, 9 đầy đủ.

51&54. Ý sâu xa là toàn dân ngày thường chỉ biết ăn làm những khi giặc đến nhà thì đàn bà còn phải đánh nữa là đàn ông. Câu truyện nói lên tình đoàn kết quốc gia mà hội nghị Diên Hồng là thí dụ. Thánh Dóng như vậy đã hiện hình đầy xâm lăng rất nhiều lần.

8. TRUYỆN BÁNH DÀY BÁNH CHƯNG

55. Sau khi Hùng Vương đã phá giặc An rồi, trong nước thái bình mới lo việc truyền ngôi cho con, hội hai mươi hai vị công tử lại mà bảo rằng:

- Ta muốn truyền ngôi cho đứa nào làm vừa lòng ta là đến kỳ cuối năm biết đem trân cam mỹ vị đến dâng Tiên vương để tròn đạo hiếu thì ta sẽ truyền ngôi cho.

56. Các công tử lo đi tìm các vị trân kỳ, hoặc săn bắn, chài lưới, hoặc mua ở chợ, vụ được nhiều của ngon vật lạ không biết bao nhiêu mà kể. Duy có công tử thứ chín tên là Lang Liêu, bà mẹ hàn vi đã lâm bệnh mà quá cố rồi, tả hữu lại ít người nên khó bề toan tính, ngày đêm thao thức ăn ngủ không yên.

57. Hốt nhiên mộng thấy thần nhân bảo rằng:

- Trong trời đất không có vật gì quý bằng gạo, vì gạo là của để nuôi dân, người ta ăn mãi không chán, không có vật gì đứng trước được; nếu lấy gạo nếp hoặc gói làm hình tròn để tượng trời, hoặc gói làm hình vuông để tượng đất, ở trong làm nhân cho thật ngon, bắt chước hình trạng trời đất bao hàm vạn vật, ngụ ý cái ơn trời đất phát dục vạn vật, như thế thì lòng cha sẽ vui, tôn vị chắc được.

Lang Liêu kinh sợ tỉnh dậy, mừng rằng “Thần minh giúp ta, ta nên bắt chước theo mà làm”.

58. Lang Liêu mới lựa hạt nếp nào trắng tinh, hoàn toàn không sứt mẻ đem vo cho sạch, rồi lấy lá xanh gói thành hình vuông, bỏ nhân ngon vào giữa, đem nấu đi cho chín, gọi là bánh chưng. Lại lấy nếp nấu xôi đem quét cho thực nhuyễn, nặn làm hình tròn để tượng trưng hình trời, gọi là bánh dày.

59. Đúng kỳ, Vương hội các con lại trưng bày phẩm vật; các con đem dâng không thiếu thứ gì, duy chỉ có Lang Liêu đem bánh tròn, bánh vuông đến dâng. Hùng Vương lấy làm lạ hỏi Lang Liêu. Lang Liêu trình bày như lời thần nhân đã bảo. Vương thân hành nếm thử thì thấy vị ngon vừa miệng ăn không chán, phẩm vật của các công tử khác không sao hơn được. Vương khen ngợi giấy lát, rồi cho Lang Liêu được giải nhất.

60. Năm hết, Vương dùng bánh ấy dâng lên Tiên Miếu và cung phụng cha mẹ, thiên hạ bắt chước truyền đến bây giờ, lấy tên của Lang Liêu để gọi là Tiết Liêu.

61. Hùng Vương truyền ngôi cho Lang Liêu; hai mươi một anh em đều giữ các phiên trấn, lập làm bộ đảng, cứ thủ núi sông để làm hiểm cố.

62. Về sau, họ hàng tranh nhau làm trưởng, mỗi người dựng một sách để che kính bởi vậy gọi là sách, là trại, là trang, là phường khởi thủy từ đấy vậy.

Chú thích

55. Truyện Bánh Dày Bánh Chung nói lên nền triết lý bao la như trời đất nhưng lại gần gũi và cụ thể như miếng ăn. Truyện này dễ hiểu nên đã được khai thác nhiều nhất. Nhưng huyền số thì chưa được nắm vững nên có người nói là Hùng Vương thứ 8 thay vì thứ 3, còn Công Tử thì thứ 6! Mất hết ý nghĩa. Đó là vì chưa nhìn ra liên hệ 3-9 là cả một cơ cấu nền tảng và sinh động từ 3 tới 9. Chữ Lang Liêu nên đọc là Liêu, tuy đọc Liệu không sai vì có cả 2 âm Liêu và Liệu, nhưng nên đọc Liêu cho phân với Tiết Liệu sau. Vả chữ Liêu (bộ nhân) đúng với ý hơn: liêu có nghĩa là quan, lang Liêu là quan Lang; còn chữ Liệu (bộ hỏa) không hợp nghĩa. Chắc là chép sai. Chú ý câu: “Thiên địa chi vật dĩ mễ vi quý” tỏ ra tinh thần nông nghiệp trỗi vượt hơn cả những vật khác. Nên nhớ trong khoa bảng “Cổ Nhân Chi Tựợng” (kinh Thư, thiên Ích Tắc, câu 4) thì phân mễ (bột gạo) là một trong 12 tượng đáng kính tôn.

9. TRUYỆN DƯA HẦU

63. Ngày xưa, đời Hùng Vương có một người tên là Mai An Tiêm, người ngoại quốc, mới được bảy tuổi, do thuyền buôn chở đến. Vương mua về làm đầy tớ, dịp lúc lớn lên thì diện mạo đoan chính, nhớ biết nhiều việc.

64. Vương đặt tên là Yễn, tên chữ là An Tiêm và cho một người thiếp, sinh được một trai, Vương yêu dùng để sai bảo, dần dần Yễn thành phú quý, ai cũng úy phục, và chen nhau đến dâng lễ vật không thức gì là không có; Yễn sinh ra kiêu mạn, thường tự bảo rằng:

- Cửa cải này là vật tiền thân của ta, ta không từng trông nhờ vào ơn chúa.

65. Hùng Vương nghe được, cả giận nói rằng:

- Làm thân tử mà nó không biết ơn chúa, sinh ra kiêu mạn, nói rằng cửa cải đều là vật tiền thân của nó. Bây giờ ta đem bỏ nó ra ngoài biển, ra cái chỗ không người ấy coi thử nó có còn cái vật tiền thân của nó nữa hay không?

66. Bèn đày Mai Yễn ra ngoài bãi cát của biển Nga Sơn, tứ phía không có dấu chân người đi đến, chỉ để cho lương thực đủ dùng trong bốn năm tháng mà thôi, ăn hết là chết đói. Chị vợ khóc âm lên, bảo rằng ta chắc chết ở đây không lý gì sống được.

Tiêm nói:

- Trời đã sinh thì trời phải dưỡng, có lo gì?

67. Ở chưa bao lâu, đương lúc tháng tư, bỗng thấy một con bạch hạc từ phương tây bay lại, đậu lên mỏm núi cao, kêu lên ba bốn tiếng thì sáu bảy hạt dưa rơi trên mặt cát, đâm chồi nảy lộc, lan trên cát, xanh tốt rườm rà, rồi kết thành trái dưa, nhiều không kể xiết.

68. An Tiêm mừng rỡ nói:

- Đây đây phải quái vật, đó là trời cho để nuôi ta đó.

Bỏ dưa ra ăn thì mùi vị thơm tho ngọt ngào, ăn vào thì tinh thần khỏe khoắn, rồi cứ mỗi năm tría thêm, ăn không hết thì đem đổi lấy lúa gạo nuôi vợ con. Nhưng không biết dưa ấy tên là gì, mới nhân chim tha từ phương tây đem đến nên đặt tên là Tây qua.

69. Những khách chài lưới, buôn bán, ưa mùi vị của nó đều đem phẩm vật của mình để đổi lấy dưa. Nhân dân xa gần, trên rừng dưới biển tranh nhau mua hạt, bắt chước trồng tía khắp bốn phương; dân gian suy tôn An Tiêm làm “Tây Qua phụ mẫu”.

70. Lâu ngày, Vương nhớ đến An Tiêm, sai người đến chỗ An Tiêm ở hỏi thăm có còn sống hay không.

Người ấy về tâu lại với Vương. Vương than thở hồi lâu mới nói rằng:

- Nó bảo là vật tiền thân của nó, thực là không nói dối vậy.

Vương bèn triệu An Tiêm về, trả quan chức lại và cho tỳ thiếp, đặt tên chỗ An Tiêm ở là “An Tiêm Sa Châu”; thôn ấy gọi là Mai An, đến nay còn lấy tây qua tôn phụng tổ khảo mà tế tự, là khởi từ An Tiêm vậy.

Chú thích

Truyện này nói lên đức tự lực cánh sinh gần được như các con của Au Cơ nghi mẫu: mẹ không nuôi chỉ vất ra ngoài đồng vậy mà con nào cũng lớn mạnh. Đây là muốn cụ thể vào một việc cho rõ đạo tự cường tự lực tuy đã nhiễm màu Phật, nhưng cũng còn cậy vào công cũ nên vẫn giữ được vẻ tự cường tự lực của nhân loại.

10. TRUYỆN BẠCH TRĨ

71. Thời Thành Vương nhà Chu, Hùng Vương sai sứ thần đem qua dâng cho nhà Chu giống chim Bạch Trĩ, nhưng ngôn ngữ bất thông, Chu Công sai người dịch hai lần mới hiểu.

72. Chu Công hỏi rằng:

- Người Giao Chỉ cắt tóc, vẽ hình, để đầu trần, đi chân không là tại làm sao?

Sứ giả thưa rằng:

- Cắt tóc để tiện vào rừng; vẽ mình để làm hình rồng, khi lặn lội dưới nước thì giao long không dám phạm đến; đi chân không để tiện trèo cây, cày dao, đốt lửa, gieo lúa; đầu trần để khử nóng bức, ăn cau trầu để trừ ô uế và làm cho răng đen.

73. Chu Công hỏi:

- Vì sao mà đến đây?

Sứ giả thưa:

- Trời không gió lớn mưa dầm, biển không nổi sóng nay đã ba năm, ngỡ là Trung Quốc có thánh nhân nên mới sang đây.

Chu Công than rằng:

- Chính lệnh không đến, quân tử không bắt người xa làm tôi, đức trạch không thêm, quân tử không hưởng của cống.

74. Kịp nhớ đến Hoàng Đế có lời thề rằng: “Giao Chỉ ở phương ngoại không được xâm phạm”, mới thương cho trọng vật, khuyên răn rồi báo về. Sứ giả quên mất đường về, Chu Công cho một cỗ xe hai ngựa, khiến cứ chỉ hướng Nam mà về.

Đức Khổng Tử làm sách Xuân Thu, cho nước Văn Lang là đất yêu hoang, văn vật chưa hoàn bị nên bỏ mà không chép vậy.

Chú thích

71. Truyện Bạch Trĩ, nói lên ảnh hưởng của Việt Đạo lên Bắc nhưng đã quá lu mờ không còn sắc nét như truyện cống rùa (xin xem lại bài VIII Vang Vọng Của Nước Văn

Lang) nên người chép đã thêm một câu cuối cùng về Khổng Tử biểu lộ sự quên gốc tron vẹn.

11. TRUYỆN LÝ ÔNG TRỌNG

75. Cuối đời Hùng Vương, ở huyện Từ Liêm, quận Giao Chỉ, có một người họ Lý tên là Thân, sinh ra to lớn, cao hai trượng ba thước, hung tợn. Thân giết người, tội đáng tử hình, nhưng Hùng Vương tiếc không nỡ giết.

76. Đến đời An Dương Vương, Tần Thủy Hoàng muốn đem binh sang đánh nước ta, An Dương Vương bèn đem Lý Thân cống hiến; Thủy Hoàng được Lý Thân rất mừng, dùng làm quan Ty Lệ Hiệu Uy. Kịp lúc Thủy Hoàng thống nhất thiên hạ, Thân được sai đem binh ra giữ Lâm Thao, Hung Nô không dám gần biên tái nên Thân được phong tước Vạn Tín Hầu, và được cho trở về nước.

77. Sau Hung Nô xâm phạm bờ cõi, Thủy Hoàng nhớ đến Lý Thân sai sứ sang vời; Thân không chịu đi mới trốn vào rừng khe; vua Tần trách hỏi; An Dương Vương tìm lâu không được, nói dối là Thân đã chết rồi. Vua Tần hỏi chết vì có gì, An Dương Vương trả lời là đau bệnh tả. Thủy Hoàng sai sứ sang nghiệm xem có phải không thì An Dương Vương cho nấu cháo đổ xuống ao để làm thực tích. Thủy Hoàng bảo lấy thây đưa qua; Lý Thân bắt đắc dĩ phải tự tận mà chết; người ta lấy thủy ngân ướp vào thây Lý Thân đưa sang nạp. Thủy Hoàng than tiếc, bảo đúc đồng làm tượng ông, ban hiệu là Lý Ông Trọng; tượng đặt ở cửa Tư Mã đất Hàm Dương, ruột tượng có thể chứa được vài mươi người; mỗi khi có sứ bốn phương đến, vua sai người lên vào làm cho tượng dao động; Hung Nô tưởng là Hiệu Uy còn sống, không dám đến gần. Đến đời nhà Đường, Triệu Xương sang làm Đô Hộ Giao Châu, đêm mộng thấy cùng với Lý Thân giảng sách Xuân Thu của họ Tả, nhân đó hỏi nhà cũ ở đâu rồi lập đền thờ phụng.

78. Kịp lúc Cao Biền bình Nam Chiếu, Lý Thân thường hiển linh ứng; Cao Biền trùng tu miếu vũ, khắc gỗ làm tượng, gọi là đền thờ Lý Hiệu Uy, bây giờ ở tại huyện Từ Liêm, xã Thị Hiện (nay là xã Thụy Hương) cách phía tây kinh thành năm mươi dặm, mỗi năm đến tế vậy.

Chú thích

Truyện này còn muộn hơn truyện Bạch Trĩ và cũng hàm ý ảnh hưởng của Việt Thường lên mạn bắc, nhưng mạn bắc cũng chỉ tiếp nhận được có cái xác, còn hồn thiêng thì ở lại Việt. Hồn Lý Thân có thể tìm trong con số hai ba (cao hai trượng ba thước). Phần xác lớn lao hung tợn (hai trượng). Còn hồn thì biểu lộ trong vụ đọc sách Tả Thị tức tinh thần tả nhậm đại diện bằng Tả Khâu Minh quê nước Sở (Kinh Việt xưa) nơi đề cao phía tả (tức nguyên lý mẹ).

12. TRUYỆN VIỆT TÌNH

79. Việt Tình ở núi Trâu Sơn, quận Vũ Ninh; đời Hùng Vương thứ ba, An Vương cử binh nam xâm, đóng quân ở núi Trâu Sơn; Hùng Vương cầu Long Quân giúp, Long Quân bảo tìm khắp thiên hạ, nếu được người kỳ tài thì dẹp được giặc; đến kỳ cầu được Đổng Thiên Vương cỡi ngựa sắt đi đánh, tướng sĩ nhà An đều tan vỡ. An Vương chết ở dưới núi, làm Địa Phủ Quân; dân lập đền thờ, bốn mùa cúng tế nhưng lâu năm suy dần bỏ thành chùa hoang.

80. Người bản quốc tên là Thôi Lang làm quan nhà Tần đến chức Ngự Sử Đại Phu thường đi ngang qua đây, thương cảnh điêu tàn mới trùng tu miếu vũ lại, nhân đó có đề một bài thơ:

Cổ nhân truyền tụng chuyện An Vương.

Tuần thú năm kia đến địa phương.

Núi rậm, nước trôi không thấy miếu;

Hồn thăng, dấu để vẫn nghe hương,

Một mai thắng bại không An đức,

Muôn thưở uy linh trấn Việt Thường.

Trăm họ từ đây đều phụng tự.

Am phù vận nước vững vô cương.

81. Sau đến đời Nhâm Hiêu, Triệu Đà nam xâm lại đóng quân ở núi này, lại trùng tu miếu mạo, cúng tế hậu hĩnh; An Vương cảm đức, muốn đền công cho Thôi Lạng mới sai Ma Cô Tiên đi khắp nơi. Lúc bấy giờ Thôi Lạng đã chết, chỉ còn con là Thôi Vỹ.

82. Tiết thượng nguyên tháng giêng, phương dân đi lễ đền, có người cúng một cặp bình pha lê. Ma Cô cầm lên tay ngắm nghía, bỗng bình rơi xuống đất, vỡ sứt một mảnh; người ta bắt Ma Cô lại đòi bồi thường; Ma Cô mặc áo rách, không ai biết là người tiên; họ mới lấy roi đánh.

83. Thôi Vỹ thấy thế thương hại, cởi áo đền hộ nàng; Ma Cô được khỏi đánh, nhân đó hỏi đến chỗ ở của Thôi Vỹ, Thôi Vỹ nói đến tên cha thì nàng mới hay là con Thôi Lang.

84. Nàng mừng bảo rằng:

- Ta bây giờ không có lấy gì để đền ơn, sau này chàng sẽ được hậu báo.

Bèn đưa cho Thôi Vỹ một tấm lá ngải và dặn rằng:

- Hãy giữ lấy vật này cho cẩn thận, lúc nào cũng để trong mình, gặp bệnh nhục ảnh (cái biếu) mà đem cứu tất khỏi, rồi thế nào cũng được giàu sang phú quý.

Thôi Vỹ cầm lấy lá ngải nhưng cũng chẳng biết đó là thuốc tiên.

85. Một hôm đi đến nhà đạo sĩ Ứng Huyền, thấy Huyền có một cái nhọt trên đầu, Vỹ nói:

- Tôi có lá ngải trị được bệnh này, để tôi trừ cho.

Thôi Vỹ lấy ngải cứu cho Ứng Huyền, cái nhọt của Ứng Huyền liền tiêu tan. Ứng Huyền nói:

- Ay là thứ thuốc tiên vậy, tôi không có gì đền đáp cho anh, tôi có một người thân thích cũng đau bệnh này, thường nói rằng ai chữa cho bệnh lành được thì dầu hết gia tài cũng chẳng hề tiếc, tôi đem anh qua đó để chữa cho họ và để đền ơn anh.

86. Ứng Huyền đem Thôi Vỹ sang nhà Nhâm Hiêu (*), Thôi Vỹ lấy ngải ra cứu, cái nhọt lập tức lành ngay. Nhâm Hiêu rất mừng, nuôi Vỹ làm con, mở trường để dạy Vỹ; tính Vỹ thông minh, ưa thích đàn cầm, thấy con gái Nhâm Hiêu là Phương Dung mới đem lòng yêu dấu, nhân cùng nàng tư thông, tình ý quyến luyến, con Hiêu là Nhâm Phu biết được, muốn làm cho Vỹ chết.

87. Đến cuối năm, có lễ tế thần Xương Cuồng, người ta chưa tìm được người tế nên Nhâm Phu bảo Vỹ:

- Ngày nay không nên đi ra ngoài, hay vào Công sảnh mà tránh đi thì sau này khỏi hối.

Thôi Vỹ chưa hiểu ý là làm sao, Nhâm Phu đã khóa chặt cửa lại, bảo không được ra. Phương Dung biết ý, lén lấy con dao đưa cho Vỹ, bảo đục vách mà ra.

88. Đêm khuya, Thôi Vỹ trốn đi, muốn đến nhà Ứng Huyền, lật đặt đi trên núi, rùi rơi vào trong một cái hang, tứ phía đều là vách đá không có chỗ nào trèo lên được, ở trên có một khối đá rỗ sứa đá chày xuống một chiếc mâm đá, có một con rắn trắng dài trăm thước, mỏ vàng miệng đỏ, vẩy bạc, dưới cằm có một cái bướu thịt, trên trán có ba chữ vàng: “Vương Tử Xà”, bò ra ăn thạch nhũ; thấy trên thạch bàn hết cả, rắn cất đầu lên thấy Vỹ toan nuốt đi; Thôi Vỹ sợ quá, quỳ xuống lạy rằng:

89. – Thần tỵ nạn, làm rơi xuống đây, đó bụng nên có ăn trộm vương vật, thực là có tội, dưới cằm vương có một cái nhọt, thần xin lấy ngải cứu lành, xin tha tội để thần trở nghề mọn này.

90. Bạch Xà lập tức ngẩng đầu lên cho Vỹ cứu, bỗng thấy đồng nội bị cháy, một tia lửa bay vào trong hang, Vỹ lấy lửa cứu cho rắn, cái nhọt liền tiêu ngay. Rắn mới khom mình đến trước Vỹ, ý muốn bảo Vỹ cỡi lên, Vỹ cỡi lên lưng rắn, rắn bò ra hang, ước một canh thì đến trên bờ, bờ vắng vẻ không có người nào đi lại; rắn quấn đuôi trở về hang.

91. Vỹ đi một mình, lạc đường, bỗng thấy trên cửa thành có một cái lầu cao, ngói đỏ lóng lánh, đèn sáng rực rỡ, trước cửa có treo một tấm biển đỏ chữ vàng đề là “An Vương Thành”. Vỹ ngồi bên cửa thành, hồi lâu không thấy có người nào qua lại mới

bước vào cửa sân, thấy bên sân có một cái ao, trong ao có hoa sen năm sắc, trên bờ có nhiều rặng hòa liễu, đường lát bằng phẳng, ngọc điện châu cung, tòa ngang dãy dọc; trên điện đặt hai cái giường vàng trải chiếu hoa bạc, trên tường có treo một cây đàn cầm đàn sắt. Vỹ thong thả bước đến lấy cây đàn gảy một hồi lâu.

92. Kim đồng, ngọc nữ vài trăm người hầu, bà An Vương cười bảo rằng:

- Thôi Quan Nhân ở đâu lại?

Sai người mời lên trên điện, bảo rằng:

- Đền thờ của An Vương ta lâu đời bỏ hoang phế, nhờ sức của Tiên thân Ngự Sử trùng tu lại, người đời mới bắt chước thờ cúng luôn luôn. Vương đã sai Ma Cô đi tìm để báo đức nhưng không gặp được Ngự Sử, thì gặp Công tử nên chưa có dịp đền đáp, nay thân được thấy mặt thì Thượng Đế đòi Vương lên châu trời rồi, thôi Công tử ở lại đây đợi vậy.

Rồi lưu Thôi Vỹ ở lại ăn uống no say.

93. Bỗng thấy một người râu dài bụng lớn, cầm một tờ biểu quỳ mà tâu rằng:

- Tháng giêng ngày mồng ba, Nhâm Ngao bị thần Xương Cường đánh chết.

94. Nghe tâu xong, Hậu bảo rằng:

- Dương Quan Hậu đưa Thôi Vỹ về trần.

Vỹ cáo tạ mà về. Dương Quan bảo Vỹ nhắm mắt ngồi lên trên một chiếc quạt, hơn một khắc đã đến trên núi; Dương Quan Nhân hóa làm dê đá, đứng ở trên núi, ngày nay hãy còn sau đền thờ Triệu Việt Vương ở núi Trâu Sơn.

95. Sau Vỹ về đến nhà Ứng Huyền thuật chuyện cho Ứng Huyền nghe. Đến ngày mồng một tháng tám, Vỹ cùng với Huyền đi chơi thì gặp Ma Cô Tiên dắt một người con gái cho Thôi Vỹ, bảo đem về làm vợ chồng, lại cho hòn ngọc Long Toại, nói đó là ngọc châu, từ thuở trời đất mới khai tịch đã có một cặp trống mái từ đời Hoàng Đế trải đến đời An truyền làm thế bảo; trong trận đánh Trâu Sơn, An Vương đeo nó mà chết, ngọc châu dấu trong đất mà tia sáng chiếu thẳng lên trời. Thời nhà Tần, binh hỏa liên miên, những vật trân bảo đều bị đốt cháy; các nhà vọng khí đều biết hòn ngọc Long Toại còn ở phương nam. Người Tàu đem vàng bạc gấm vóc trị giá trăm vạn để tìm mua; Vỹ nhân đây đại phú.

96. Sau Ma Cô Tiên rước vợ chồng Thôi Vỹ đi không biết là đi đâu. Nay giếng bỏ hoang thành bần thiêu, hang thì còn ở núi Trâu Sơn. Người đời gọi là Việt Tĩnh Cương vậy.

Chú thích

79. Truyện Việt Tĩnh có tính chất triết lý cao độ nhất vì vẽ lại những chặng tiến của tâm thức con người tự xương cuồng (chỉ đột bá vật) qua nhục ảnh (chỉ ý hệ) mà lên tới tâm linh chỉ bằng Thôi Vỹ lấy được tiên nữ với quà tặng là Ngọc Long Toại (xem bài VIII Vang Vọng của Nước Văn Lang).

Chữ Cương làm liên tưởng tới Hồng Phạm cửu trụ, người ta cũng quen gọi trì là đại cương. Mỗi đại cương lại bao gồm một số tiểu tiết kêu là điều mục. Vì thế khi đọc Việt Tĩnh Cương thì nó gọi lại cơ cấu của Hồng Phạm với Lạc Thư cũng như lược đồ Loa Thành đều có liên hệ ngầm sẽ bàn trong quyển “Sứ Điệp”.

Chú ý tới nét song trùng biểu lộ ở Ngọc Long Toại vẫn đi đôi song mái, và khi giao thoa thì làm ra dạng tự chữ giải cứu.

86. Nhớ chữ ngải viết với bộ thảo trên chữ nghệ, nên có sức cứu thoát. Rồi cũng nét song trùng đó kép lên thành chữ tinh nhái lại hình chòm sao tinh (hình vẽ) ở phương nam đứng đầu chòm 7 sao (Tinh, Quỷ, Liễu, Tinh, Trương, Dực, Chấn). Nét song trùng còn hiện ra ở lá cờ Si Vuu (mỏ vàng miệng đỏ) nơi con rắn dài trăm thước (Bách Việt thờ rồng). Rồi các số 3 là nhịn ba ngày, ngải hái đã ba năm. Bộ số hai ba chuyển vận đề thành Việt Tĩnh Cương, nên cuối truyện giềng hiện ra cách đột ngột.

Có thể truyện “Việt Tĩnh” được người thu lượm trích tài liệu từ quyển Tài Ngu Ký của Trương Quân Phòng đời Tống, hoặc quyển Nam Hải Cổ Tích của Ngô Lại đời Nguyên như Lê Quý Đôn ghi chú, thì điều đó cũng không hề làm giảm bớt giá trị triết lý của câu chuyện, không những vì đã được tiêu hóa, nhưng nhất là vì nó chứng tỏ nguồn gốc chung lớn lao của đại chúng Việt tộc mà những quyển kia cũng như “Lĩnh Nam” đã mức tự đầy. Nên ghi nhận rằng hình ảnh giềng có tính cách phổ cập thí dụ, trong Plato cũng có truyện triết gia Thales mái nhìn sao trăng mà sa giềng. Khi những chuyện có tính cách phổ quát thì nó dễ thoát khỏi vòng tay của sử gia vì nó đã trút bỏ phạm trù thời không để thể hiện ở nhiều đời, lúc ấy nó đi vào vòng của triết tức không xét nguồn gốc tự đâu, mà xem cái dạng thức kết tinh nói đó để xem nó nói gì. Nó muốn nói lên sự pha độ của đất trời. Không được duy thiên (duy tâm) cũng không được duy địa (duy vật) nhưng cần thiên địa tương tham, do con người điều động: vậy liều lượng pha độ đó là 3 trời 2 đất. Nói thiên thiên thì dễ nhưng trong thực tế thì đó cả là một nghệ thuật cao cả như đã nói trong bài Xứ Nghệ.

13. TRUYỆN KIM QUY

97. An Dương Vương nước Âu Lạc là người ở Ba Thục, họ Thục, tên Phán, nhân việc tiên tổ cầu hôn với con gái của Hùng Vương tên là My Nương không được nên sinh ra hàm oán; Phán muốn hoàn thành ý chí của tổ tiên nên cử binh đánh Hùng Vương, diệt nước Văn Lang, cải hiệu là Âu Lạc mà ở, đắp thành ở đất Việt Thường; thành đắp xong lại sập. Vương mới lập đàn, trai giới cầu đảo ba tháng.

98. Ngày mồng bảy tháng ba bỗng thấy một ông già theo phương tây mà đến thẳng cửa thành, vừa đi vừa than rằng:

- Xây đắp thành này thì bao giờ cho xong!

Vương rước vào trên điện, lạy và khóc rằng:

- Ta đắp thành này đã xong lại đổ, hao tổn công sức mà rồi không thành là tại làm sao?

Ông già thưa:

- Ngày nào có sứ giả Thanh Giang cùng đắp với Vương thì thành ấy mới xong.

Nói đoạn cáo từ.

99. Rạng ngày, Vương đứng ở cửa Đông trông ra thì thấy một con rùa vàng theo hướng Đông mà bơi lại; rùa đứng trên mặt nước, nói được tiếng người, tự xưng là Thanh Giang sứ giả, biết rõ lẽ trời đất, âm dương, quỷ thần.

Vương mừng hỏi rằng:

- Điều đó ông già đã báo cho ta rồi.

Bèn sai lấy kim dư rước vào trong thành, mời ngồi trên điện, hỏi vì cớ gì mà thành không đắp được.

100. Kim Quy nói:

- Ở đây có tinh khí núi sông, con Tiên vương phụ vào để báo thù nước, lại có con gà trắng sống ngàn năm hóa làm yêu tinh ẩn ở núi Thất Diệu, trên núi có con quỷ, nguyên trước là một nhạc công chôn cất ở đây hóa ra quỷ. Ở bên có một cái quán để cho hành khách qua lại ngủ nhờ; chủ quán tên là Ngô Không, có một đứa con gái và một con gà trắng là dư khí của quỷ thần. Hễ có người khách nào qua lại đến đây ngủ nhờ thì quỷ tinh hóa ra thiên hình vạn trạng mà giết hại rất nhiều. Bây giờ ta nên bắt con gà trắng và đứa con gái của chủ quán mà giết đi thì tinh quái sẽ hết. Nhưng chắc là nó lại hóa ra yêu thư, sai chim cú ngậm thư bay lên trên cây chiên đàn, tâu với Thượng Đế để xin phá thành ấy đi. Thần này xin cần cho rơi cái thư ấy xuống, Vương lập tức thu lất tất nhiên thành đắp mới xong.

101. Kim Quy báo Vương giả làm khách đi đường xin ngủ nhờ trong quán. Vương để Kim Quy ở trên ngưỡng cửa.

Ngô Không nói:

- Quán này có yêu tinh, đêm thường giết người, Lang Quân không nên ở lại, vả nay trời cũng chưa tối, nên đi mau đến chỗ khác để tránh họa.

Vương cười rằng:

- Sinh tử tại mệnh, quỷ mỵ mà làm gì, ta không sợ.

Mới ngủ lại đó.

102. Trong đêm có quỷ tinh đến ngoài kêu rằng:

- Ai ở trong nhà này phải mở cửa ra mau.

Kim Quy mắng rằng:

- Cửa đóng thì mày làm gì nào?

Quý tinh phóng hỏa tan ra vạn trạng, quý dị đủ phương để khùng bó nhưng rút cuộc cũng chẳng vào được nhà.

103. Đến lúc gà gáy, các quý đều chạy tan, Kim Quy khiến Vương đuổi theo đến núi Thất Diệu, quý tinh thu về hết cả, Vương trở lại quán trọ.

104. Sáng ngày, chủ quán đem người đồng đến để chôn thi thể của khách ngủ lại hôm qua, thấy Vương ngồi đó, nói cười như không có gì cả. Quán chủ bước đến, vái lạy rằng:

- Lang quân được như thế tức là Thánh nhân rồi, xin ban linh thuật để cứu sinh linh.

Vương bảo:

- Hãy giết con gà trắng của mày mà tế thì quý thần tan hết.

Ngộ Không giết con gà trắng thì đưa con gái tự nhiên cũng nhào xuống chết. Vương lập tức bảo người đào núi Thất Diệu, được một nhạc khí đời cổ và một hài cốt, sai đốt trộn thành tro mà quăng ra sông.

105. Lúc bấy giờ trời đã gần chiều, Vương cùng Kim Quy leo lên núi Việt Thường, quý tinh đã hóa ra chim si hươu ngậm thư bay lên cây chiên đàn.

Kim Quy bèn hóa ra một con chuột mà bò theo sau lưng cắn chân chim; thư rơi xuống đất; Vương lập tức thu lấy thì sâu đã ăn hết hơn một nửa rồi.

Từ đó, quý tinh tan hết, không lại phá phách như xưa nữa.

106. An Dương Vương đắp thành nửa tháng đã xong; thành dài và rộng nghìn trượng, xoáy tròn như hình con ốc, lại đặt tên là thành Thăng Long (chắc sai; bản của Despieres ghi là Tư Long). Người nhà Đường gọi là thành Sát Quỷ Lôn bởi vì thành rất cao lớn.

107. Kim Quy ở lại với Vương ba năm rồi từ về; Vương bảo rằng:

- Nhờ ơn của người, thành đã vững chắc, nếu như có việc ngoài thì lấy gì mà chống giữ?

Kim Quy thưa:

- Quốc độ tu đoản, xã tắc an nguy là vận của trời, nhưng người biết tu đức thì có thể lâu dài được, Vương đã có lòng ước nguyện thì tôi đâu dám tiếc.

Mới cời cái móng chân đưa cho Vương và nói:

- Thần hoặc giặc có đến thì dùng móng này làm máy nổ, đem ra mà đánh giặc thì không có gì đáng lo.

Nói đoạn trở về Đông Hải.

108. Vương khiến bày tôi là Cao Lỗ làm nổ, lấy móng này làm máy, hiệu là Linh Quang Kim Trảo Thần Nổ; sau Triệu Đà đem quân đến xâm lăng, cùng Vương giao chiến; Vương dùng thần nổ mà bắn, quân Triệu Đà thua chạy, đóng đồn ở núi Trâu Sơn, đối lũy với Vương. Triệu Đà biết Vương có nổ thần nên không dám tái chiến mới khiến sứ thỉnh hòa. Vương mừng, cắt từ sông Tiểu Giang trở về phương Bắc cho Triệu Đà cai trị, trở về phương Nam thì do Vương cai trị (nay là sông Nguyệt Đức).

109. Chưa được bao lâu, Đà sai con vào túc vệ cầu hôn với con gái Vương là My Châu; Vương bất ý không ngờ gian kế của cha con Triệu Đà; Trọng Thủy dỗ My Châu trộm lấy nổ thần cho xem, rồi lén làm nổ khác đổi lấy vuốt rùa giấu đi, nói dối với My Châu là trở về Bắc thăm cha mẹ.

110. Nhân đó nói rằng:

- Tình phu phụ thì không nở quên, mà ơn phụ tử cũng không nên bỏ, ta nay về thăm cha mẹ mà vạn nhất hai nước thất hòa, Nam Bắc cách biệt, ta trở lại tìm nàng thì nàng lấy vật gì mà làm giấu cho ta biết.

My Châu nói:

- Thiếp là nhi nữ gặp phải bước phân ly thực khó thảng được tình cảm; thiếp có chiếc nệm gấm lông ngỗng thường mang trên người, đến lúc ấy thì thiếp lấy lông ngỗng mà rải ở các ngã ba để chỉ cho chàng biết chỗ thiếp mà đến cứu.

111. Trọng Thủy từ tạ, cấp nổ mà về báo cáo với Triệu Đà, Đà được nổ rất mừng liền phát binh đánh Vương; Vương không lo phòng bị, mãi đánh cờ vây, cười rằng:

- Đà không sợ nọ thần của ta sao?

Đến lúc quân Triệu Đà tiến bức, Vương mới xách nổ ra bắn thì thần cơ đã mất; quân chạy tan loạn.

112. Vương chờ My Châu lên ngựa chạy về hướng Nam, đến bờ biển, cùng đường, không có thuyền để sang ngang, Vương hét lớn lên rằng:

- Trời để mất ta hay sao? Giang sứ đâu mau đến cứu ta.

Kim Quy nổi lên trên mặt nước, mắng rằng:

- Người cỡi ngựa ở sau lưng là giặc đó, hãy giết nó ta mới cứu.

Vương bèn tuốt gươm chém My Châu.

My Châu ngửa mặt lên trời mà cầu xin:

- Thiếp là con gái, nếu có lòng phản nghịch mưu hại đến phụ thân thời chết hóa thành bụi trần, bằng như một niềm trung tín, bị người phỉnh phờ thời hóa làm ngọc châu để rửa cái thù nhục nhã này.

113. My Châu chết ở bờ biển, máu chảy trên nước, hào hển ăn vào lòng hóa thành minh châu.

114. Vương cầm sừng văn tê bảy tấc, Kim Quy rẽ nước dẫn Vương vào biển, đời truyền tại núi Mộ Dạ, làng Cao Xá, châu Diên tức là chỗ đó vậy.

115. Quân Triệu Đà đến chỗ ấy không thấy gì hết, chỉ thấy tử thi của My Châu; Trọng Thủy ôm thây nàng mà về chôn ở Loa Thành, hóa làm ngọc thạch. Trọng Thủy thương cảm vô cùng, thấy là những chỗ trang điểm hay tắm gội của My Châu, tưởng nhớ đến hình dung của nàng bèn nhảy xuống giếng mà chết. Sau này, ai được Ngọc Châu ở Đông Hải, càng múc nước giếng ấy mà rửa thì sắc ngọc càng thêm rực rỡ. Nhân tránh tên My Châu nên gọi ngọc châu là Đại Cưu, Tiểu Cưu vậy.

Chú thích

97. Truyện Kim Quy cũng hàm ngụ triết lý cao độ, mà kết hậu cách bi đát nhất, nhưng bi đát mà đồng thời cũng là bi tráng với cấu kết có hậu mặc dầu là hậu mông lung bí ẩn, nhưng có thể hiểu vì nó đặt liền sau truyện Việt Tinh Cương.

14. TRUYỆN MAN NƯƠNG

116. Thời Hiến Đế nhà Hán, quan Thái thú tên là Sĩ Nhiếp đắp thành ở phía Nam sông Bình Giang (nay là thành phía Nam sông Thiên Đức). Ở phương Nam có một ngôi chùa gọi là chùa Phúc Nham, có một nhà sư từ phương Tây đến, hiệu là Già-La-Đồ-Lê, trụ trì ở chùa ấy, hay làm phép đứng một chân; trai gái, trẻ tín mộ, kính phụng tôn hiệu làm Tôn sư, ai nấy đều cầu học đạo Phật.

117. Lúc bấy giờ có một người con gái tên là Man Nương, cha mẹ đều đã mất, nhà nghèo khổ nhưng cũng dốc lòng cầu đạo, chỉ vì nói ngọng, khó tụng kinh chung với mọi người nên thường ở sau bếp giã gạo nhặt rau, lo việc nấu thổi để cung dưỡng các sư trong chùa và học giả bốn phương đến học đạo.

118. Khoảng trời tháng năm, đêm lại ngắn ngủi, Man Nương vội vã lo thổi nấu cho xong. Nàng nấu đã xong xuôi, nhưng các sư còn tụng kinh chưa nghỉ để ăn cháo; Man Nương ngồi chờ, ngủ gật ở ngạch cửa không ngờ quên lửng nằm ngủ say. Đến khi tảng đờ tụng niệm xong, ai về phòng nấy thì Man Nương còn nằm ở cửa; nhà sư Đồ-Lê bước ngang trên mình nàng, Man Nương hồn nhiên tâm động, từ đó có thai. Trong khoảng được ba bốn tháng, Man Nương lấy làm xấu hổ bỏ đi, nhà sư Đồ-Lê cũng tránh đi đến chùa ngả ba đầu sông mà ở.

119. Mãn nguyệt, Man Nương sinh được một đứa con gái và tìm nhà sư để giao lại. Đêm khuya, nhà sư Đồ-Lê đến dưới cây đa ở ngã ba đầu sông mà đặt đứa con gái và nói:

- Ta gửi Phật tử này cho mày, mày giữ lấy, sau được thành Phật đạo.

120. Sư Đồ-Lê và Man Nương từ biệt nhau mà đi. Đồ-Lê cho nàng một chiếc gậy và bảo rằng:

- Ta cho em cái gậy này mà đem về, hễ gặp năm nào trời đại hạn thì lấy gậy vẩy vẩy dưới đất tự nhiên có nước chảy ra để cứu người ta.

Man Nương cầm gậy trở về, lại ở chùa như trước; gặp năm trời hạn, nàng lấy gậy vẩy trên đất, tự nhiên có nước suối chảy ra ào ào, dân chúng được nhờ vả rất nhiều.

121. Khi Man Nương đã hơn tám mươi tuổi thì bất đồ cây đa bị lật đổ trôi đến trước bên chùa, quanh quần ở đó không trôi đi; người ở đó đua nhau bửa củi thì búa rìu đều bị gãy mẻ hết; làng xóm rủ nhau ba trăm người đến kéo cũng không chuyển động.

122. Gặp Man Nương xuống bến rửa tay, nàng khế lấy tay kéo thử, cây lập tức chuyển động trôi vào, ai nấy kinh dị, vội bảo Man Nương kéo thẳng lên bờ, khiến thợ mộc trở làm bốn pho tượng Phật; kịp lúc đến giữa cây, chỗ giấu người con gái thì chỗ ấy đã hóa thành một phiến đá rất cứng; người thợ đến đúng vào chỗ đó thì rìu búa mẻ hết, mới lấy phiến đá ném xuống giữa sông; phiến đá phóng xuất hỏa quang, giờ lâu mới chìm xuống nước; các người thợ đều chết hết. Mọi người đều xin nhờ Man Nương van vái mượn kẻ chài lặn xuống nước vớt lên, rước vào điện Phật, lấy vàng tô lên mà phụng thờ.

123. Sư Đồ-Lê mới đặt tên cho bốn pho tượng Phật là: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lô và Pháp Điện. Già trẻ gái trai bốn phương thường nhóm họp ở chùa này chơi đùa ca múa, gọi là hội tám Phật, đến nay đang còn vậy.

Chú thích

116. Truyện Man Nương trước chúng tôi tính bỏ, nhưng vì đã được thu nhận vào sách nên xin giữ lại, vì nó nói lên sức mạnh chuyển hóa của Việt Lý biến Kim Phật Tây Trúc ra Mộc Phật Đông Phương. Biến tam bảo Phật, Pháp Tăng ra Giác, Chính, Tính (xem lại bài VIII Vang Vọng của nước Văn Lang). Xem những số Tây Phương 4, 8 bị tràn ngập bởi các số Việt 2, 3 (300), 5 làm liên tưởng tới vụ ông Cồn là gấu 4 chân đổi ra 3 chân. Nhà Chu ban đầu đúc đỉnh 4 chân, sau đúc 3 chân cũng là tiến trình từ Tây sang Đông.

15. TRUYỆN NÚI TÀN VIÊN

theo bản dịch của Lê Hữu Mục

124. Núi Tản Viên ở phía tây kinh thành nước Nam Việt, núi đứng cao thẳng như hình một cái lọng nên đặt tên như vậy.

125. Xưa kia vua Lạc Long cưới nàng Âu Cơ, sinh được một bọc trăm trứng, Long Quân đem năm mươi trai về biển, năm mươi trai theo mẹ về núi, phân trị thiên hạ, hiệu là Hùng Vương; Tản Viên Sơn Đại Vương là một người con trong số năm mươi trai chia về đó.

126. Vương từ hải quốc do cửa biển Thần Phù mà về, tìm một nơi cao ráo thanh u, dân tục thuần hậu mà ở, mới chèo thuyền từ sông Cái đến làng Long Đậu thành Long Biên, toan muôn lưu lại đó nhưng còn ý gì bất mãn, nên sau lại chèo thuyền từ sông Linh Giang đi lên đến làng Phiên Tân ở bờ sông Phúc Lộc.

127. Vương trông thấy núi Tản Viên tú lộ, ba hòn sắp hàng đứng, nghiễm nhiên như vẽ; dân ở dưới núi, tục chuộng tổ phác. Vương khi ấy ở một con đường thẳng như dây đàn từ làng Phiên Tân mà đến bên núi Tản Viên, đi đến Uyên Đông, lại đi đến Nham Tuyền là chỗ nguồn khác, rồi đi lên núi Thạch Bàn đầu non Vân Mộng mà ở; hoặc có khi chơi sông Chiết Giang để xem cá, phàm kinh qua đường thôn đều xây đền vũ để làm nơi nghỉ ngơi. Nhân những vết chân ấy, người đời sau lập đền thờ phụng, hạn thì đảo, lụt thì cầu, ngự hỏa tai, ngăn đại hạn mau hơn tiếng vang, cực kỳ linh ứng. Lại gặp ngày trời trong sáng như có hình trạng cái tàn phát phới trên hang núi, những dân ở làng phụ cận đều bảo là sơn thần xuất hiện.

128. Cao Biền nhà Đường ở An Nam muốn yểm linh tích các nơi danh thắng mới mổ bụng mười bảy người, tất cả đều là con gái chưa chồng, bỏ ruột đi, lấy cỏ chi độn vào ruột, cho mặc áo xiêm để ngói trên ghé ý, dùng trâu bò mà tế, nhằm lúc nào thấy cử động thì lấy gương chém đi. Phàm muốn đánh lừa các thần đều dùng thuật ấy. Cao Biền thường lấy thuật ấy trên thần núi Tản Viên thì thấy Vương cỡi ngựa trắng đứng trên mây, khạc nhổ mà đi. Cao Biền than rằng:

- Linh khí Nam phương chưa thể trắc lượng được, vương khí đâu khá diệt được, uy linh hiển ứng là thế.

129. Tục truyền Vương và Thủy Tinh cùng cưới con gái Hùng Vương là Mỹ Nương: Vương đủ lễ cưới đem đến trước; Hùng Vương gả cho; Vương rước vợ về ở trên núi Tản Viên. Thủy Tinh đến sau mới hàm oán, đem cả loài thủy tộc đánh Vương để đoạt Mỹ Nương lại. Vương bèn dùng lưới sắt chặn ngang sông Từ Liêm để trấn át. Thủy Tinh khơi riêng một con sông nhỏ từ sông Lý Nhân ra sông Hát vào sông Đà để đánh sau lưng núi Tản Viên. Lại mở thêm một lối nhỏ từ Tích Giang đi đến trước núi Tản Viên, trải qua các làng Cam Giá, Đông Lâu, Thạch Khê, Ma Xá, Dục Giang, xói lở thành vụng sâu để thông loài thủy tộc, thường lại nổi cơn gió mưa mù mịt, dâng nước lên để đánh Vương. Nhân dân ở núi đều chẻ tre đan làm rào thưa để che đỡ, đánh trống, giã gạo, reo hò để cứu, mỗi khi thấy rác rêu trôi ở ngoài rào thưa thì bắn tròng chết hết hiện thành hình trạng giao long, cá trạch trôi đầy sông ngòi. Quần chúng thủy tộc bị thua trở về, lòng vẫn chưa nguôi nên thường đến khoảng thàng tám, tháng chín có nhiều trận lụt, mùa màng bị hại, dân ở dưới núi chịu thiệt hơn đâu hết, đến nay vẫn còn.

130. Người đời đều bảo Thủy Tinh, Sơn Tinh đều cưới vợ vậy đó.

Chú thích

Truyện này nói lên sự vững bền của Việt lý sẽ đời đời còn đó không ai yếm được. Những người đang cố công vùi lấp nó đi như Việt cộng đang làm sẽ bị nhỏ vào mặt như Cao Biền. Nền minh triết đó xây trên số 3 “Tam Sơn La Vị”, đối với sông Nhị Hà làm ta liên tưởng tới cơ cấu tam lưỡng (2-3). Nhất là khi ta ngó lại cũng chính thần Tản Viên nhận được sách ước 3 trang mà lại chỉ dùng có 2 trang hỏa mộc (2-3) như đã nói nơi khác.

TRUYỆN NÚI TẢN VIÊN

Núi Tản Viên ở phía tây kinh thành Thăng Long nước Nam Việt. Núi cao một vạn hai nghìn ba trăm trượng, chu vi chín vạn tám nghìn sáu trăm trượng. Ba núi đứng xếp hàng, đỉnh tròn như cái tán cho nên có tên ấy. Theo sách Ai Giao Châu tự của Đường Tăng thì Đại vương núi này là Sơn Tinh họ Nguyễn, vô cùng linh ứng. Khi hạn hán, lúc lụt lội cầu đảo để phòng tai trừ hoạn lập tức có ứng nghiệm. Kẻ thờ cúng hết lòng thành kính. Thường thường, vào những ngày quang đãng như có bóng cờ xí thấp thoáng trong hang núi. Dân trong vùng nói rằng đó là Sơn thần hiển hiện.

Khi Cao Biền nhà Đường ở An Nam, muốn yếm những nơi linh tích bèn mổ bụng con gái chưa chồng mười bảy tuổi, rút ruột đi, nhồi cỏ bắc vào bụng, mặc quần áo vào, rồi đặt ngồi trên ngai, tế bằng trâu bò, hễ thấy cử động thì vung kiếm mà chém đầu. Phàm muốn đánh lừa các thần đều dùng thuật đó. Biền đem thuật đó để tiến Đại vương núi Tản Viên, thấy Vương cưỡi ngựa trắng ở trên mây, nhỏ nước bọt mà bỏ đi. Biền than rằng: “Linh khí ở phương Nam không thể lường được. Vương khí đời nào hết được”. Sự linh ứng đã hiển hiện ra như vậy đó.

Xưa kia Đại vương trông thấy phong cảnh núi Tản Viên đẹp để bèn làm một con đường từ bến Bạch Phiến đi lên phía nam núi Tản Viên, qua động An Vệ, ở các ngọn lườn lạch suối đều dựng điện để nghỉ ngơi. Rồi lại đi qua rìa núi đến chỗ núi có mây che thì định cư ở đó. Đôi lúc rong chơi trên sông Tiểu Hoàng giang xem đánh cá, phàm đi qua các làng xóm đều dựng điện để nghỉ ngơi. Về sau, nhân dân theo dấu vết các điện đó mà lập đền miếu để thờ cúng.

Lại theo truyện cũ ở sách Giao Châu ký của Lỗ Công, tương truyền rằng Đại vương Sơn Tinh họ Nguyễn, cùng vui với loài thủy tộc ở đất Gia Ninh, huyện Phong Châu. Thời vua Chu Noãn Vương, vua Hùng Vương thứ 18 đến ở đất Việt Trì, châu Phong, lấy quốc hiệu là Văn Lang. Vua có người con gái tên là My Nương (cháu gái 27 đời của Thần Nông) có sắc đẹp; Thục Vương Phán cầu hôn, nhà vua không bằng lòng, muốn chẹn rể hiền.

Mấy hôm sau, bỗng thấy hai người, một người xưng là Sơn Tinh, một người xưng là Thủy Tinh đến để cầu hôn. Hùng Vương truyền ti thí pháp thuật. Sơn Tinh chỉ núi, núi lở, ra vào trong đá không có gì trở ngại. Thủy Tinh lấy nước phun lên không biến thành mây mưa. Vua nói: “Hai vị đều có phép thần thông, nhưng ta chỉ có một con gái, vậy ai

mang sính lễ tới trước, ta khắc gả cho”. Sáng hôm sau, Sơn Tinh mang ngọc quý, vàng bạc, sơn cầm, dã thú... các lễ vật đến tiến vua y cho.

Thuỷ Tinh đến sau, không thấy My Nương, cả giận đem loài thuỷ tộc định đánh để cướp lại. Vương lấy lưới sắt ngăn ngang sông huyện Từ Liêm. Thuỷ Tinh bèn mở một dải sông Tiểu Hoàng Giang từ Lý Nhân ra Hát Giang, vào sông Đà Giang để đánh ập sau lưng núi Tản Viên. Lại mở ngách sông Tiểu Tích Giang hướng về trước núi Tản Viên, đi qua Cam Giá, Xa Lâu, Cổ Hào, Ma Sá (1) ở khoảng ven sông đánh sục thành cái vũng lớn để mở lối đi cho quân thuỷ tộc. Thường làm mưa gió mịt mù, dâng nước lên đánh Vương. Dân ở trên núi thấy thế bèn dựng một hàng rào để đón đỡ, đánh trống gõ cối(2), hò reo để cứu viện. Thấy cử cảnh trời bên ngoài hàng rào bèn bắn, thuỷ tộc chết biến thành xác ba ba thường luồng trôi tắc cả khúc sông.

Hàng năm vào khoảng tháng bảy, tháng tám vẫn thường như vậy. Dân vùng chân núi hay bị gió to nước lớn, lúa má thiệt hại cả. Người đời tương truyền rằng đó là Sơn Tinh và Thuỷ Tinh tranh nhau lấy My Nương (3).

Đại vương được bí quyết trường sinh của thần tiên nên rất hiển linh, đó là vị đệ nhất phúc thần của nước Đại Việt vậy.

Quan Hàm lâm học sĩ triều Trần là Nguyễn Sĩ Cố đi chinh tây vào báii yết, có bài thơ rằng:

Sơn tự thiên cao thần tối linh,

Tâm quy nh tài khẩu dĩ văn thanh.

My Nương diệc hữu hiển linh trứ.

Thả vị thư sinh bảo thử hành.

(Nghĩa là: Núi cao như trời, thần rất thiêng. Cửa lòng vừa gõ đã nghe tiếng. My Nương nếu có, tài hiển linh, hãy phù hộ chuyển đi của kẻ thư sinh này.)

Ở cuối truyện về sau có thêm một đoạn:

Theo sách Thế Pháp tập thì xưa kia Lạc Long Quân và Âu Cơ sinh một bọc trăm trứng. Mỗi trứng nở ra một người con trai. Long Quân đem năm mươi con về dưới biển. Năm mươi con cùng ở với Âu Cơ phân nhau trị thiên hạ, hiệu là Hùng Vương. Mà Đại vương núi Tản Viên chính là một trong năm mươi người con đi xuống biển không phải là hạo khí của núi tụ nên.

Vương từ hải quốc qua cửa bể Thần Phù trở về, tìm nơi đất thanh u, dân tục đôn hậu chất phác mà ở. Đi men theo sông Cái đến đất Long Đỗ, thứ đến Trấn Trạch, định lại, nhưng không vừa ý. Bèn bỏ đi, men sông Lô Giang, ngược lên tới bờ Phúc Lộc Giang, đứng bên bờ trông thấy núi Tản Viên cao vút đẹp đẽ, ba ngọn núi đứng xếp hàng, nghiễm nhiên như tranh vẽ. Lại thêm dân ở dưới núi có tục mổ trâu, nấu rượu hàng ngày ăn uống, ca vịnh ngâm nga, thực là chất phác. Vương bèn làm một con đường thẳng như sợi dây từ Bạch Phiên Tân lên thẳng phía nam núi Tản Viên, tới động An Uyên(4) lập điện để nghỉ ngơi(5).

Chú thích:

Bản A.750 chép: "... đến Cam Giá, Đông Lâu, Cổ Hiều, Ma Sá". Bản A.1752 chép: "... lại mở ngách sông Tiểu Chiết Giang chạy về phía trước núi Tản Viên, tới Cam Giá, Xa Lâu, Cổ Hiều, Ma Sá, Lộc Sơn thì đánh sục thành vững".

Bản A.1200 chép: "... đánh trống để báo cho nhau biết."

Bản A.1200 chép: "... tranh lấy Mỹ Nương". Bản chính A.33 chép nhầm là Man Nương, chúng tôi chữa lại là Mỹ Nương cho đúng.

Bản A.1752 chép: "... đi tới Ngô Đồng, lập điện để nghỉ ngơi." Bản A. 2107 và bản A.750 chép: "... đi tới Vệ Động..."

Theo các bản A.1752 và A.750 thì đoạn cuối này từ câu: "Xưa Lạc Long Quân và Âu Cơ sinh ra một bọc trăm trứng..." cho tới hết được xếp ở đầu truyện, sau câu: "... ba núi đứng xếp hàng, đỉnh tròn như cái tán cho nên có tên ấy".

20. TRUYỆN THẦN NÚI ĐỒNG CỔ

Thần núi Đồng Cổ vốn là linh thần thượng đẳng ở nước ta. Núi ở xã Trì Nê thượng, huyện Yên Định (1). Khi Lý Thái Tông còn là thái tử đi đánh Chiêm Thành tới Trường Châu, đêm quá canh ba mộng thấy một dị nhân mặc giáp phục, tự xưng là thần nghe vua Nam chinh xinch theo quân vua lập chiến công. Vua nhớ rõ những lời nói chuyện trong mộng.

Kíp khi thắng trận trở về lập đền tôn thờ, tới Kinh sư lại bói đất lập đền. Thần thác mộng xin ở mé hữu trong thành, gần chùa thánh chủ. Khi Thái Tổ băng hà, ba Vương làm phản. Trước hôm đó, thần lại thác mộng cho Thái Tông bảo phải đề phòng. Mộng quả nghiệm. Vua bèn ra chiếu phong vương tước, dựng miếu thờ, lập làm thiên hạ minh chủ.

Thời Trần được phong làm Minh linh Cảm ứng Bảo hộ Đại vương (đền ở mé trái Kinh, gần chùa Từ An).

Chú thích:

(1) Dịch theo bản A.1752

TRUYỆN HAI BÀ TRƯNG

Theo sách Sử Ký thì hai bà Trưng vốn dòng họ Hùng (1) chị tên là Trắc, em tên là Nhị, người ở huyện Mê Linh, đất Phong Châu, con gái quan Hùng tướng đất Giao Châu (2). Xưa Trắc lấy Thi Sách người huyện Chu Diên (3). Bà rất có tiết nghĩa, tính khí hùng dũng, có trí quyết đoán sáng suốt...

Thời ấy, Tô Định ở Giao Châu rất tham bạo, nhân dân rất khổ sở. Trắc thù Định giết chồng mình, bèn cùng em là Nhị dấy binh đánh Định, vây hãm Giao Châu; các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều hưởng ứng, hai chị em bèn bình định được sáu mươi lăm thành ở Lĩnh Ngoại (4) tự lập làm vua, mới xưng là Trưng, đóng đô ở thành Ô Diên.

Tô Định chạy về Nam Hải, Hán Quang Vũ nghe tin, biếm Tô Định về quận Đạm Nhĩ (5) sai tướng là bọn Mã Viện và Lưu Long sang thay. Quân địch đến Lãng Bạc, bà chống cự. Qua năm, bà thấy binh thế Mã Viện cường thịnh, tự lượng sức quân mình ô hợp, sợ không chống nổi, bèn lui về giữ đất Cẩm Khê. Viện đem quân đến đánh, bộ hạ bà Trưng đều bỏ chạy. Bà thế cô, bị hại trong trận. Có chỗ nói rằng bà lên núi Hy Sơn rồi không biết đi đâu mất (6).

Người trong châu thương cảm, lập miếu ở cửa sông Hát Giang để phụng thờ. Phàm những người gặp tai họa tới cầu đảo đều ứng nghiệm. Thời Lý Anh Tông gặp đại hạn, vua sai Cẩm Tĩnh thiền sư cầu mưa. Một hôm mưa xuống, mát lạnh thấu người (7). Vua mừng, ra xem, tự nhiên ngủ thiếp đi, mộng thấy hai người con gái đội mũ phù dung, mặc áo xanh, thắt lưng đỏ, cưỡi ngựa sắt theo gió lướt qua. Vua lấy làm lạ bèn hỏi. Hai người trả lời rằng: “Chúng ta là hai chị em họ Trưng vâng mệnh Thượng đế làm ra mưa”. Vua muốn hỏi thêm cặn kẽ. Hai người bèn giơ tay ngăn lại. Vua tỉnh mộng, cảm kích, ra lệnh tu sửa đền, đem lễ đến dâng. Về sau hai bà lại thác mộng cho vua xin lập đền ở bãi Đồng Nhân(8). Vua nghe theo, phong làm Trinh linh nhị phu nhân. Triều Trần lại gia phong cho mỹ tự là Hiển liệt chế thắng thuần bảo thuận. Cho đến nay vẫn được bao phong đời đời, lửa hương không dứt.

Chú thích:

Bản A.1200 chép: “Hai Bà Trưng vốn dòng họ Lạc”.

Bản A.1200 chép: “con gái Lạc tướng đất Giao Châu”.

Bản A.1200: “Trắc lầy Tạ Sách người huyện Chu Diên...”

Bản A.1200: “... giành được của Định 56 thành ở Lĩnh Nam...”

Bản A.1200: “... biếm Tô Định về quận Đạm Châu”. (Đạm Châu, cũng như Đạm Nhĩ, tên một quận ở đảo Hải Nam, Trung Quốc)

Truyền thuyết dân gian thường cho rằng Hai Bà đã bay lên trời chứ không cho rằng Hai Bà bị giặc giết. Núi Hy Sơn có lẽ là núi Hy Cương, nơi có đền Hùng hiệu nay (Phú Thọ).

Bản A.1200 chép: “... đêm hôm ấy mưa to gió lớn, nước lên kinh người, vua vui mừng ra nhìn, hốt nhiên ngủ say...”

Bản A.1200 chép: “... ở Cổ Lai”.

TRUYỆN SÔNG TÔ LỊCH (1)

Năm Hàm Thông thứ 6 (2), vua Đường Ý Tông sai Cao Biền làm đô hộ tướng quân, đem binh đánh quân Nam Chiếu. Lúc Biền trở về, nhà vua đặt Tĩnh hải quân ở thành Lĩnh Nam, cho Biền làm tiết độ sứ (3). Biền thông hiểu thiên văn địa lý, xem hình thế đất mà xây thành Đại La ở phía tây Lô Giang, chu vi 30 dặm (4) để ở. Có dòng sông con từ Lô Giang chảy vào phía Tây bắc, cuốn quanh phía nam, ôm lấy thành Đại La rồi lại nhập vào sông cái.

Hồi đó đang giữa tháng sáu, nước mưa lên cao Biền cưỡi thuyền nhẹ thuận dòng vào sông con, đi khoảng một dặm bỗng thấy một cụ già râu tóc bạc phơ, dung mạo dị kỳ, tắm ở giữa dòng sông, cười nói hớn hờ. Biền hỏi họ tên. Đáp: ta họ Tô tên Lịch. Biền lại hỏi: nhà ở đâu? Đáp: nhà ở trong sông này. Dứt lời, lấy tay đập nước bắn tung mù mịt, bỗng nhiên không thấy đâu nữa. Biền biết là thần, bèn đặt tên sông là Tô Lịch.

Một buổi sớm khác, Biền ra đứng ở bờ sông Lô Giang, phía đông thành Đại La, thấy một trận gió lớn nổi lên, sóng nước cuộn cuộn, mây trôi mù mịt, có một dị nhân đứng trên mặt nước, cao hơn hai trượng, mình mặc áo vàng, đầu đội mũ tím, tay cầm hốt vàng rực rỡ một quãng trời, chập chờn lên xuống trong khoảng không(5). Mặt trời cao ba con sào, khí mây hầy còn chưa tan (6), Biền rất kinh dị, muốn yểm thần. Đêm nằm mộng thấy thần tới nói rằng: “Chớ yểm ta, ta là tinh ở Long Đỗ, đứng đầu các địa linh,

ông xây thành ở đây, ta chưa được gặp, cho nên tới xem đó thôi, ta có sợ gì bùa phép?”
Biên kinh hãi.

Sáng hôm sau, Biên lập đàn niệm chú, lấy kim đồng thiết phù để yểm (7). Đêm hôm ấy, sấm động ầm ầm, gió mưa dậm dật, đất trời u ám, thần tượng hò reo, kinh thiên động địa. Trong khoảnh khắc, kim đồng thiết phù bật ra khỏi đất, biến thành tro, bay tan trên không. Biên càng kinh hãi, than rằng: “Xứ này có thần linh dị, ở lâu tất chuốc lấy tai vạ” (8). Sau Ý Tông triệu Biên về, quả nhiên Biên bị giết và Cao Tàm được cử sang thay (9).

Chú thích:

(1) Về chuyện này, bản A.2107 và bản A.750 mở đầu như sau: “Nước ta có người họ Tô tên Lịch xưa sống ở Long Đỗ, nay là mé ven sông, ba đời nhân nhượng mà sống chung với nhau. Đời Tấn được cử làm chức hiếu liêm, cấm cờ ở trước cổng xóm, vì vậy người đời bèn gọi xóm ấy là xóm Tô Lịch.

Đời Đường Mục Tông, Lý Nguyên Gia làm quan đô hộ, giữ đất Long Biên. Lý cho rằng phía bắc thành có dòng nước chảy ngược, sợ dân hay sinh lòng phản nghịch nên chọn đất khác định chuyển La Thành sang bờ sông Tô Lịch, bèn khẩn mời Tô Lịch làm thần chủ giữ thành rồi xin lập đền thờ cúng. Nửa đêm, Nguyên Gia nằm mộng thấy thần tới nói rằng: “Ta vâng lệnh sứ quân làm chủ thành này, nếu như ta có thể giáo hóa được dân chúng trong thành trở nên có trung hiếu thì xin hãy lập đền thờ”. Nguyên Gia xin vâng. Từ đó, dân không có lòng phản nghịch. Lý bèn xây thành nhỏ để ở, lại lập đền thờ phụng. Thần chính là vị đại vương của cả quốc gia vậy. Lý vừa xây xong thành thì có vị quan bẩm rằng: “Ông không thể đủ sức xây thành lớn. 50 năm sau ắt có người họ Cao định đô, xây phủ ở đây. Tới năm Hàm Thông đời Đường Ý Tông, quân Nam Chiếu làm loạn. Vua Đường sai Cao Biên sang dẹp, đặt ra quân Tĩnh Hải, sai Biên làm đô hộ sứ. Biên xưng vương, đóng quân ở trong phủ...” (từ đây trở xuống chép giống bản A.33).

(2) Bản A.1752 và A.750 chép: “Năm Hàm Thông thứ ba...”

(3) Bản A.1300 chép: “... sai Cao Biên làm quan đô hộ đất Giao Châu đem quân đánh Nam Chiếu, lại đặt Tĩnh Hải quân ở An Nam thành, cử Biên làm tiết độ sứ”.

(4) Bản A.1300 và bản A.750 chép: “... chu vi 3.000 bộ...”. Bản A.2107 chép: “... chu vi 8000 bộ”.

(5) Các bản A.2107 và A.1752: “lên xuống trên không, lúc ẩn lúc hiện”.

(6) Các bản A.1300 và A.2107: “khi mây chưa tan mà bóng dáng vẫn còn”.

(7) Các bản A.2107, A.1300, A.1752 chép: “đọc phù chú suốt ba ngày ba đêm, lại chôn bùa để yểm”.

(8) Các bản A.1300, A.1752 chép: "... ở lâu tất chuốc lấy tai vạ, ta phải mau mau trở về phương Bắc". Bản A.2107 chép: "Biền rất kinh sợ, than rằng: "Ở xứ này có vị thần linh thiêng, ta nên trở về phương Bắc, chớ nên ở lâu mà chuốc lấy hậu họa". Từ đó, Cao Biền có lòng muốn trở về phương Bắc, sau cúng tế mà tôn thần làm Đô phủ thành hoàng. Sau Ý Tông triệu Biền về, Biền quả nhiên bị giết, Ý Tông sai Tầm sang thay. Sau này Lý Thái Tổ dời đô, thần thác mộng chúc mừng nhà vua. Vua lấy làm lạ, bèn hỏi. Thần tâu tên họ. Vua hỏi: "Thần có thể bảo hộ được sinh linh trong 100 năm không? Đáp: "Mong thánh thượng cơ nghiệp dài lâu ngàn vạn năm, thần cũng nhờ vậy mà được hưởng hương hỏa ngàn năm". Vua tỉnh dậy, sai quan trung sử tiến rượu, phong làm Đô quốc thành hoàng Đại vương. Triều Trần lại phong làm Bảo quốc định bang Đại vương. Đền thờ đặt ở phường Đông Tác, huyện Thọ Xương (nay ở khu Nhà Thờ Lớn, Hà Nội).

(9) Sách Việt Điện U Linh chép truyện Tô Lịch và truyện Thần chính khí Long Đỗ, và coi hai nhân vật Tô Lịch và thần Long Đỗ là hai vị thần khác nhau. Ở đây lại đồng hóa làm một.

TRUYỆN VỊ THẦN NÚI HỒNG LĨNH

Núi Hồng Lĩnh ở đạo Nghệ An. Xưa ở huyện La Sơn có bốn người đốn củi trong núi thấy một cái hồ, trong hồ có một mỹ nhân rất đẹp đang tắm trên một tảng đá bằng phẳng. Mỹ nhân trông thấy bốn người thì nhảy xuống hồ.

Bỗng có một con ba ba lớn nổi ở trên mặt nước, bốn người kinh hãi bèn hái những quả quý trên hồ mà đi. Đi suốt ngày không tiến được bước nào, bỗng thấy một dị nhân đến nói rằng: "Vứt những quả quý đi thì mới có thể ra khỏi chốn này, nếu về được tới nhà thì chớ có tiết lộ chuyện trong núi cho ai hết". Về sau có người tiết lộ chuyện, hộc máu mà chết.

Đến đời Thánh Tông hoàng đế triều ta(1), vua tới núi này, cấm biển ở trên núi. Núi có chín mươi ngọn. Tịnh không thấy hồ, chỉ nghe như có tiếng sóng vỗ. Trời lập tức đổ mưa. Thấy thần rất là linh ứng, nhà vua ban phong cho điểu lễ, đến nay người đời vẫn còn kể lại chuyện xưa. Nơi đó là núi Hồng Lĩnh thuộc huyện Nghi Xuân và Can Lộc (Hà Tĩnh).

Chú thích:

(1) Chưa rõ vua Thánh Tông đời Lý, vua Thánh Tông đời Trần hay vua Thánh Tông đời Lê. Có lẽ là đời Lê.

TRUYỆN HAI VỊ THẦN Ở LONG NHÃN, NHƯ NGUYỆT

Năm Thiên Phúc nguyên niên đời Lê Đại Hành, Tống Thái Tổ sai bọn tướng quân Hầu Nhân Bảo, Tôn Toàn Hưng cất quân xâm lược phương Nam. Đến sông Đại Than, Lê Đại Hành và tướng quân Phạm Cự Lượng kéo quân tới sông Đồ Lỗ cự địch, hai bên đối lũy cùng cầm cự với nhau.

Đại Hành mộng thấy hai anh thần nhân ở trên sông vái mà nói rằng: “Anh em thần, một tên là Trương Hồng, một tên là Trương Hát, xưa kia theo Triệu Việt Vương cầm quân chinh phạt nghịch tặc mà lấy được thiên hạ. Về sau Triệu Việt Vương mất nước, Lý Nam Đế triệu hai anh em thần về. Bọn thần vì nghĩa không thể theo được, uống thuốc độc mà tự tử. Thượng đế thương anh em thần có công, lại khen vì trung nghĩa một lòng, mới phong làm quan tướng trong hàng các thần linh, thống lĩnh âm binh. Nay quân Tống phạm cõi, làm khổ sinh linh nước ta, cho nên anh em thần đến yết kiến, xin nguyện cùng nhà vua đánh giặc để cứu sinh linh.”

Vua giật mình tỉnh dậy, mừng rỡ mà bảo cận thần rằng: “Thế này là có thần nhân giúp ta rồi vậy”. Bèn lập tức đốt hương ở trước thuyền ngự mà khấn rằng: “Nếu thần nhân có thể giúp ta làm nên công nghiệp này, thì xin bao phong để được huyết thực muôn đời”. Đoạn giết súc vật tế lễ, đốt mũ áo, voi ngựa giấy, tiền giấy.

Đêm ấy Đại Hành mộng thấy hai thần nhân mặc mũ áo vua ban đến bái tạ. Đêm sau lại thấy một người dẫn đoàn âm binh áo trắng, tự phía Nam sông Bình Giang mà tới, một người dẫn đoàn âm binh áo đỏ từ phía Bắc sông Như Nguyệt mà lại, cùng xông vào trại giặc mà đánh. Canh ba đêm ba mươi tháng mười, trời tối đen, mưa to gió lớn ùng ùng. Quân Tống kinh hoàng. Thần nhân tàng hình ở trên không, lớn tiếng ngâm rằng:

Nam quốc sơn hà Nam đế cư

Hoàng thiên dĩ định tại thiên thư.

Như hà Bắc Lỗ lai xâm lược.

Bạch nhận phiên thành phá trúc dư (1).

Quân Tống nghe thấy, xéo đạp vào nhau mà chạy tan, làm ghét lẫn nhau, ai lo chạy thoát thân người ấy, bị bắt không biết bao nhiêu mà kể. Quân Tống đại bại mà về. Đại Hành trở về ăn mừng, phong thưởng công thần, truy phong cho hai vị thần nhân, một là Tinh Mẫn Đại vương (2), lập miếu thờ tại ngã ba sông Long Nhãn, sai dân ở Long Nhãn, sông Bình Giang phụng thờ, một là Khước Mẫn (3) Đại vương lập miếu ở ngã ba sông Như Nguyệt, sai dân ở bờ sông Như Nguyệt phụng thờ, hưởng huyết thực đời đời, nay vẫn còn là phúc thần (4).

Chú thích:

Về truyện này, bản A.750 mở đầu như sau:

“Trương tướng quân là người thời Triệu Việt Vương, anh tên Hồng, em tên Hát đều là danh tướng của Triệu Việt Vương, theo dẹp nghịch tặc bình định được thiên hạ. Tới khi Triệu Việt Vương bị Lý Nam Đế diệt, Nam Đế triệu hai người tới định cho làm quan. Hai người nói: kẻ trung thần không thờ giặc giết chủ mình. Bèn vào ẩn ở núi Phù Lan. Sau Nam Đế hẹn thưởng ngàn lạng vàng cho ai lấy được đầu hai người. Hai người trung nghĩa không chịu khuất, uống thuốc độc mà chết. Tới đời Ngô Vương đánh Lý Huy ở cửa sông Phù Lan, đêm nằm mộng thấy có hai dị nhân đến nói rằng: Giặc hung hãn đã lâu ngày, xin theo vua đi dẹp. Vua nói: các người là ai, ta chưa hề biết mặt. Hai người xưng tên thực: bọn thần là tướng của Triệu Vương, vì nghĩa mà chết, Thượng đế thương cho làm quan tướng trong hàng thần binh...” (từ đây trở xuống chép giống bản A.33).

(1) Bản A.1200 trong bài thơ câu thứ ba chép: “Như hà Bắc Lỗ xâm Nam Chí”.

Bản A.750, trong bài thơ, 3 câu sau chép:

“... Tiệt nhiên dĩ định tại thiên thư

Như kim nghịch tặc lai công kích

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư”.

Bản A.1752, trong bài thơ, câu 3 và 4 chép:

Như kim nghịch tặc lai công kích

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Bản A.1300, trong bài thơ, 3 câu sau chép:

Tiệt nhiên phạt định tại thiên thư,

Như hà nghịch tặc lai xâm phạm,

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư”.

Bài thơ này tạm dịch nghĩa là:

Non sông nước Nam, vua nước Nam ở,

Điều ấy đã định rõ trong sách trời.

Cớ sao giặc Bắc sang xâm lược,

Bay sẽ bị lưới gươm sắc chém tan như chẻ tre.

(2) Bản A.1752 chép: “Khước địch Đại vương”. Bản A.1200 chép: “Uy địch Đại vương”.

(3) Bản A.1752 chép: “Uy địch Đại vương”. Bản A.1200 và A.1300 chép: “Khước địch Đại vương”.

(4) Chú ý đến sự trùng hợp giữa bài thơ này và bài thơ của Lý Thường Kiệt “Nam quốc sơn hà”.

TRUYỆN TỪ ĐẠO HẠNH VÀ NGUYỄN MINH KHÔNG

(Ngày nay còn đền thờ ở chùa Thiên Phúc, núi Sài Sơn, huyện An Sơn; trong núi đá này có pho tượng, trong chùa có tượng Lý Thần Tông).

Ông họ Từ tên Lộ, tự là Đạo Hạnh, ở chùa Thiên Phúc, núi Phật Tích (1). Cha tên là Vinh, làm chức Tăng quan Đô sát ở triều Lý, thường qua chơi làng An Lăng, lấy con gái người họ Tăng tên là Loan, nhân thế ở lại đó.

Lộ tức là con bà họ Tăng vậy. Thuở thiếu niên, thích du hiệp, phóng khoáng, có chí lớn, hành động ngôn ngữ không ai có thể lường được, thường cùng kẻ nho giả là Mãi Sinh, đạo sĩ là Lê Toàn Nghĩa và người con hát là Phan At kết bạn, đêm thì mài miết đọc sách, ngày thì thổi sáo đánh cầu, bày trò vui chơi.

Cha mẹ thường trách là trễ nải, một đêm ghé dòm qua khe cửa vào trong phòng thấy ngọn đèn gần tàn, sách vở chồng chất. Lộ vừa gục xuống án mà ngủ, tay vẫn chưa rời khỏi sách; do đó cha mẹ không còn lo nghĩ nữa. Sau Lộ dự kỳ thi tăng hương thí, đỗ khoa Bạch liên (2). Không bao lâu, cha dùng tà thuật làm phật ý Diên Thành hầu. Diên Thành hầu nhờ Đại Diên thiền sư dùng phép đánh chết, ném xác xuống sông Tô Lịch.

Xác trôi tới cầu An Quyết, trước cửa nhà Diên Thành hầu, hốt nhiên dựng đứng lên ở đấy suốt một ngày không trôi đi.

Diên Thành hầu sợ hãi nói với Đại Điền, Đại Điền đến hét lên rằng: “Người tu hành không được phép giận quá một ngày” (3) rút lời thầy đồ xuống mà trôi đi. Lộ nghĩ việc báo thù cho cha nhưng chưa nghĩ ra mưu kế. Một hôm, rình Đại Điền ra ngoài muốn gây sự đánh, bỗng nghe thấy trên không trung có tiếng thét ngăn lại.

Lộ sợ hãi quăng gậy mà đi. Muốn sang chùa bên nước An Độ (4) cầu phép lạ để đánh Diên, đường đi qua đất rợ Kim Xỉ (răng vàng) thấy hiểm trở bèn quay về, ẩn cư ở núi Phật Tích, thường ngày đọc kinh Đại-bi-đà-la, đọc trọn mười vạn tám nghìn lần.

Một hôm, thấy có thần nhân đến trước mặt nói rằng: “Đệ tử tức là Trần Thiên Vương, cảm phục thầy có công to đức lớn kiên trì tụng kinh nên lại đây để thầy sai khiến”. Lộ biết là đạo pháp đã thành, thù cha có thể rửa, bèn thân đến cầu An Quyết, cầm cây gậy chống ở tay thử ném xuống dòng nước chảy xiết. Gậy đi ngược dòng nước tới cầu Tây Dương thì dừng lại. Lộ mừng mà nói rằng: “Phép của ta thắng được Đại Điền rồi!”

Bèn đến thẳng chỗ Điền ở (5). Điền nói rằng: “Mày không nhớ chuyện ngày trước sao?” Lộ nhìn lên không trung, tịnh không thấy gì, bèn đánh liền. Điền phát bệnh mà chết. Từ đó, thù xưa rửa sạch, tục lự nguôi dần, mới du ngoạn các miền rừng rú để tìm dấu Phật. Nghe tiếng Kiều Trí Huyền ở đạo Bình Hóa, bèn cung kính tới bái yết và hỏi về chân tâm, đọc câu kệ rằng:

Cửu hỗn phong trần vị thức tâm (kim),

Bất tri hà xứ thị chân tâm,

Nguyện thừa chỉ giáo khai phương tiện,

Tiện kiến bồ đề đoạn khổ tâm. (6)

Huyền đọc kệ đáp lại:

Ngũ âm bí quyết diễn chân tâm (kim),

Cá trung mãn nguyệt lộ thiên tâm.

Hà sa giác thị bồ đề đạo,

Nghĩ hướng bồ đề cách vạn tâm (7).

Lộ hoang mang chưa hiểu hết, bèn đi tới chùa ở núi Pháp Linh yết kiến Phạm Hội thiền sư, hỏi rằng: “Như thế nào là chân tâm?” Phạm nói: “A-nan-cá chính là chân tâm”. Lộ bỗng nhiên tỉnh ngộ, hỏi rằng: “Thế nào là phép hành trụ?” Phạm nói: “Đói thì ăn, khát thì uống”. Lộ bái từ mà đi, từ đó phép lực ngày càng mạnh, duyên thiền ngày càng kết. Các giống rắn núi, thú đồng đến quán quýt quanh mình. Lộ đốt ngón tay cầu đảo, phun nước trị bệnh, không lúc nào không ứng nghiệm ngay. Có vị sư hỏi rằng: “Phải chăng hành, trụ, tọa, ngộ đều là Phật tâm”(8). Lộ đọc kệ đáp rằng:

Tác hữu trần sa hữu,

Vi không nhất thiết không.

Hữu, không như thủy nguyệt,

Vật chước khả không không. (9)

Hoặc lại nói:

Nhật nguyệt xuất nham đầu,

Nhân nhân thất hỏa châu.

Quy nhân hữu câu tử,

Hành bộ bất ký câu (10).

Khi ấy vua Lý Nhân Tông không có con, tháng ba năm Hội tường Đại khánh thứ 3(11), có người ở phủ Thanh Hoa dâng lời nói rằng: “Ở bãi bể có đứa trẻ kỳ lạ, mới khoảng lên ba, tự xưng là hoàng tử, lấy hiệu Giác Hoàng, phàm vua làm điều gì đứa trẻ ấy cũng biết”. Đó chính là Đại Điện hóa sinh vậy. vua sai quan trung sứ tới xem, thấy đúng như lời nói, bèn đón về Kinh sư, cho ở chùa Báo Thiên. Vua thấy đứa trẻ thông minh kỳ lạ rất lấy làm yêu dấu, muốn lập làm kẻ kế tự, quần thần đều cố khuyên can là không thể được, và nói: “Nếu kẻ kia thật là linh dị, tất phải thác sinh ở nơi cung cấm, sau mới có thể lập được”. Vua nghe theo, bèn mở đại hội bảy ngày đêm cho đầu thai.

Lộ nghe tin, nói với chị gái rằng: “Đứa trẻ kia là yêu tà, mê hoặc người ta quá đáng. Ta há chịu ngồi yên mà không cứu, để nó làm mê hoặc lòng người rối loạn chính pháp sao?” Nhân bảo chị gái giả đó làm người đi xem hội, mặt đem mấy tờ bùa của Lộ treo ở trên rèm. Hội tới ngày thứ hai thì Giác Hoàng bị bệnh nói với mọi người rằng: “Khắp biên giới trong nước đều có lưới sắt vây che, tuy muốn thác sinh, sợ không có lối vậy”.

Vua nghe có kẻ phá mất bùa chú, bèn sai người đi tìm, quả nhiên bắt được Lộ ở Hưng Thánh lâu, trói lại, hơp quần thần để xét xử.

Vừa lúc đó Sùng Hiền Hầu đi ngang qua, Lộ năn nỉ hỏi: “Xin ra sức cứu bản tăng khỏi phải chịu tội, ngày sau xin ngụ thai trong cung để báo đáp công đức này”. Hầu gật đầu. Đến lúc hơp, quần thần tâu với vua rằng: “Bệ hạ không người nối nghiệp nên cầu kẻ kia thác sinh, thế mà tên Lộ cuồng dại dám tự ý phá gỡ phép bùa chú, thật là đắc tội”. Hầu tâu rằng: “Thiết tưởng nếu Giác Hoàng có thần lực thì đâu có trăm tên Lộ phá gỡ, phỏng có hề gì? Nay lại trái hẳn, Lộ hơn hẳn Giác Hoàng, thần trộm nghĩ nếu như bắt tội Lộ chẳng thà cho Lộ thác sinh”. Vua bằng lòng.

Lộ đến thẳng phủ đệ nhà Hầu, nhằm chỗ phu nhân tắm, nhìn khắp cả (12). Phu nhân giận quá mách với Hầu. Hầu vốn hiểu ý, để mặc không hỏi đến. Phu nhân vì thế có thai. Lộ dặn Hầu rằng đến ngày phu nhân đẻ con phải báo cho biết trước. Đến ngày tháng, Lộ được người báo tin, bèn tắm rửa thay quần áo, bảo học trò rằng: “Mối túc nhân của ta chưa hết, phải thác sinh lần nữa ở đời, tạm làm đến vương, kíp đến khi già, chết làm nhị thập nhị thiên tử. Nếu thấy thân thể tan ra đất, đó là ta đã thâm nhập vào bùn đất không còn ở trong cõi sống chết nữa”. Học trò nghe nói, ai cũng cảm động sụt sùi. Lộ đọc kệ rằng:

Thu lai bất báo nhận lai quy.

Lãnh tiểu nhân giam tạm phát bi,

Vị báo môn nhân lưu luyến chước,

Cổ sư kỳ độ tác kim sư (13).

Đọc dứt, nghiễm nhiên mà hóa(14). Hầu phu nhân bèn sinh con trai, đặt tên là Dương Hoán. Khi lên ba vua Nhân Tông nuôi ở trong cung, lập làm hoàng thái tử. Nhân tông băng hà, thái tử tức vị, ấy là vua Thần Tông do Lộ thác sinh ra vậy. Hình xác Lộ nay còn ở hòm đá trong chùa Thiên Phúc, núi Phật Tích, huyện Ninh Sơn (15).

Xưa ở làng Đàm Xá, huyện Đại Hoàng (còn có tên là Gia Viễn) đất Trường An có người tên là Nguyễn Chí Thành ở chùa Quốc Thanh, hiệu là Minh Không quốc sư, lúc ít tuổi đi du học, gặp Đạo Hạnh, học được Đạo giáo, trải hơn mười năm.

Đạo Hạnh thấy người tiết tháo bèn truyền tâm ấn(16) lại đặt tên cho. Kíp tới khi Đạo Hạnh sắp tạ thế, bảo Minh Không rằng: “Xưa tôn sư của ta tu đã tròn quả phúc mà còn bị cái nạn đao thương quả báo, hưởng chi ở cái thườ mặt thế huyền vi này, há có thể tự giữ mình được sao? Ta nay xuất, ở cái địa vị làm thấy người ta, bệnh trái kiếp sau quyết là khó tránh nổi. Ta với người có duyên, nên cứu giúp nhau.”(17)

Đạo Hạnh đã hóa, Minh Không trở về chùa cũ cày ruộng. Hơn hai mươi năm, ẩn hơi kín tiếng. Khi đó Lý Thần Tông bỗng mắc bệnh lạ, tâm thần rối loạn, tiếng kêu đau đớn gầm rú đáng sợ. Các lương y trong thiên hạ vâng chiếu mà đến, kể hàng ngàn hàng vạn, đều chịu bó tay. Khi ấy có đứa trẻ hát rằng:

“Dục trị thiên tử bệnh, tu đắc Nguyễn Minh Không” (nghĩa là: muốn chữa khỏi bệnh nhà vua tất phải tìm được Nguyễn Minh Không). Triều đình bèn sai sứ đi được Minh Không. Minh Không thấy sứ giả đến, trong thuyền có rất nhiều lính, muốn dọn chơm chay cho ăn, bèn lấy một cái nồi nhỏ đem cho họ, bảo họ rằng: “Anh em đừng quá sợ không đủ no bụng, tạm ăn vậy” (18). Thế mà bọn lính chèo thuyền hơn một trăm người cùng ăn cũng không sao hết. Lính ăn xong, sư lại bảo:

“Anh em hãy tạm ngủ say một lát nữa đợi nước triều dâng lên ta hãy bắt đầu ra đi”. Chúng nghe lời, đều nằm ngủ say ở trên thuyền. Mới trong khoảnh khắc, thuyền đã trở về tới Kinh đô. Bọn lính tỉnh dậy đều lấy làm lạ.

Khi Minh Không đến, các bậc có tiếng là học rộng ở khắp các nơi đều đang thi thố mọi phép ở trên điện, thấy Minh Không quê mùa, không thèm chào. Minh Không lấy một chiếc đĩnh lớn dài hơn năm tấc đóng vào cột điện, lớn tiếng nói rằng: “Có nhỏ được đĩnh này hãy nói chuyện chữa bệnh” (19). Nói như vậy hai ba lần. Không có ai dám nhỏ. Minh Không bèn lấy hai ngón tay trái mà nhỏ, đĩnh bật phăng ra. Chúng đều kinh ngạc.

Khi gặp Thần Tông, Minh Không lớn tiếng nói: “Kẻ đại trượng phu được tôn lên ngôi thiên tử, giàu có khắp bốn bể, cứ sao còn phát bệnh cuồng loạn như vậy?” Vua nghe nói rất run sợ. Minh Không bèn lấy một cái vạc lớn đựng dầu, đun lên sôi sùng sục, rồi lấy tay khoáng vào bốn lần, rắc vẩy lên khắp mình vua, bệnh tức thì khỏi hết. Vua bèn phong Minh Không làm quốc sư, ban lộc mấy trăm hộ để thưởng công. Năm Tân sửu, niên hiệu Thái bình thứ 22, Minh Không tạ thế, thọ bảy mươi sáu tuổi (20).

Chú thích:

Bản A.1200 chép: “... Ở chùa Thiên Phúc, xã Sài Sơn, huyện Yên Sơn, trên núi Phật Tích”.

Bản A.1200: “... sau bố là Vinh ứng thi khoa tăng hương, đỗ khoa Bạch liên”.

Bản A.2107 chép: “... người tu hành không giận quá một ngày, sống chết chẳng qua chỉ là giấc mộng”.

Các bản A.1200, A.1300, A.1752, A.750 đều chép “muốn sang An Độ học phép là...”

Bản A.2107 chép: “... bèn dùng phép tàng hình đến thẳng nhà Đại Biên...”

Dịch ý như sau: Lâu ngày bị gió bụi làm đục không thấy rõ được vàng, không biết nơi nào mới thực là chân tâm. Mong được nghe lời chỉ giáo để mở đường phương tiện, thấy được bồ đề thôi không phải khổ công tìm tòi.

Dịch ý như sau:

Ngũ âm bí quyết biểu hiện rõ chân kim (vàng thực),

Trong đó, đầy tháng sẽ lộ rõ lòng thiền.

Bát ngát như cát ven sông đó mới thực là đạo Bồ Đề,

Hướng tới Bồ Đề ngàn sự tìm tòi đều xa cách.

Tức là sự đi, ở, nằm ngồi của nhà sự.

Dịch ý như sau:

Nghĩ là có thì bụi cát cũng là có,

Coi là không thì tất cả đều là không.

Có, không chỉ như mặt trăng dưới nước,

Chớ nên coi cái không là có.

(10) Dịch ý như sau:

Mặt trời mặt trăng ló ra ở đầu núi,

Người người đều cháy ra một khối lửa.

Người về có con ngựa nhỏ,

Đi bộ mà không cưỡi ngựa.

(các bài kệ này ý nghĩa rất tối, khó hiểu, xét không cần thiết phải chú giải, chúng tôi chỉ xin dịch ý mà thôi).

(11) Tức năm 1113, đời Lý Nhân Tông (năm Đại Quan thứ 4 đời Tống).

(12) Bản A.750 chép: “Lộ bèn thân đến nhà Hầu để cáo tạ, vào chỗ phu nhân Đỗ thị tắm liền nhìn trộm. Phu nhân nổi giận mách Hầu. Hầu biết ý không trách. Lộ dặn Hầu rằng: sau này khi phu nhân lâm bồn tất phải báo cho biết trước. Ba năm sau, phu nhân quả có thai. Đến thời sinh nở, Hầu nhớ lại lời dặn cũ của Lộ sai người cấp báo. Lộ bèn tắm giặt thay quần áo, bảo học trò rằng...”

Bản A.2107 chép: “Lộ được tha, đến yết kiến ở phủ đệ của Hầu, nhập vào chỗ phu nhân tắm, bức phu nhân phải cho xem. Phu nhân giận lắm, bỗng thấy ở thùng tắm có một đứa trẻ, sợ quá bèn thừa với Hầu. Hầu biết ý không hỏi tội...”

(13) Dịch ý như sau:

Thu tới, không cho chim nhận báo trước,

Cười nhạt mà nhìn nhân gian đau xót.

Khẽ bảo bọn môn nhân chớ nên luyến tiếc,

Thầy xưa mấy độ hóa thầy nay.

(14) Bản A.750 viết: “Qua giờ Ngọ, Đạo Hạnh tịch. Đến giờ Mùi thì phu nhân sinh, đặt tên là Dương Hoán, ấy là năm Hội Tường Đại Khánh thứ bảy, vào tháng sáu, mùa Hạ, Dương Hoán lên sáu tuổi, rất thông minh đĩnh ngộ, vua rất yêu dấu. Vì vua tuổi đã cao mà không có con, bèn nuôi Hoán ở trong cung, lập làm thái tử.

(15) Bản A.2107 chép: “Nhà vua chết, Dương Hoán lên ngôi, đó là Thần Tông. Xác Từ Đạo Hạnh ngày nay còn thấy tung tích trong đá chùa Thiên Phúc, núi Phật Tích, huyện An Sơn, phủ Quốc Oai. Hình dáng tới nay vẫn còn. Xưa Từ Đạo Hạnh đi chơi, thường thấy trong động có vết chân in trên đá, lấy chân ướm thử thì thấy vừa khớp. Người đời truyền rằng xác ông tan ra chính ở chỗ ấy. Hàng năm vào ngày 7 tháng ba, nam nữ thường tới dự hội chùa này, chùa hóa thành một nơi thắng cảnh. Cuối đời Minh, quân Minh vào cướp nước ta, trong cuộc binh hỏa, vết tích xưa bị đốt, người làng mới xây lại tượng để thờ”. Đến đây, bản A.2107 kết thúc truyện Từ Đạo Hạnh. Sau đó chép riêng ở dưới truyện Nguyễn Minh Không thiền sư.

(16) Bản A.2107 chép: “Đạo Hạnh mừng thấy người có chí bèn truyền cho ẩn tiết (ẩn và cò) lại đặt tên cho.

(17) Bản A.2107 chép: “Huống hồ, đạo ta còn thấp hèn. Nay ta ở trên đời, đứng vào cái địa vị chúa của người, bệnh trái kiếp sau quyết khó tránh nổi...”

Bản A.1752 lại chép: "... Huống hồ phép mật của ta còn chưa sáng tỏ, khó lòng mà tự giữ gìn được. Ta nay hiện ra trên thế gian ở vào cái địa vị chủ người, sinh, tử, bệnh khó mà tránh thoát".

Xét các bản này thì ý chung của đoạn văn là: Từ Đạo Hạnh biết trước rằng sau khi mình tái sinh sẽ làm vua, như vậy bản chính chép là làm thầy thì không đúng lắm.

(18) Bản A.2107 chép: "Minh Không thấy sứ giả đến tức thì đem một nồi cơm nhỏ cho lính chèo thuyền ăn. Bọn theo sau sứ giả rất đông, lo không đủ cơm ăn. Minh Không bảo: hãy tạm ăn vậy. Hàng mấy trăm lính chèo thuyền ăn không sao hết..."

(19) Bản A.1200 chép: "Các bậc danh sư thạc túc đang làm phép trên điện... Minh Không quát lớn: kẻ nào nhỏ được đình này mới chữa được bệnh".

(20) Về Minh Không, lại có một truyện khác gọi là Minh Không biệt truyện. Theo bản A.750, truyện như sau:

Ở chùa Không Lộ làng Giao Thủy có nhà sư tên là Minh Không, xuất gia trụ trì ở chùa này vào đời bình trị, rất nổi tiếng về đức hạnh. Một hôm, Minh Không ở ngoài đi về, người sư ở cùng phòng đùa nấp trong cửa buồng nhảy xổ ra, giả làm tiếng hổ kêu để dọa. Minh Không cười nói: "nhà người tu hành mà còn muốn làm hổ hay sao? Ta cần phải cứu nhà người mới được". Mấy năm sau, nhà sư đó chết hóa kiếp thành quốc vương, hốt nhiên khắp người mọc lông, nhảy nhót la gào, mặt như mặt hổ. Tìm khắp thầy thuốc, thầy cúng, sư sãi mà không có ai chữa được. Nghe Minh Không có pháp thuật, bèn sai người chèo thuyền đi mời. Minh Không lấy nồi nhỏ nấu cơm cho thủy thủ ăn, sứ giả cười nói: "Thủy thủ người đông, sợ không đủ no". Minh Không nói: "Không lo, cứ cho tất cả mọi người cùng ăn sẽ thấy lòng thảo của ta". Thủy thủ 45 người ăn no mà không hết; mọi người đều lấy làm lạ. Chiều tối lên thuyền, lại khuyên sứ giả và thủy thủ ngủ say, đợi trăng lên, gọi dậy nhổ neo, nếu không sẽ không đi. Sứ giả mời mãi không được bèn nằm giả ngủ. Bỗng thấy trong thuyền tiếng gió thổi lạnh, đến lúc trăng mọc, nhà sư gọi dậy thì thuyền đã cập bến Kinh đô rồi. Minh Không bay lên không mà vào cung, đun nước tắm cho nhà vua, tay rửa tới đâu thì lông rụng tới đấy. Vua khiến trở về bình Than. Nhân hỏi căn nguyên bệnh trạng. Đáp: "Người tu hành trong tu niệm có điều mê hoặc, sám hối mà tẩy rửa thì sẽ khỏi, không có gì khó cả". Vua lại hỏi: "Nhà thầy sao có tài thần thông bay ở trên không như vậy?" Đáp: "Không phải như thế, kẻ hạ thần vốn mắc bệnh phong, mỗi khi bệnh phát lại không nhìn thấy hình dáng vạn vật, không biết cái gì là có, cái gì là không, chỉ tin ở cái lẽ sống thường tình mà thôi, không có gì là thần thông cả". Bèn lại bay lên không mà trở về. Vua ban cho cửa cải, sư không nhận, vua bèn phong cho chức thần tăng.

Hiện nay, ở vùng Gia Viễn (Ninh Bình) ở huyện Xuân Thủy (Nam Định) và huyện Vũ Thư (Thái Bình) có nhiều nơi thờ Nguyễn Minh Không (có đền riêng hoặc thờ phụ vào chùa), thường có tục bơi chải vào ngày hội, tục này chắc liên quan đến truyện nhà sư đi thuyền một đêm mà đến được Kinh đô. Ngoài ra ở Hà Nội, có đền Lý Quốc Sư (phổ Lý Quốc Sư) và đền Thần Quang (Ngũ Xã) cũng thờ Nguyễn Minh Không. Còn Từ Đạo

Hạnh và Lý Thần Tông (kiếp sau của Từ Đạo Hạnh) thì được thờ ở chùa Láng (nơi quê mẹ của Từ Đạo Hạnh), huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội, và ở chùa Thầy, huyện Quốc Oai, Hà Tây.

TRUYỆN DƯƠNG KHÔNG LỘ VÀ NGUYỄN GIÁC HẢI

Thiền sư Không Lộ ở chùa Nghiêm Quang, huyện Hải Thanh là người họ Dương ở Hải Thanh vậy, mấy đời làm nghề câu cá, bỏ nghề ấy mà đi tu, thường hay đọc kinh Già-la-ni-môn. Trong các năm Chương Thánh, Gia Khánh đời Lý Nhân Tông (1) thường cùng Giác Hải là đạo hữu ở ẩn đất Hà Trạch (2) quên cả thân mình, ngoài không đi đến đâu, trong thì tu thiền định (3). Thấy tâm thần tai mắt nhẹ nhàng sáng sủa, có thể bay lên không, đi trên băng giá, bắt được hổ phải nể phục, bắt được rồng phải giáng, vô cùng quái đản, người ta không sao lường biết được (4). Sau tìm về một ngôi chùa ở quận nhà mà ở. Một hôm, người hầu bẩm rằng: “Mỗ tự khi tới đây chưa hề được thầy chỉ giáo về những điều tâm yếu, dám xin trình thơ rằng:

Đoàn luyện thân tâm hảo đắc tinh,

Xâm xâm trực chuyển đối nghiêm đình.

Hữu nhân lai học không không pháp (5)

Thân tọa bình biên ảnh tập hình (6).

Sư hiểu rõ mà bảo rằng: “Nếu con đi đường bộ mà tới, ta tiếp con, nếu con đi đường thủy mà tới, ta trao cho con. Chẳng có chỗ nào mà ta không truyền cho con cái đạo tâm yếu”. Nói xong, ha hả cười lớn. Thường hay đọc câu kệ rằng:

Tuyển thủ giao long địa khả cư,

Dã tình chung nhật lạc vô dư.

Hữu thời trực thượng cô phong lĩnh,

Trường tiếu nhất thanh hàn thái hư (7).

Ngày 3 tháng sáu năm Kỷ Hợi, niên hiệu Hội Tường Đại Khánh thứ mười thì chết (8); môn nhân thu xác táng ở cửa chùa. Vua hạ chiếu cho sửa rộng chùa này, quyên hai mươi hộ phụng hương hỏa.

Thiền sư Giác Hải họ Nguyễn, người Hải Thanh, ở tại chùa Diên Phúc quận nhà. Thờ nhỏ thích câu cá, thường lấy thuyền con làm nhà, lênh đênh trên mặt nước. Năm hai mươi lăm tuổi bỏ nghề ấy, cắt tóc đi tu, lúc đầu cùng thiền sư Không Lộ thờ một thầy ở chùa Hà Trạch (9).

Thời Lý Nhân Tông, sư thường cùng Thông Huyền chân nhân được triệu vào ngồi hầu trong chùa Lương Thạch ở Liên Mộng (10). Bỗng có đôi tắc kè gọi nhau, nhúc tai điếc óc. Vua truyền Thông Huyền ngăn nó lại, Huyền lặng nhậm thần chú, một con rơi xuống trước. Vua cười bảo: “Hãy còn một con xin để nhường nhà sư”. Sư đọc thần chú, trong nháy mắt con còn lại cũng rơi xuống nốt. Vua kinh lạ, làm thơ rằng:

Giác Hải tâm như hải,

Thông Huyền đạo diệt huyền.

Thần thông năng biến hóa,

Nhất Phật, nhất thần tiên (11).

Từ đó danh tiếng sư vang động thiên hạ, các vị tăng cùng kẻ tục đều dốc lòng tin theo. Vua thường lấy lễ thầy trò mà đã sư, mỗi khi hạ giá tới hành cung ở Hải Thanh tất trước tới thăm chùa.

Một hôm vua bảo sư: “Cái đạo ứng chân thân túc (12) có thể cho nghe được không?” Sư bèn đọc kinh tám lần, bay vút lên không, cách xa đất năm trượng, bỗng lại rơi xuống. Vua cùng quần thần đều vỗ tay xưng tán, ban cho chiếc kiệu để ra vào nơi cung cấm. Tới triều vua Thần Tông, mấy lần vua triệu và Kinh thành, sư đều lấy cơ già yếu không đi. Có vị sư hỏi rằng: “Phật và chúng sinh, ai là chủ ai là khách?” Sư bèn đặt câu kệ rằng:

Bất giác nhữ đầu bạch,

Báo nhĩ tác lão khách.

Nhược vấn Phật cảnh giới,

Long môn tao điểm ngạch (13).

Lúc sắp tịch, bèn làm bài kệ cáo chúng như sau:

Xuân lai hoa điệp thiện tri thì,

Hoa điệp ưng tu tiện ứng kỳ.

Hoa điệp bản lai giai thị ảo,

Mạc tương hoa điệp hướng tâm trì (14).

Đêm ấy có ngôi sao lớn rơi ở góc tây nam phương trượng. Sáng hôm sau, sư ngồi ngay thẳng mà tịch. Vua xuống chiếu quyên 30 hộ phụng thờ hương hỏa, phong hai con làm quan để thưởng công.

(Đời Trần Thái Tông, đất Hải Thanh là Thiên Thanh, tức là phủ Thiên Trường(15)).

Chú thích:

Bản A.2107 chép: “đời Lý Thánh Tông”.

Bản A.2107 chép: “... đến ở ẩn tại chùa Hà Trạch, mặc cỏ ăn cây, quên cả thân mình, ngoài thì không đi đâu, trong thì tu thiền định”. Bản A.1752 chép: “... bên đất Cựu Thủy nương thân, đi ăn xin ở đó, quên cả thân mình...”

Thiền định: tiếng nhà Phật, ý nói tập trung tư tưởng ở một chỗ mà suy tưởng tới lẽ huyền diệu của đạo Phật.

Về đoạn này, bản A.2107 chép thêm như sau: “Lại được ban đại giám chân âm, khi thì tự xưng là Vũ Khách, lúc thì nhận hiệu là Mao Tiên (Vũ Khách, Mao Tiên đều là tên chỉ các bậc tiên) được lên tới cõi Đâu Xuất...”

Câu thứ hai này, các bản A.2914, A.2107, A.1300, A.1200, A.1752 đều chép là: “xâm xâm trực cán đối hư đình”.

Dịch ý như sau:

Rèn luyện thâm tâm cho được tinh vi,

Hăm hở xoay lại đối diện với nghiêm đình.

Có người tới học không không pháp,

Mình ngồi bên chiếc bình phong, ảnh với hình hợp làm một.

Bản A.1752, trong bài thơ, 3 câu sau chép:

“Dã tình chung nhật mẽ vô dư,

Hữu thời trực thượng cô điền tại.

Khiếu nhất thanh hề hàn thái hư”.

Bản A.1200 chép bài thơ này như sau:

Tuyển thủ giao long địa khả cư,

Dã tình chung tất lạc vô dư.

Hữu thời trực hướng cô phong lĩnh,

Trường khiếu cao thanh hàn thái hư.

Bài thơ này dịch ý như sau:

Địa thế long xà chọn được nơi,

Đồng quê cảnh thú suốt ngày vui.

Có khi dờn bước non cao chói.

Một tiếng kêu to lạnh cả trời.

Bản A.2107 chép: “Ngày mồng 3 tháng sáu năm At Hợi, niên hiệu Hội Tường Đại Khánh thứ 10 (tức năm 1120) sự tịch”.

Các bản A.759, A.1300 chép thêm: “... sau tìm về Hải Thanh”.

Bản A.1200 chép: “... cùng với Không Lộ thờ một thầy, nương nấu ở chùa Hà Trạch, sau tìm về chùa Không Lộ”.

Bản A.2107 chép: "... sau về ở chùa Diên Phúc thuộc làng cũ tiêu dao làm vui, đồ vật trong chùa tùy thời sử dụng..."

(10) Bản A.2107 chép: "... mời vào ngồi ở chùa Đá trong viện Liên Mộng".

Bản A.1752 chép: "... mời vào ngồi ở chùa Phùng Ứng, Lương Mộng".

Bản A.1200: "... mời vào ngồi ở chùa Liên Hoa, Lương Thạch".

(11) Dịch ý như sau:

Giác Hải lòng như hải (bể)

Thông Huyền đạo cũng huyền,

Thần thông thêm biến hóa.

Một phật, một thần tiên.

(12) Bản A.1300: "Ứng chân định thần". Bản A.2107: "Ứng chân thần tiên".

(13) Dịch phỏng ý như sau:

Bất giác đầu ta đã bạc, bảo ta là lão khách, nếu như hỏi tới những điều thuộc cảnh giới đạo Phật, thì ta cũng chỉ như con cá nhỏ không vượt khỏi cửa rồng đến nổi trán bị chấm dầu.

(14) Dịch phỏng ý như sau:

Xuân tới, chính là thời tiết rất quen thuộc đối với bướm hoa. Hoa bướm cũng phải lựa theo thời tiết. Hoa bướm xưa nay vốn mộng ảo. Cớ sao phải giữ mãi chuyện hoa bướm trong lòng.

(15) Thiên Trường: tên phủ thuộc trấn Sơn Nam Hạ cũ, nay thuộc Hà Nam Ninh gồm các huyện Xuân Thủy, Trực Ninh, Nam Trực.

TRUYỆN HÀ Ô LÔI

Năm Thiệu Phong đời Trần Dụ Tông có người làng Ma La (1) là Đặng Sĩ Doanh làm chức An phủ sứ phụng mệnh sang Bắc quốc, Vợ là Vũ thị ở nhà. Trong làng có đền thờ thần Ma La. Đêm đêm thần biến thành Sĩ Doanh, thân thể hình dạng, dáng điệu đi đứng đều hệt như Sĩ Doanh, nhập vào phòng Vũ thị để tư thông, lúc gà gáy lại bỏ đi. Đêm hôm sau Vũ thị hỏi: “Phu quân phụng mệnh sang sứ Bắc, sao đêm đêm thì về mà ngày lại không thấy?” Thần nói dối rằng: “Vua đã sai người khác đi thay, để ta hầu bên tả hữu, thường giữ ta đánh cờ không cho ra ngoài. Song ta nhớ tình vợ chồng nên lên về với nàng để cùng ân ái. Sáng sớm lại phải nhập triều, không dám ở lâu”. Nghe gà gáy thần lại đi. Vũ thị có ý ngờ vực.

Tròn một năm Sĩ Doanh đi sứ về, Vũ thị có thai đã đầy chín tháng. Sĩ Doanh tâu lên vua. Vũ thị bị hạ ngục. Đêm vua nằm mộng thấy một vị thần tới trước mặt tâu rằng: “Tôi là thần Ma La lấy vợ đã có mang, bị Sĩ Doanh tranh mất con”. Vua tỉnh mộng, hôm sau ra lệnh cho ngục quan đem Vũ thị tới, phán rằng: “Vợ trả cho Sĩ Doanh, con trả cho thần Ma La”.

Ba hôm sau, Vũ thị sinh ra một bọc đen, nở được một con trai, da đen như mực (2). Năm mười hai tuổi đặt tên là Hà Ô Lôi. Hà tuy đen như sơn, nhưng da thịt bóng mỡ như cao. Năm mười lăm tuổi, vua triệu vào hầu, được rất mực yêu dấu, đãi như tân khách (3).

Một hôm Ô Lôi đi chơi ở Hồ Tây, gặp Lã Động Tân, Lã hỏi rằng: “Chú bé con kia có muốn gì chẳng?” Đáp: Đương lúc thiên hạ thái bình quốc gia vô sự, coi phú quý như phù vân, chỉ ham muốn thanh sắc làm vui tai đẹp mắt mà thôi”. Động Tân cười nói: “Thanh và sắc của người mất một, được một, song tên tuổi có thể lưu lại cho đời”. Rồi bảo Ô Lôi há miệng, nhổ nước bọt, bảo nuốt, sau đó bay lên trời mà đi.

Từ đó, Ô Lôi tuy không biết chữ nhưng thông minh nói giỏi hơn người (4) những câu từ chương thi phú, khúc điệu ca ngâm, giao xướng phụng vịnh, trào phong lộng nguyệt đều khiến mọi người kinh ngạc. Đàn bà con gái ai cũng muốn biết mặt. Vua thường nói với triều thần rằng: “Sau này thấy Ô Lôi gian phạm tới nhà ai, bắt tới trước điện sẽ được đền nghìn quan, nếu giết chết phải bồi thường nghìn quan” (5).

Hồi ấy ở làng Nhân Mục có vị quận chúa thuộc dòng họ vua, tên là A Kim tuổi vừa 23, chồng chết sớm ở góa, nhan sắc có một không hai. Vua rất yêu, gạ gẫm không được thường lấy làm giận, một lần bảo Ô Lôi rằng: “Người có kế gì cho ta được nàng chẳng?” Ô Lôi tâu: “Thần xin hạn một năm, nếu không thấy về là sự không thành, thần đã chết”.

Bèn bái từ mà đi, về nhà cởi bỏ hết quần áo dầm dưới bùn, dầu dãi nắng mưa cho xấu bẩn, rồi đóng khổ vải giả làm người chần ngựa gánh một đôi sọt tre đến nhà quận chúa, lấy một gói trầu cau đút lót cho tên giữ cổng để xin vào vườn cắt cỏ. Tên giữ cổng cho vào.

Hồi đó vào khoảng tháng năm, tháng sáu, hoa thái lê đang mùa nở. Ô Lôi đem cắt hết cho vào trong gánh. Thị tỳ của quận chúa thấy hoa trong vườn hết sạch, hô trói Ô Lôi để đợi gia chủ đến chuộc. Giữ quá ba ngày không thấy có người đến nhận, thị tỳ bèn hỏi: “Mày là gia nô nhà ai, sao không thấy người đến chuộc và đền hoa trong vườn?” Ô Lôi đáp: Tôi là kẻ phiêu bạt, không có gia chủ, không có cha mẹ, thường gánh đồ theo bọn con hát kiếm ăn, hôm qua thấy một vị quan quát ngựa đi ở phía nam kinh thành, ngựa đói, không có cỏ, chủ ngựa cho tôi năm đồng trinh sai đi cắt một gánh cỏ. Tôi mừng được tiền vội đi cắt cỏ, không biết hoa thái lê là vật gì, nay không có gì đền xin đem thân làm gia nô để bồi thường vậy”. Thị tỳ bèn lưu Ô Lôi ở cổng ngoài.

Qua hơn một tháng, thị tỳ của quận chúa thấy Ô Lôi đói khát bèn cho ăn uống. Đêm đêm Ô Lôi thường ca hát cho người giữ cổng nghe, bọn thị tỳ và nội thị cũng đều lắng nghe.

Một hôm trời tối đã lâu mà đèn chưa thấy thắp, quận chúa ngồi mò một chỗ, tả hữu không kẻ hầu hạ. Quận chúa gọi thị tỳ mà mắng về tội hầu hạ không đầy đủ, lại cầm roi toan đánh. Bọn thị tỳ cúi đầu tạ tội rằng: “Chúng con nghe tên cất cổ hát trong long ham say, không ngờ đến nỗi này, quận chúa đánh đòn cũng xin cam chịu”. Quận chúa thôi mà không hỏi tội nữa.

Lúc đó đang giữa đêm hè, quận chúa cùng thị tỳ ngồi ở giữa sân, ngóng gió đưa trăng để tiêu khiển. Bỗng cách tường nghe thấy tiếng hát của Ô Lôi thoảng như điệu ca chàng ngư phủ, khác hẳn âm thanh chốn dương gian (6), tâm thần mê mẩn, tình riêng xúc động, bèn với Ô Lôi vào nhà trong cho hầu ở tả hữu, thành đũa gia nô thân cận.

Quận chúa thường bảo Ô Lôi ca vịnh ngâm xướng để tiêu mối sầu u uất. Ô Lôi nhân đó hết lòng hầu hạ, quận chúa càng yêu mến tin cậy, ngày cho ở dưới trướng, đêm cho khêu đèn ngồi hầu (7). Khi thì sai ca hát, giọng ca bay khắp trong ngoài, quận chúa quá cảm động mà mang bệnh u uất. Qua ba, bốn tháng, bệnh càng trầm trọng. Thị tỳ hầu hạ lâu cũng mệt nhọc mà bị ốm mệt, ốm mệt lại thường ngủ say, quận chúa gọi cũng không dậy.

Duy còn một mình Ô Lôi ở lại hầu hạ, quận chúa không nén nổi dục tình, mật bảo Ô Lôi rằng: “Người ở cạnh ta, ta vì giọng hát của người mà mang bệnh...” Bèn cùng Ô Lôi tư thông, bệnh tình cũng có bớt hơn. Tình yêu ngày càng mặn mà, quận chúa chẳng kể gì đến sự đẹp xấu, không còn tiếc gì nữa, muốn đem hết ruộng đất cho Ô Lôi làm trang trại. Ô Lôi nói: “Tôi vốn không có nhà cửa, nay được gặp quận chúa là bậc thiên tiên, đó thực là điều phúc lớn của tôi. Tôi không cần điền Trạch, châu báu chỉ muốn được đội chiếc mũ châu của quận chúa thì chết cũng được nhắm mắt.” (Chiếc mũ đó là vật tiên để ban cho, chỉ dùng trong lúc tiến triều. Quận chúa vì quá yêu Ô Lôi không còn tiếc gì hết).

Ô Lôi được mũ bèn cất lên mang vào triều. Vua trông thấy cả mừng, tức tốc sai vời quận chúa vào chầu, bảo Ô Lôi đội chiếc mũ kia đứng hầu bên cạnh. Vua hỏi quận chúa: “Có biết Ô Lôi không?” Quận chúa lúc ấy rất xấu hổ.

Đời bấy giờ có bài thơ quốc ngữ rằng:

Chín đả nấu đến xin làm tôi,

Đành hay thiên tiên phúc để Lôi.

Từ đó danh tiếng Ô Lôi vang lừng thiên hạ, gái đẹp nhà vương hầu thường trêu đùa Ô Lôi. Có câu thơ quốc ngữ rằng:

Mang mang mặt mắt cháy ma lem,

Kẻ chợ khát, người qua mới thèm.

Nhẫn có hoàng kim thanh sắc ấy,

Mang mang mặt mũi thế soi xem.

Tuy người đời làm thơ khinh bỉ Ô Lôi, nhưng vẫn bị tiếng hát cám dỗ mà không thể tránh Ô Lôi được. Ô Lôi thường tư thông với con gái các nhà vương hầu mà không ai dám đánh, sợ vua bắt bồi thường.

Sau Ô Lôi tư thông cả với con gái trưởng của Minh Uy Vương. Vương bắt được song chưa đem giết tội. Sáng hôm sau, Vương vào chầu vua, tâu rằng: “Đêm qua Ô Lôi lên vào nhà thần, tối như bưng không rõ trắng đen nên thần đã giết mất rồi, nay xin bệ hạ

cho biết phải đền mấy nghìn quan để thần tiến nạp.” Vua không biết là Ô Lôi chưa bị giết, phán rằng: “Trót lỡ mà giết thì ta chẳng chấp nệ làm gì”. Hồi ấy hoàng hậu Vi Từ là chị ruột Minh Uy Vương(8). Vương về lấy trượng đánh Ô Lôi, Lôi không chết, Vương bèn lấy chày giã chết.

Khi sắp chết, Ô Lôi có ngâm câu thơ quốc ngữ rằng:

Sinh tử do trời có quản bao,
Nam nhi miễn đã được anh hào,
Chết vì thanh sắc cam là chết,
Chết việc ốm đau cơm gạo nào.

Lại nói: “Xưa Động Tân bảo ta rằng: “Thanh sắc của người được mất bù nhau (9), lời ấy nghiệm thật”. Nói rồi bèn chết.

Chú thích:

Bản A.2107: “... làng Ma Phong”.

Bản A.750 chép: “Vi thần không có họ nên đặt cho họ Hà, lấy tên là Ô Lôi, mặt mũi đen nhẻm, nhưng da thịt mỡ màng”.

Các bản A.750, A.1200, A.1300, A.2914 chép: “... coi như khách thân”.

Bản A.750, A.2107 chép: “... thường làm mất lòng nhiều người”. Bản A.1200 chép: “Thông minh lém lỉnh vượt hẳn mọi người”.

Bản A.750 chép: “... Nếu giết chết phải bồi thường một vạn quan. Vua thường cùng Ô Lôi du chơi...”

Bản A.1300 chép: vua ra lệnh cho triều thần rằng “nếu thấy Ô Lôi gian phạm đến phụ nữ, bắt nộp tới trước vua sẽ được thưởng 1000 quan tiền, nếu từ ý giết phải đền 1 vạn quan”.

Các bản A.1300, A.2914, A.2107 chép: “Cách tường nghe thấy tiếng ca phảng phất như điệu nhạc Quân thiên, khác âm thanh nơi hạ giới...”

Đoạn này, bản A.2107 có chép thêm như sau: “Ô Lôi cũng hết lòng nỗ lực, hầu hạ dưới gối, suốt ngày quần quýt không lúc nào rời..., hoặc khi quận chúa sai ca hát, tiếng ca bay khắp trong ngoài, bài hát cợt gió như sau:

Nhờ gió xua chừ từ trái đất ra,
Dỡn qua lãng uyển, lộng ánh thiêu quang.
Ai đưa gió tới lân la chốn này,
Vào song bắc chừ vui tình nghĩa.
Sang Tương đài chừ thú Tương Vương.
Đưa người gốc liễu chừ đón khách hải đường
Gỡ hộ cô nàng chừ mối sầu nặng vương.

Bài ca dỡn trăng như sau:

Tựa ngọc bàn chắt là âm tinh,
Vui trăng này trăng thật đa đoan
Đông tây lúc ở thường vô định
Đầy vui tùy lúc chẳng bằng nhau

Mượn cửa sổ bóng câu chọt lướt
Mưa chị Hằng lên mãi trời cao
Cùng trời đất sống lâu ngàn kiếp
Bận bịu nhiều chẳng phút nào nguôi.

Giọng ca dìu dặt, du dương khiến cho chim cá cũng phải động lòng. Quận chúa nhân cảm động, mang bệnh sầu tư, ba bốn tháng bệnh càng thêm nặng. Mỗi chân tình của quận chúa không ngăn cấm được, quận chúa bèn nói với Ô Lôi rằng: “Giọng hát của người làm tâm thần ta mê mết, khiến ta yêu mến đến nỗi thế này...”

Bản A.750 chép: “Uy Minh Vương...”

Bản A.750 chép: “... thanh sắc của người được nọ mắt kia...”

LĨNH NAM CHÍCH QUÁI **những truyện thiêng tộc Việt**

CÁC TRUYỆN DỊCH THÊM

1. TRUYỆN DẠ THOA VƯƠNG

Thời thượng cổ, ở ngoài nước Au Lạc có nước Diêu Nghiêm, chúa nước ấy là Dạ Thoa Vương, còn gọi là Trường Minh Vương hay Thập Đầu Vương (vua mười đầu). Nước này phía Bắc giáp Hồ Tôn Tinh quốc. Nước Hồ Tôn Tinh có vua là Thập Xa Vương (vua mười xe), có thái tử là Vi Bà. Vợ Vi Bà là Bạch Tĩnh Chiếu Nương dung mạo rất đẹp đẽ. Dạ Thoa nghe nói rất thích, bèn đánh Hồ Tôn để cướp vợ Vi Bà. Vi Bà tức giận bèn đem loài vượn đi hầu phá núi, lấp bể thành đường phẳng để công phá nước Diêu Nghiêm, giết Dạ Thoa Vương, cướp vợ y mà trở về.

(Loài tinh Hồ Tôn tức là tinh di hâu, chính là nước Chiêm Thành ngày nay vậy).

2. TRUYỆN GIÉNG VIỆT

Giếng Việt ở miền Trâu Sơn, quận Vũ Ninh(1). Đời Hùng Vương thứ ba, nhà An cử binh sang xâm chiếm nước Nam, đóng quân ở dưới núi Trâu Sơn. Hùng Vương cầu cứu Long Quân, Long Quân dạy rằng đi tìm bực kỳ tài trong thiên hạ thì sẽ dẹp được giặc.

Sóc Thiên Vương ứng kỳ mà sinh, cười ngựa sắt đánh giặc(2), tướng sĩ nhà An đều bỏ chạy.

An Vương chết ở dưới núi, biến thành vua ở địa phủ, dân phải lập miếu thờ, lâu năm suy dần, đền miếu bỏ hoang. Qua đời Chu, tới đời Tần có người nước ta là Thôi Lượng (3) làm quan cho nhà Tần đến chức Ngự sử đại phu, thường qua vùng này, thấy cảnh suy tàn, chạnh lòng thương cảm, bèn sửa sang lại đền miếu, nhân đề mấy câu thơ rằng:

Cổ nhân truyền đạo thị An Vương,

Tuần thủ đương niên đáo thủ phương.

Sơn tú thủy lưu không kiến miếu,

Tinh thẳng tích lại thượng văn hương.

Nhất chiêu thắng bại vô An đức,

Vạn tải thanh linh trấn Việt Thường.

Bách tính lòng tư giai phụng sự (4),

Mặc phù quốc tộ vĩnh vô cương (5).

Sau các tướng Nhâm Hiêu, Triệu Đà đem quân xâm chiếm phương Nam(6) (đời An Dương Vương) trú quân ở dưới núi, sai tu sửa lại miếu mạo, nghiêm cẩn khẩn thờ.

An Vương cảm cái đức của Lượng xưa, muốn đền ơn, bèn sai tiên nữ Ma Cô ra ngoài cõi tìm kiếm. Khi ấy Lượng đã chết ở đất Tần, duy có con là Vỹ hãy còn du học. Khi ấy là vào ngày mừng một tết, dân chúng tới thăm đền này, có người cúng một đôi binh pha lê, tiên nữ Ma Cô cầm lên ngắm nghía, lỡ rơi xuống đất vỡ khuyết một mảnh, bị người ta bắt đền. Ma Cô mặc áo rách, mọi người không biết là tiên, nên đánh đập tàn nhẫn. Thôi Vỹ thấy vậy, động lòng thương, bèn cởi áo đền cho Ma Cô được tha. Ma Cô hỏi Vỹ ở đâu, Vỹ kể lai lịch của cha. Ma Cô lúc ấy mới biết là con quan Thôi Ngự sử, mừng rỡ mà nói với Vỹ rằng: “Nay ta không có gì báo đáp, sau này tất sẽ tạ ơn”. Nhân đưa cho Vỹ một bó lá ngải mà nói: “Giữ cẩn thận vật này, đừng để rời khỏi mình, sau này thấy ai có bấu trên đầu, đem chườm cho tan tất sẽ được phú quý to”.

Vỹ nhận lấy, cũng không biết đó là thuốc tiên. Đi đến nhà người bạn thân là Ứng Huyền. Huyền là một vị đạo sĩ có cái bấu trên đầu. Vỹ nói: “Tôi có lá ngải có thể trị được tật này”. Huyền nhờ chữa cho. Vỹ bèn dùng lá ngải mà chườm, bấu lập tức tan. Huyền nói: “Đó là thuốc tiên, tôi nay không có gì báo đáp, xin lấy ơn khác đền lại. Tôi quen một vị quý nhân mắc tật này, thường nói rằng ai chữa được thì sẽ chia gia tài mà không tiếc, ông hãy tới đó chữa. Tôi muốn nhân đó báo ơn ông”.

Huyền đưa Vỹ tới nhà Nhâm Hiêu chữa, bấu tự khắc tan. Hiêu cả mừng, nuôi Vỹ làm con nuôi, mở trường cho Vỹ học để chờ khi hữu dụng. Vỹ là người thông minh, hay đọc sách, gảy đàn. Con gái Hiêu là Phương Dung thấy Vỹ thì phải lòng, bèn cùng tư thông.

Con trai Hiêu là Nhâm Phu biết chuyện, muốn giết Vỹ, đem Vỹ tế thần Xương Cuồng, bèn dỗ rằng: “Cuối năm phải lễ thần Xương Cuồng mà chưa có người làm đồ lễ, nay không nên đi ra ngoài, e rằng bị bắt sống, phải ẩn vào phòng kín để tránh”. Vỹ vô tình nghe theo, Nhâm Phu bèn khóa cửa buồng. Phương Dung biết ý ngằm lấy dao đưa cho Vỹ, Vỹ đào ngạch mà ra.

Ban đêm Vỹ lên đi, muốn tới nương tựa nhà Ứng Huyền. Đi gấp lên trên núi, núi có hang sâu, Vỹ lỡ chân rơi xuống hang. Đương lúc canh một thì rơi tới đáy, Vỹ đau quá, hơn một khắc mới ngồi dậy được. Đúng lúc Ngọ, mặt trời chiếu thẳng xuống hang, thấy xung quanh đều là vách đá, không có bậc lên. Ở trên có một hòn đá, thạch nhũ rủ xuống bàn đá. Có một con rắn trắng mình dài trăm trượng, mào vàng, miệng đỏ, râu xanh, vẩy trắng, dưới cổ có cái bướu, trên trán có dòng chữ vàng đề “Vương kính tử”. Rắn ra ăn thạch nhũ rồi lại chui vào trong hang. Vỹ ở trong hang ba ngày, đói lắm phải ăn vụng thạch nhũ.

Rắn ra, thấy trên bàn đá hết cả thạch nhũ ngừng đầu thấy Vỹ định nuốt. Vỹ kinh sợ, sụp lạy mà nói: “Tôi bị nạn rơi xuống dưới này, không có gì ăn, đói dạ nên phải ăn vụng, thực là đắc tội. Nay thấy dưới cổ ngài có bướu thịt, tôi có lá ngải để đã ba năm, xin khoan tha cho để tôi thi thổ chút tài mọn”. Rắn ngẩng đầu xin chườm cho. Bỗng thấy ánh lửa sáng, một mảnh than rơi xuống hang. Vỹ lấy lửa để chườm, bướu lập tức tiêu tan.

Rắn quấy mình tới trước mặt Vỹ như có ý bảo Vỹ cưỡi lên lưng. Vỹ cưỡi lên rắn bèn tức thì đưa Vỹ ra khỏi hang. Đúng canh hai thì lên tới cửa hang, nhìn không thấy ai qua lại rắn bèn vẩy đuôi bảo Vỹ xuống, sau đó rắn trở vào trong hang. Vỹ đi lạc đường, thoáng thấy trước mặt có một tòa thành, trên cổng thành có lầu cao lợp ngói đỏ lung linh, ánh sáng mờ mờ chiếu tỏa. Trên cổng treo biển đỏ viết chữ “An Vương thành” bằng vàng. Vỹ ngồi bên cạnh cổng nhìn thấy trong sân có ao, giữa ao có sen ngũ sắc, cạnh ao có hồ, liễu mấy hàng. Thấy đường gạch phẳng lì, điện ngọc cung châu, lầu cao gác rộng.

Trên điện có kê giường kim quy, trải chiếu hoa bạc, có hai đàn cầm, sắt, vắng lặng không thấy người. Vỹ bèn vào đánh đàn, bỗng thấy kim đồng ngọc nữ hàng trăm người theo hầu An hậu mở cửa mà ra. Vỹ cả kinh, xuống điện phục lạy.

Hậu cười phán rằng: “Thôi quan nhân ở đâu tới đây?” Rồi lại mời lên điện mà nói: “Xưa kia điện An Vương bỏ hang đổ nát, không có người thờ cúng, nhờ có Thôi Ngự sử tu sửa, người đời mới theo gương, mà cúng thờ mãi mãi. Ta đã sai tiên nữ Ma Cô đi tìm để báo ơn, không gặp Ngự sử mà chỉ gặp công tử, vẫn chưa có gì báo đáp, nay may được trông thấy mặt công tử, nhưng hiềm vì có sắc gọi, cho nên Vương lên chào trời, hiện không ở nhà”. Bèn ban tiệc rượu, chúc cho ăn uống no say.

Xong tiệc, bỗng thấy có người râu dài bụng to tiến lên dâng biểu, quỳ xuống mà tâu rằng: “Ngày 13 tháng giêng, người phương bắc là Nhâm Hiêu đã bị thần Xương Cuồng đánh chết”. Nghe tâu xong, Hậu bèn nói “Dương quan nhân (7) hãy đưa Thôi công tử trở về trần thế”. Hậu tiễn đưa. Dương quan nhân bèn bảo Vỹ nhắm mắt ngồi lên vai mình.

Hơn một khắc sau lại xuống tới đỉnh núi. Dương quan nhân biến thành một con dê đá mà đứng ở trong núi, nay con dê ấy còn đứng sau đền Triệu Việt Vương phía nam núi Trâu Sơn.

Vỹ trở về nhà Ứng Huyền kể lại đầu đuôi câu chuyện. Đêm ngày mùng một tháng tám, đương lúc xế bóng, Vỹ và Huyền cùng đi dạo bên ngoài, thấy tiên nữ Ma Cô dắt một người con gái tới cho Vỹ để kết làm vợ chồng, lại cho cả viên ngọc Long Tuy.

Vốn xưa ngọc đó có hai viên thụ, hùng, suốt từ đời Hoàng Đế tới triều nhà An vẫn được lưu truyền là vật quý ở đời. Trong cuộc chiến trận ở Trâu Sơn, vua An đeo ngọc đó mà chết, ngọc bị vùi xuống đất mà hào quang của nó vẫn chiếu tỏa đến tận trời. Thời binh hỏa đời Tần, báu ngọc đều cháy hết, người ta xem linh khí mà biết rằng viên ngọc quý Long Tuy vẫn còn ở nước Nam, mới từ xa tới tìm.

Đến nay An Vương lấy ngọc quý này báo đáp ơn Vỹ. Người thời ấy đem vàng bạc, lụa là đáng giá trăm nghìn quan (8) tới mua, Vỹ do đó mà giàu lớn. Sau tiên nữ Ma Cô tới đón vợ chồng Vỹ đi đâu không biết, có lẽ đã hóa thành tiên. Nay giếng đã lở thành cái huyệt rộng, tức gọi là Việt Tĩnh Cương(9).

Chú thích:

(1) Nay thuộc huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh.

(2) Các bản A.1300 và A.750 chép: Long Quân hóa thành Đông Thiên Vương cưỡi ngựa sắt mà đánh giặc.

(3) Bản A.1200 chép: có người phương Bắc là Thôi Lượng.

(4) Bản A.1200 chép hai câu thơ cuối cùng như sau

Chính khí lẫm nhiên thiên hữu cách

Trung thiên miếu mạo hách nam cương.

Nghĩa là:

Chính khí bừng bừng xông lên mây xanh

Đền miếu giữa trời làm hiển hách cõi Nam.

(5) Dịch nghĩa như sau:

Người xưa kể chuyện vua An thưở trước,

Một năm kia tuần thú tới chốn này.

Núi đẹp, nước trôi thấy trơ một ngôi miếu,

Thần đã đi, di tích để lại như còn phảng phất mùi hương

Qua phen thắng bại, đức nhà An chẳng còn,

Nghìn năm, uy linh ngài vẫn còn trấn cõi Việt.

Trăm họ từ nay một lòng thờ cúng,

Xin thần phù hộ cho phúc nước được lâu dài.

(6) Sách Việt Sử Thông Giám Cương Mục chép: “Năm Tân Mão (210 trước công nguyên, Thục An Dương Vương năm thứ 48, Tần Thủy Hoàng năm thứ 37) Nhâm Hiêu và Triệu Đà nhà Tần đem quân sang xâm lược...”, “... Triệu Đà đóng quân ở núi Tiên Du (Bắc Ninh). Thục Vương đem quân chống cự Triệu Đà. Bảy giờ Nhâm Hiêu đóng chiến thuyền ở Tiểu Giang, mắc bệnh trở về, giao cả quân cho Triệu Đà. Đà dời quân doanh đến núi Vũ Ninh. Thục Vương cắt đất cho Đà từ sông Bình Giang (tức sông Thiên Đức hay sông Đông Ngàn) trở về Bắc để giảng hòa. Hai bên đình chiến, rút về”.

(7) Bản A.750 chép: “Tiêu quan nhân hãy dẫn Thôi công tử trở về dưới thế...”

(8) Bản A.750 chép: “... và năm mươi vạn quan tới mua”

(9) Truyện này mang nặng ảnh hưởng Trung Quốc. Thái độ của nhân dân ta đối với giặc An là rõ ràng. Tất nhiên, giặc An không phải là nhà An ở Trung Quốc. Nhưng do ảnh hưởng của Đạo giáo và văn hóa Trung Quốc mà thái độ đối với giặc An trong truyện này không phản ánh được thái độ của nhân dân ta.

3. TRUYỆN NAM CHIẾU

Người Nam Chiếu là con cháu vua Vũ Đế Triệu Đà. Thời Hán Vũ Đế, thừa tướng nước Nam Việt là Lữ Gia không phục, giết sứ Hán là bọn An Quốc, Thiệu Quý(1). Hán Vũ Đế sai tướng là bọn Lộ Bác Đức, Dương Phác đem quân chinh phạt, bắt Vệ Dương Vương Kiến Đức và Lữ Gia, thôn tính cả nước, phân đất cho các quan cai trị.

Con cháu họ Triệu tản mát bốn phương, sau trở về Thần Phù, Hoành Sơn là những xứ vắng vẻ không có người. Khi bộ hạ đông đúc, họ bèn đóng tàu thuyền thỉnh thoảng ra bể đột nhập vào nội địa cướp người ven bể, giết các quan lệnh của nhà Hán. Dân đều sợ phục, gọi là Nam Triệu, sau gọi sai là Nam Chiếu, cho nên họ mang danh hiệu ấy.

Đến đời Ngô, Tôn Quyền(2) sai Đái Lương, Lữ Đại làm thú mục để đánh dẹp. Quân Nam Chiếu ở cả một vùng từ núi Thiên Cầm tới Hà Hoa, Cao Vọng, Hoành Sơn, Ô Tung (3), Hải Ngạn. Lại Bộ, Trường Sa, Quế Hải, Vọng Cái, Lỗi Lôi núi cao bề rộng, sóng gió hiểm trở, không có một vết chân người. Quân Nam Chiếu ở đấy thường lấy việc cướp bóc để sinh sống, đánh giết thú mục, không thể ngăn cản nổi. Đồ đảng của chúng khá nhiều, hay đem hàng hóa châu ngọc đút lót cho nước Tây Bà Dạ (4) cầu làm thân thuộc, cùng giúp đỡ nhau.

Cuối đời Tấn, thiên hạ rối loạn, có người tù trưởng miền ấy là Triệu Ông Lý cũng là con cháu của Triệu Vũ Đế, anh em đông đúc, thầy đều dũng lược hơn người, ai nấy đều phục, cùng với quân Nam Chiếu hợp lại, được hơn hai vạn người, lại đem châu ngọc tiến dâng nước Tây Bà Dạ, xin chỗ đất không ngay cạnh đó để ở.

Khi ấy, nước Tây Bà Dạ chia đều bãi bể và đồng nội ra thành hai lộ. Một lộ trên từ Quý Châu, dưới tới Diển Châu gọi là lộ Gia Viễn (5) giết trâu ngựa ăn thề rồi giao cho nước Nam Chiếu và Triệt Ông Lý thống lĩnh. Thế là Ông Lý xây thành ở làng Cao Xá, đất Diển Châu, đông tới Giáp Hải, tây tới nước Bà Da, nam tới Hoành Sơn, tự xưng làm chúa.

Nhà Đông Tấn sai tướng quân là Tào Nhĩ đem quân sang đánh, Ông Lý phục quân voi ở chỗ hiểm trở nơi đầu nguồn sông mà đánh, rồi lại tới nắp ở Mê Sơn và Mạt Sơn ngoài bể, địch tụ thì mình tán, địch tán thì mình tụ, sáng ra tối vào, cầm cự trong bốn, năm năm trời. Quân Tấn không chịu nổi khí núi, tử vong quá nửa, bèn rút quân về. Quân Nam Chiếu thường tới cướp các xứ Nam Thành, Đông Thành(6), Trường An, thú lệnh không thể dẹp nổi.

Tới khi nhà Đường thịnh lên, vua Ý Tông sai Cao Biền đem quân sang dẹp, cũng không đánh nổi phải bỏ về.

Đời Ngũ Đại, vua Tấn là Thạch Kính Đường sai quan tư mã họ Lý(7) đem 20 vạn quân đánh vào Đồ Sơn, quân Nam Chiếu bèn rút về ở nhờ tại biên giới Ai Lao, hiệu là Đầu Hoành mô quốc Bồn Man, thường lấy sự cướp bóc làm nghề, lúc đánh lúc nghỉ, chưa hề bao giờ yên chiến sự. Đất đó nay là phủ Trấn Ninh, muốn đời sáp nhập trong bản đồ nước Đại Việt (8).

Chú thích:

Về truyện này, bản A.750 mở đầu như sau: “Nước Nam Chiếu là con cháu họ Triệu. Họ Triệu đã mất, con cháu tản mát tứ phương, sau tụ tập ở những chỗ vắng vẻ rộng rãi vùng Thần Phù, Hoành Sơn. Bộ hạ đông đúc bèn đóng tàu thuyền ra bể đột nhập vào nội địa cướp người ven bể, giết các quan lệnh nhà Hán. Dân sợ hãi gọi là Nam Chiếu cho nên có tên ấy. Sai đến đời Ngô, vua sai Đái Lương, Lữ Đại làm thú mục để đánh dẹp. Quân Nam Chiếu ở cả một vùng Thiên Cẩm, Hà Hoa, Cao Vọng, Hoành Sơn, Ô Tôn, Hải Ngạn, Giáp Bộ, Thường Trì, Đổ Chử, Vọng Cái, Lỗi Thạch... Về sau có hơi thịnh vượng lên bèn lấy hàng hóa châu ngọc đút lót cho nước Tây Bà Dạ cầu làm thân thuộc...”

(1) Bản A.1300 chép: “bọn An quốc tử Lý Thông...”. Bản A.1200 chép: “Bọn An Quốc và Lý Thiệu Quân”.

(2) Bản A.1300 chép: “Đến thời Tam quốc, vua nước Ngô là Tôn Quyền”.

(3) Bản A.1200 chép: “Nam Chiếu ở một vùng Thiên Ư Sơn, Hà Hoa, Cao Vọng, Hoành Sơn, Ô Tôn và Trường Sa, Vọng Các, Lỗi Lôi”.

(4) Bản A.1300 chép: “Dân Nam Chiếu còn ít, bèn lấy hàng hóa châu ngọc đổi cho nước Tây Bà Dạ xin làm thân thuộc để cứu giúp nhau”.

(5) Bản A.1300 chép: “... gọi là lộ Già La, trên từ Cẩm Châu dưới tới Hoan Châu là lộ Lâm An chia cho Nam Chiếu Lý Ông thống lĩnh, vì thế bèn xây thành ở tổng Cao Xá, Diển Châu”.

(6) Bản A.1300 chép: "... An Thành, Đô Thành", bản A.1200 chép: "Nam Việt, Trường An, Đông Thành".

(7) Bản A.1300 chép: "sai quan tư mã là Lý Tiến..."

(8) Bản A.1300 chép: "Quân Nam Chiếu bèn rút lui về biên giới nước Ai Lao, lấy hiệu Đầu Mô quốc, nay là Bồn Thác". Bản A.1200 chép: "... lấy hiệu là Đầu Hoàn hoán Bồn Man quốc... nay là phủ Trấn Ninh".

Nam Chiếu là tên một trong sáu chiếu ở Vân Nam. Chiếu là tên vua của các bộ lạc người Thái. Về sau, Nam Chiếu mạnh lên, thôn tính cả sáu chiếu kia. Nam Chiếu về sau thành nước Đại Lý trong đời Ngũ Đại và đời Tống. Chưa bao giờ nước Nam Chiếu hay nước Đại Lý vượt ra ngoài phạm vi Vân Nam, thậm chí lan đến Nghệ An như truyện ở đây chép. Truyện ở đây rõ ràng là một truyền thuyết, muốn đề cao tinh thần tự chủ của con cháu Triệu Đà, mà có lúc các nhà nho đã coi như người nước ta. Riêng việc giải thích rằng họ "Triệu" mà có cái tên "Chiếu" và Nam Chiếu là con cháu họ Triệu ở phương Nam, cũng tỏ rõ thái độ đó.

4. TRUYỆN TƯỚNG QUÂN HỌ CAO Ở VŨ NINH

Tướng quân họ Cao tên Lỗ, là người huyện Vũ Ninh. Thời An Dương Vương, tướng quân được vượt thần Kim Quy bèn chế ra nỏ Linh Quang thần cơ, cứ đem nỏ ra chĩa vào quân giặc là chúng không dám đến gần. Tướng quân từng nhiều lần đánh lui được giặc lập nên nhiều công lớn, sau bị Lạc hầu gièm pha rồi trừ bỏ.

Khi Cao Biền dẹp quân Nam Chiếu trở về, qua châu Vũ Ninh, tới một chỗ, đêm nằm mộng thấy có một dị nhân mình dài chín thước, diện mạo cương nghị, búi tóc, mặc áo đỏ, tự xưng họ tên mà nói rằng: "Ta ngày trước phò tá An Dương Vương, giết giặc lập đại công, bị Lạc hầu gièm pha mà trừ bỏ. Sau khi ta chết, Thượng đế thương tình vô tội, một lòng trung liệt nên phong cho làm Quản lĩnh Đô thống tướng quân ở một dải sơn hà này. Phàm việc chinh phạt giặc cướp và cày cấy nông trang ta đều đứng chủ trương. Ngày nay, ta theo Ngài dẹp yên nghịch tặc, thiên hạ lại được yên ổn. Ngài trở về bản bộ, nếu không cáo tạ là trái lễ đó!" Biền lấy làm lạ, hỏi vì có gì mà Lạc hầu ghen ghét. Dị nhân đáp: "Việc uẩn khúc, không tiện tiết lộ". Biền nài hỏi mấy lần nữa. Đáp: "An Dương Vương là tinh phương vàng. Lạc hầu là tinh vượn trắng, phương và vượn tương hợp, cùng với rồng tương khắc, vì thế mà ghen ghét". Nói xong cưỡi mây mà đi. Biền tỉnh mộng, bụng còn ghi tên Vũ Ninh, bèn nói cho bộ hạ biết và tự ngâm câu thơ rằng:

Mỹ hỹ Giao Châu địa

Du du thiên tải lai.

Cổ hiền năng đắc kiến

Chung bất phụ linh đài (1).

Lại ngâm rằng:

Bách Việt điện khu vũ,

Nhất hung đình sơn xuyên.

Thần linh năng trợ thuận,

Đường ra cảnh tộ diên (2).

Kẻ theo hầu là Cao Viên chúc mừng Biền rằng:

Nam Việt sơn hà cố,

Đường ra nhân vật tân.

Cao Vương cao ý khí,

Tĩnh động hữu long thần (3).

.....

Nam Việt sơn hà tráng,

Long thần xúc xứ kinh.

Giao nhân hựu thích ngạch,

Kim hựu kiến thăng bình (4).

Cao Biền bèn ra phong mũ tự cho thần- nay là Đại Than Đô Lỗ thạch thần, quanh năm hương lửa không dứt.

Đền Vũ Ninh tức là đền Gia Định, có một hang đá ăn vào sông Đại Than, hang đó do Long Vương đào ra. Nước trong hang xoáy mạnh có thể xoay lật thuyền bè qua lại. Hễ người nào vào lễ đền trước rồi đi qua hang thì được vô sự. Đòi Trần, thần được phong là Quả Nghị cương chính Uy huệ chính thần Đại vương. Đền thường gọi là đền Đô Lỗ, ở xã Đại Than, huyện Gia Định. Còn một đền nữa ở thôn Tráng Liệt, xã Phúc Cầu, huyện Đường An.

Chú thích:

(1) Tạm dịch là:

Đẹp thay cảnh Giao Châu,

Dằng dặc ngàn năm lâu.

Thần xưa rày được gặp,
Quyết chẳng phụ lòng nhau.

(2) Tạm dịch là:

Bách Việt vững phong cương,
Ba quân dẹp chiến trường.
Thần tiên phù chính nghĩa,
Muôn năm vững triều Đường.

(3) Tạm dịch là:

Kiên cố non sông Việt,
Thanh tân nhân vật Đường.
Họ Cao cao chí khí,
Phù trợ có Long Vương.

(4) Tạm dịch là:

Nam Việt non sông đẹp,
Long thần khí phách kinh;
Người Giao dừng cau trán,
Nay lại thấy thanh bình.

5. TRUYỆN THẦN SÔNG BẠCH HẠC

Thần sông Bạch Hạc rất linh hiển. Khoảng các năm Vĩnh Huy đời Đường Cao Tông, Lý Thường Minh làm chức đô hộ đất Phong Châu thấy khoảng đất này kéo dài tới ngàn dặm, có sông núi vây quanh, bèn xây Đại Thánh linh quán ở ven sông Bạch Hạc, đặt tượng tam thanh ở trong quán để phụng thờ. Lại xây hai ngôi am ở phía trước và phía sau quán, muốn tạc tượng thờ nhưng không biết tạc tượng ai, bèn thắp hương mà khẩn rằng: “Vị thổ thần ở đây, nếu như linh ứng thì mau hiện rõ hình trạng để ta theo đó mà tạc tượng đặt ở am trước”.

Canh ba đêm ấy, mộng thấy có hai vị dị nhân, diện mạo hùng vĩ, phong tư nhàn nhã đều mang theo quân hầu, trước hò sau hét đi lại phía. Thường Minh, tranh nhau chiếm am trước. Thường Minh hỏi rằng: “Các ông họ tên là gì? Xin cho ta được rõ để tiện phùng thờ”. Hai người xưng tên họ, một tên là Thạch Khanh, một tên là Thổ Lệnh. Thường Minh xin độ tài nghệ, nếu ai thắng sẽ ở am trước. Thạch Khanh ứng tiếng mà chạy, mới tới bờ sông đã thấy Thổ Lệnh ở cạnh sông từ trước rồi.

Thường Minh theo giấc mộng, căn cứ ở hình dạng mà sai thợ tạc tượng. Thổ Lệnh được ở am trước. Thần uy linh hiển hách, người trong châu đều kính sợ, hương lửa cúng thờ. Thần là vị phúc thần của ba con sông. Phàm cầu đảo, đều rất ứng nghiệm. Đời Trần phong làm Trung Dực Võ liệt phụ quốc hiển uy vương. Thời đó, học sĩ Nguyễn Sĩ Cố hốt giá đi chinh phạt Ai Lao, tới bãi yết rồi đề bài thơ rằng:

Biển long phù ẩn quái yêu gian,

Tiền sự hy kỳ phó tướng quan.

Bạc liệt thư sinh vô vọng xứ,

Kỳ lai tự hạ khát bình an (1)

Lại có học sĩ Vương Tự Thành hốt giá khải hoàn đề bài thơ chúc mừng như sau:

Tỳ hưu thập vạn hách vương linh,

Thế yểm Vân Nam tái ngoại thành,

Giang tả khu khu hà thị khí,

Phong thanh hạc lệ trấn Tần binh (2).

Chùa này ở ngã ba sông Bạch Hạc. Ở sông Bạch Hạc có một đoạn mấy chục trượng có giống cá anh vũ. Về mùa Đông, dân chài thả lưới vớt cá. Trên dưới khúc sông ấy đều không có giống cá này, cá anh vũ cũng giống như loài cá chép, mùi vị thơm ngon rất tiện để làm gỏi, chả, thuộc loại thực phẩm thượng hạng. Người bắt được đều mang tiến vua, có lệnh nghiêm cấm dân không được đem ra mua bán. Giống cá ấy quý trọng như vậy, cho nên có câu hát rằng:

Thương loan ba noãn du anh vũ (3).

Chú thích:

(1) Tạm dịch như sau:

Bảo long và phù ấn giắt ngang mình,

Chuyện xưa để phó mặc tướng quân.

Kẻ thư sinh hèn mọn này đâu màng mong ước lớn,

Chỉ xin lượng cả ban cho sự bình an.

(2) Tạm dịch như sau:

Hùng dũng ngàn quân rộn oai linh,

Ngoài ải Vân Nam thế áp thành.

Cứ bo bo đâu là cái khí thể ở Giang Tả,

Gió đưa tiếng hạc rộn Tần binh.

(3) Tạm dịch: Cá anh vũ nhớn tìm hơi ấm trên làn sóng biển.

6. TRUYỆN THẦN CHÍNH KHÍ LONG ĐỒ

Đời Đường, Cao Biền sang đóng ở nước ta, chiếm phủ, xưng vua, đắp thêm La Thành.

Vừa đắp xong, một buổi sáng sớm, Biền dạo xem phía ngoài cửa đông thành, bỗng nhiên trời nổi mưa to gió lớn, thấy mây ngũ sắc từ dưới đất dâng lên, ánh sáng loé mắt. Một dị nhân mặc quần áo sặc sỡ, trang sức trông kỳ vĩ, cưỡi con rồng đỏ, tay cầm giản vàng, lơ lửng trong mây khói, khí thể ngùn ngụt, bay lên lượn xuống hồi lâu mới tan. Biền kinh ngạc, cho là ma quỷ, muốn thiết đàn để cúng. Đêm ấy, mộng thấy có thần nhân đến nói rằng: “Xin ông đừng có bụng nghi ngờ, ta không phải là yêu khí đâu. Ta chính là Long Đồ vương chính khí thần đó (có chỗ viết là Long Độ) vì muốn xem kỹ thành mới mà hiện ra đó thôi”.

Biền tỉnh dậy. Sáng hôm sau họp quần thần, than rằng: “Ta không khuất phục được người phương xa chăng? Mà đến nỗi để cho loài ngoại quỷ dòm ngó điều không hay của mình ru!”. Có người khuyên lập đàn, và dùng nghìn cân sắt đúc tượng đeo hình dạng thần nhân thể làm bùa yểm. Biền y theo kế đó. Vừa đọc thần chú bỗng trời đất mù mịt ngày đêm, mưa gió giạt ùng ùng, tượng sắt nát vụn ra mà bay lên không. Biền sợ hãi, có ý muốn về phương Bắc.

Người đời lấy làm lạ, bèn lập chùa ở mạn phía đông kinh thành.

Về sau, Lý Thái Tổ dời đô ra đây, xây dựng phủ thành, lại mộng thấy thần nhân tới chúc mừng. Vua nói: “Người có thể chắc sẽ được hưởng lửa trăm năm chăng?” Đáp: “Mong thánh thượng được trường thọ ức vạn năm, thần đâu há chỉ được hưởng trăm năm hưởng lửa”. Vua tỉnh dậy, sai giết súc vật để tế, lại phong làm Thăm Long thành hoàng Đại vương.

Thời ấy, ở cửa đông có mở chợ buôn bán, đền thần kéo liền một dãy phố dài. Phố thường bị hỏa hoạn, gió dữ thổi cháy rất nhiều, duy có đền là vẫn giữ nguyên không bị lửa bén tới. Vua lại gia phong cho hưởng lộc, các buổi lễ nghênh xuân đều cử hành tại đây.

Đời Trần, ba lần hỏa tai mà vẫn không bị cháy. Thái sư Trần Quang Khải có đề bài thơ rằng:

Tích văn hách trạc Đại vương linh,

Kim nhật kim tri quý đảm kinh.

Hỏa tức tam diên thiêu bất cập,

Phong lôi nhất trận triển nan khuynh.

Chỉ huy đàn áp chư tà chúng,

Hô hấp tiêu trừ bách vạn binh.

Nguyện trượng thần uy thôi Bắc lỗ

Đồn linh hoàn vũ yển nhiên thanh. (1)

Đời Trần phong làm Thuận Dự tự úng Đại vương. Chùa ở phường Hà Khẩu, huyện Thọ Xương nay gọi là đền Bạch Mã.

Chú thích:

(1) Tạm dịch:

Hiện hách từng nghe, nước tiếng Đại vương,

Đến nay mới biết quý thần phải sợ.

Lửa cháy ba lần mà thiêu chẳng tới,

Sấm sét ran một trận chuyển không nghiêng.

Ra tay đàn áp các loài ma quỷ,

Hét lớn tan tành trăm vạn binh.

Xin hãy ra uy trừ loài giặc Bắc,

Dựng xây thiên hạ mãi mãi thanh bình.

7. TRUYỆN QUỐC SƯ XÂY ĐỀN SÓC THIÊN VƯƠNG

Thời Lê Đại Hành, Khuông Việt thái sư Ngô Chân Lưu thường lưu lạc tới làng Bình Lỗ (còn gọi là Vệ Linh Sơn), mến thích phong cảnh thanh u đẹp đẽ ở đây, bèn dựng một ngôi am mà ở.

Đêm, vào lúc canh ba, thái sư mộng thấy có vị thần đeo qua vàng, cưỡi ngựa sắt, tay trái cầm cây thương vàng, tay phải cầm bảo kiếm, theo sau tới hơn mười người, diện mạo đáng sợ, tới mà nói rằng: “Ta là Tỳ Sa Môn Đại Vương, kẻ theo sau đều là thần Dạ Thoạ. Thiên đế sai ta tới Bắc quốc để bảo hộ hạ dân ở đó. Ta vốn có duyên với người, cho nên tới báo để người biết”. Thái sư kinh hoàng tỉnh dậy, nghe thấy trong núi có tiếng thét, trong lòng vô cùng sợ hãi, bèn thân vào núi, thấy một cây lớn có mây lành vây ở trên bèn sai thợ tới đốn để tạc tượng thần như hình dạng trông thấy trong mộng, rồi lập đền thờ, hương lửa cúng vái.

Năm Thiên Phúc thứ nhất, quân Tống vào ăn cướp, bên vua ta sai quân tới đền cầu khẩn. Khi ấy, quân Tống đóng ở thôn Tây Kết, hai bên chưa giao chiến, quân Tống trông thấy đã kinh hãi lui về giữ Đại Giang, lại gặp lúc sóng nổi cuộn cuộn, giao long nổi lên mặt nước, quân giặc tan vỡ.

Vua cảm sự anh linh của thần, bèn xây thêm miếu vô, phong làm Sóc Thiên Vương để trấn phương bắc.

Đền ở xã Vệ Linh, huyện Kim Hoa, thường xuyên phụng thờ không bao giờ ngắt. Có người cho rằng Đổng Thiên Vương sau khi dẹp được giặc, cưỡi ngựa sắt tới cây đa núi Vệ Linh thì lên trời, chỉ để lại một cái áo. Tới nay người đời gọi cây này là “cây thay áo”. Phàm khi thờ cúng, chỉ dùng những đồ chay tịnh. Tới triều Lý, để tiện thờ cúng, mới xây đền vũ ở phía đông Tây Hồ để trấn phương Bắc, lại tôn làm phúc thần, nay là phường Nhật Quả, Tây Hồ vậy.

8. TRUYỆN ĐỀN THỜ HOÀNG THÁNH ĐẠI VƯƠNG

Hoàng thánh Đại vương chính là Phạm Cự Lượng ở triều vua Lê Đại Hành, Cự Lượng người Nam Sách, ông nội Lượng là Chiêm làm chức Đồng giáp tướng quân nhà Ngô, bố Lượng là Mạn, làm chức Tham chính đời Ngô Nam Tấn vương, anh Lượng là Đinh làm chức Vệ úy tướng quân đời Đinh.

Khi vua Đinh còn thơ ấu, quân Tống sang xâm lược, Đại Hành nắm mọi quyền bính. Đinh Thái hậu truyền lựa chọn dũng sĩ để chống giặc Tống. Đại Hành cử Lượng làm đại tướng quân. Đương khi đặt kế xuất quân, Cự Lượng cầm đầu tướng sĩ, tôn Đại Hành làm Hoàng đế. Lượng làm quan đến chức Thái úy. Năm Thông Thụy đời Lý Thái Tông, vua thấy trong đô hộ phủ có nhiều nghi án, án quan không giải quyết nổi, có ý muốn lập đền thờ thần chuyên xét xử các án kiện, tỏ ra sự linh hiển để thấy hết mọi kẻ gian trá, bèn tắm rửa, thấp hương cầu khẩn Thượng đế.

Đêm đó, mộng thấy có vị sứ giả mặc áo đỏ, vàng mệnh Thượng đế tới phong Cự Lượng làm minh chủ của các án quan ở đô hộ phủ. Vua hỏi sứ giả rằng: “Người ấy là ai, giữ chức gì của ta?” Đáp: “Chính là chức thái úy của vua Lê Đại Hành”.

Vua tỉnh mộng, bèn hỏi quần thần. Khi biết rõ chuyện, bèn phong Lượng làm Hoàng Thái Thánh Đại vương, sai quan lập đền ở phía Tây cửa nam thành để phụng thờ lại đổi là Hồng Thái Thánh, đời đời tôn làm ngục thần (1).

Chú thích:

(1) Viên thần chuyên việc xét xử các án kiện.

9. TRUYỆN VỊ THẦN Ở XỨ ĐĂNG CHÂU

Thần vốn là thổ thần ở ngôi miếu cổ đất Đăng Châu. Lý Thái Tổ khi còn làm quan quân lĩnh thân binh, có thực ấp ở Đăng Châu.

Một lần vua dạo chơi, tới làng này, thuyền đang đi ở giữa sông, bỗng gặp mưa to gió lớn, phải dừng lại. Vua hỏi đền ở bờ sông là đền gì, có linh ứng không? Có kẻ đáp rằng: “Đó là đền thần thổ địa đất Đăng Châu, người trong châu cầu mưa đảo tạnh đều rất là linh ứng”. Vua nói lớn rằng: “Nếu như có trận mưa lớn mà nửa sông bên này vẫn tạnh thì mới thực là anh linh”. Phút chốc, quả nhiên một nửa sông mưa, một nửa sông tạnh. Vua kính dị, bèn sai tu sửa đền vũ, hương lửa cúng thờ. Người trong thôn có bài thơ rằng:

Mỹ hỹ Đại vương uy vọng trọng,

Đăng Châu thổ địa hiển thần linh,

Khước giao bạo vũ vô xâm phạm,

Ná nhất bàng đà giá nhất tinh (1).

Vua nghe thấy, có bụng tự phụ. Cho tới khi Lê Ngọa Triều băng hà, vua muốn mưu đại sự bèn tới đền mặt cáo, chờ điềm linh ứng.

Đêm ấy mộng thấy có dị nhân đến báo rằng “Có lòng muốn thì sẽ thành công, các phương đều thuận phục, vạn quốc hưởng thanh bình, ba năm dân an cư lạc nghiệp, bảy miếu chúa được an ninh”. Vua tỉnh mộng, chưa hiểu ý tứ thế nào, có người đoán mộng cho là triệu tốt. Vua bèn thăng Đăng Châu là Thái Bình phủ, phong Thần làm Khai thiên thành hoàng Đại vương.

Năm Trùng hưng thứ nhất đời Trần, gia phong cho mỹ tự là Khai thiên trấn quốc. Đền thần ở phía trong đê, thường bị nước lũ tràn ngập. Người ở làng ven sông thường trông thấy có xe, dù, tán đi hầu một người có vẻ như đi hộ đê, cho nên đê tuy thấp mà nước không thể gây tai họa được. Trải qua năm tháng, nước sông dâng cao áp tới đền thờ.

Năm Bính Tuất niên hiệu Thống Nguyên, dân làng định lập đền ở trên mặt đê. Khi mọi người tới nơi đã thấy chính tấm dựng sắp xong, quan huyện và dân làng đều ngủ ở trên gò cỏ, nghe thấy có người tới mang theo những đồ đồ đào đất, lại nghe có tiếng gọi nhau như kiêu trong thôn đi làm. Sáng ra, thấy những cột và đá tảng đã chuyển dịch

sang phía tả, cách đê ba thước, thật là muôn phần linh ứng. Về sau đến ngày rước thần, tri phủ Khoái Châu là Hoàng Nam Kim có đề lên miếu bài thơ rằng:

Phan thổ châu khư lịch hách hách,

Khai thiên huyền tạo ngưỡng nguy nguy.

Đường thành dục thức chân linh tích,

Nhất dạ thần công diệu chuyển di (2).

Miếu ở xã Đằng Châu, huyện Kim Đông, nay gọi là miếu Vua Mây.

Chú thích:

(1) Tạm dịch:

Đẹp thay! Uy danh của Đại Vương rất lớn,

Tỏ rõ linh thiêng ở đất Đằng Châu.

Không cho mưa lớn tới xâm phạm,

Nửa sông bên kia mưa mà nửa sông bên này vẫn tạnh.

(2) Tạm dịch:

Mấy tác gò đống ven sông mà uy linh hiển hách, khai thiên phép huyền diệu cao vòi vọi. Muốn biết linh tích ở đê cũ, hãy xem cái tài chuyển dịch kỳ diệu của thần trong một đêm.

10. TRUYỆN BÀ PHU NHÂN TRỊNH LIỆT MỸ Ê

Bà Mỹ Ê là vợ Lạ Đầu, chúa nước Chiêm Thành. Lý Thái Tông đánh được Chiêm Thành, chém Lạ Đầu, bắt Mỹ Ê mang về. Đến sông Lý Nhân, vua sai quan trung sứ triệu bà sang hầu. Bà căm giận khôn xiết, lấy chiên trắng quán quan mình rồi nhảy xuống sông Hoàng Giang mà chết. Những buổi sáng sớm sương mù và đêm trăng thường nghe thấy có tiếng than ai oán ở khúc sông đó. Người nước ta bèn lập đền thờ cúng.

Về sau, vua ta đi qua hạt Lý Nhân, ngồi ngự ở thuyền rồng nhìn sang bên sông thấy có đền thờ, bèn quay lại hỏi tả hữu, tả hữu bèn đem chuyện bà tâu rõ lại. Vua thương tình nói rằng: “Nếu quả thực là linh thiêng tất nàng sẽ báo cho Trẫm biết”. Đêm đó vào hồi canh ba, bà bèn ứng mộng cho vua. Bà mình mặc y phục Chiêm Thành, vừa vái vừa khóc mà tâu rằng: “Thiếp giữ đạo nữ nhi, một lòng một dạ với chồng. Lạ Đầu tuy không thể cùng bề hạ tranh sáng, nhưng cũng là người hiển hách ở một phương, thiếp thường

vẫn chịu ơn nghĩa của chàng. Ngày nay Lạc Đẩu lỗi đạo, Thượng đế giáng chích, mượn tay bệ hạ để trị tội cho nên nước mất thân tan. Thiếp hàng ngày vẫn muốn báo ơn chàng nhưng chưa có dịp. Thiếp may mắn một ngày được gặp bệ hạ sai quan trung sứ tiến thiếp xuống dòng nước này, nhờ đó mà giữ được tiết trong giá sạch, ơn đó kể sao cho xiết. Thiếp nào có pháp thuật gì để dám tự xưng là linh thiêng, nào có lời nói gì có thể xứng tai bệ hạ”. Nói xong bỗng biến mất không thấy đâu nữa. Vua kinh hãi tỉnh mộng, phong bà là Hiệp chính nương phu nhân.

Đời Trần Trùng hưng lại gia phong cho bà là Tá lý phu nhân, thêm hai chữ trình liệt để biểu dương cái tiết đoan trinh của bà vậy.

11. TRUYỆN ỨNG THIÊN HÓA DỤC HẬU THẦN

Thần vốn là vị thổ thần ở nước Nam ta. Năm Thần Vũ thứ nhất đời Thánh Tông. Vua đi chinh phạt nước Chiêm Thành, tới cửa bể Hoàn Hải, bỗng nhiên trời nổi mưa to gió lớn, sóng dâng cuộn cuộn, xa nhìn như núi, ngựa thuyền và chiến thuyền đều không thể qua bến được, bên phải cắm thuyền ở bờ biển.

Đêm ấy, mộng thấy có người con gái mặc áo trắng, quần đỏ, trang điểm sơ sài, phong tư yểu điệu bước lên thuyền ngựa mà nói rằng: “Thiếp là tinh đất nước này, hồn đậu ở trên cây đã lâu. Nay gặp lúc minh quân xuất chinh, nguyện xin cùng đi theo để lập chiến công”. Dứt lời không thấy đâu nữa. Vua bèn tỉnh dậy triệu tập tả hữu và các bậc kỳ túc kể lại chuyện.

Có vị tăng thống là Huệ Sinh tâu rằng: “Thần đã nói là đậu nhờ ở trên cây, vậy nên cầu khẩn tắt được yên”. Bèn sai thân nhân tìm khắp các núi trên bờ, ngẫu nhiên thấy một cái cây ngọn như hình người, giống hệt vị thần trong mộng, bèn đặt trên thuyền ngựa, thắp hương cầu đảo, đặt hiệu là Hậu thổ phu nhân. Trong khoảnh khắc, gió yên sóng lặng, hành quân vượt biển thuận lợi, không lo ngại vì sóng gió nữa. Vua bèn lập đền thờ, phút chốc sóng gió lại nổi cuộn cuộn như trước, Huệ Sinh tâu rằng: “Ý thần không muốn ở lại bên bờ”.

Bèn về Kinh xin âm dương để cầu cho sóng bể được yên. Kịp khi về tới Kinh, xây đền thờ ở làng An Lăng...

Tới đời Trần Anh Tông, gặp hạn hán, vua sai lập đàn để cầu đảo. Thần bèn thác mộng cho vua, nói: “Đền này có vua Câu Mang, có phép làm mưa”. Vua tỉnh dậy, sai quan dâng lễ, quả nhiên được buổi mưa to gió lớn. Vua bèn sách phong cho thần làm Hậu thổ đại phu nhân, đời đời gia phong vì nghĩ thần có công với dân.

Triều Trần lại phong là Ứng thiên Hậu thổ thần kỳ nguyên quân. Phàm tiết lập xuân đều mang thổ ngưu (1) nộp ở dưới đền, tới nay đã thành tục lệ.

Chú thích:

(1) Tức xuân ngưu, lấy đất nặn thành hình con trâu để tế thần vào mùa xuân.

12. TRUYỆN VỊ THẦN NÚI HỒNG LĨNH

Núi Hồng Lĩnh ở đạo Nghệ An. Xưa ở huyện La Sơn có bốn người đốn củi trong núi thấy một cái hồ, trong hồ có một mỹ nhân rất đẹp đang tắm trên một tảng đá bằng phẳng. Mỹ nhân trông thấy bốn người thì nhảy xuống hồ.

Bỗng có một con ba ba lớn nổi ở trên mặt nước, bốn người kinh hãi bèn hái những quả quý trên hồ mà đi. Đi suốt ngày không tiến được bước nào, bỗng thấy một dị nhân đến nói rằng: “Vứt những quả quý đi thì mới có thể ra khỏi chốn này, nếu về được tới nhà thì chớ có tiết lộ chuyện trong núi cho ai hết”. Về sau có người tiết lộ chuyện, hộc máu mà chết.

Đến đời Thánh Tông hoàng đế triều ta(1), vua tới núi này, cắm biển ở trên núi. Núi có chín mươi ngọn. Tĩnh không thấy hồ, chỉ nghe như có tiếng sóng vỗ. Trời lập tức đổ mưa. Thấy thần rất là linh ứng, nhà vua ban phong cho điển lễ, đến nay người đời vẫn còn kể lại chuyện xưa. Nơi đó là núi Hồng Lĩnh thuộc huyện Nghi Xuân và Can Lộc (Hà Tĩnh).

Chú thích:

(1) Chưa rõ vua Thánh Tông đời Lý, vua Thánh Tông đời Trần hay vua Thánh Tông đời Lê. Có lẽ là đời Lê.

13. TRUYỆN THẦN NÚI VỌNG PHU

Núi Vọng Phu thuộc huyện Vũ Xương, ở cửa bể của đạo Thuận Hóa.

Người đời tương truyền rằng: ngày xưa có hai anh em một trai một gái làm nghề đốn củi ở trong rừng. Người anh chặt gỗ, lỡ tay trúng phải đầu em. Người em đau quá ngã lăn xuống đất. Người anh tưởng em chết, sợ hãi mà bỏ trốn đi xa.

Người em được một cụ già đem về nuôi, đến khi trưởng thành, nhan sắc tuyệt đẹp, khác hẳn ngày xưa. Khi cụ già chết, người em gái mới đi lấy chồng, lại lấy đúng người anh ruột. Người anh không biết vợ là em gái.

Anh ta thấy trên đầu vợ có một vết sẹo, nhân hỏi duyên do. Người vợ nói: “Lúc còn nhỏ thiếp theo anh trai vào rừng đốn gỗ, anh thiếp lỡ tay chém trúng vào giữa trán thiếp rồi bỏ trốn mất, không biết sống chết nơi nào”.

Người anh nhận ra em gái mình nhưng đã trót kết làm vợ chồng, cho nên ngại mà không dám nói rõ, lấy cớ đi buôn, bỏ ra đi mà không về nữa. Người em không biết chồng là anh mình, ngày ngày trông đợi, chết mà biến thành hòn đá.

Người đời bèn gọi hòn đá ấy là đá Vọng Phu, lại thấy linh thiêng bèn lập đền thờ phụng.

14. TRUYỆN DẤU TRÂU VÀNG Ở HUYỆN TIÊN DU

Ngày xưa, đời thượng cổ, có người Vương Chất đi đốn củi ở trong núi gặp hai tiên đồng đang đánh cờ. Hai tiên đồng cho Chất một hạt táo. Chất ăn khỏi đói rồi gác rìu mà ngồi xem đánh cờ. Tiên đồng bảo Chất: “Cán rìu của người nát rồi”. Chất cúi xuống, lúc ngẩng lên thì không thấy tiên đồng đâu. Kịp đến khi trở về nhà thì không còn gặp lại những người thân cũ ở trần gian nữa.

Do tích đó, người đời bèn gọi quả núi này là núi Lạn Kha (núi rìu nát) còn gọi là núi Tiên Du (núi chơi tiên) rồi nhân lấy tên ấy để đặt tên huyện. Ở huyện Tiên Du nay vẫn còn vết cũ.

Núi Tiên Du có tinh Trâu Vàng (Kim Ngưu) nửa đêm thường tỏa ra ánh sáng. Có nhà sư lấy tích tượng yểm lên trán trâu, trâu vàng bỏ chạy húc vào đất làm sụt thành cái hồ. Nơi này sau gọi là thôn Húc.

Trâu chạy đến địa phận Văn Giang, vì vậy ở đây có cái vũng lớn gọi tên là Vũng Trâu đầm. Trâu chạy qua các xã Như Phụng, Như Loan, Đại Lạn, Đa Ngưu. Các xã này sở dĩ tên như vậy là vì có vết chân trâu đi tới.

Trâu lại từ trong bến ra sông Cái, đến Ninh Giang, đi men phủ Lý Nhân, theo ven sông Cái tới sông Tô Lịch, chỗ ấy chính là Tây Hồ.

Người đời truyền tụng rằng Cao Biền giỏi thuật số, thông địa lý, thường cưỡi điều giấy bay trên không trung để yểm các nơi thắng cảnh. Biền thấy trâu đi vào hồ Dâm Đàm (nay là Tây Hồ) rồi thoát không thấy trâu đâu nữa. Trên đường trâu chạy, khắp nơi biến thành khe, ngòi, rãnh, lạch. Người xưa đã có thơ rằng:

Kim Ngưu do ẩn tại hồ trung,

Thuỷ hạt nan tầm bất kiến tung.

Đại Việt Nam an tồn thánh chủ,

Cao Biền hạ bút hận vô cùng(1).

Chú thích:

(1) Tạm dịch ý như sau:

Trâu Vàng còn ẩn mãi giữa hồ,

Nước cạn muốn tìm chẳng thấy tung tích.

Nước Việt bình yên là nhờ thánh chúa,

Cao Biền hạ bút hận còn sâu.

15. TRUYỆN VỊ THẦN LÀNG BỐ BÁI

Thần làng Bố Bái là tinh của Viêm Long. Xưa ở làng Hạng Kiều thuộc lộ Hạ Hồng có hai anh em nhà họ Đặng, một tên là Thiện Minh, một tên là Thiện Xạ, xuống biển đánh cá gặp một vật lạ giống như hình cây gỗ, dài hơn 3 thước, sắc như trứng quạ, đập dềnh trôi theo ngọn sóng. Hai anh em nhặt lấy đem về. Đến đêm bỗng nghe thấy trong vật ấy có tiếng động. Hai anh em kinh hãi vội đem vớt ra giữa dòng nước, rồi sang thuyền khác ngủ nhờ.

Đêm ấy, hai anh em mộng thấy có một người đến nói rằng: “Ta là vợ Đông Hải Long Vương, trót lỡ đi lại với Viêm Long Vương do đó sinh ra đứa con ấy, ta sợ Đông Hải Long Vương biết nên đem gửi các người. Các người hãy giữ lấy và bảo hộ cho cẩn thận, không được để ai xúc phạm tới. Sau này nó trưởng thành tất có thể ban phúc cho các người”. Hai anh em kinh hãi tỉnh dậy thấy cây gỗ trước lại trôi theo thuyền, bèn đem theo về. Tới nhà, hai anh em nghĩ đậu ở đất Bố Bái. Cây gỗ bỗng nhảy từ trong thuyền lên mặt đất. Hai anh em bèn lập đền, lấy cây gỗ tạc tượng để thờ, gọi là Long Quân.

Đời Trần, vua sai thị thần lặn xuống bể mò hạt châu. Thị thần không mò được gì cả, chỉ có con cháu họ Đặng mò được rất nhiều. Thị thần hỏi duyên do, họ Đặng bèn đem hết chuyện xưa nói rõ. Thị thần tâu lên vua. Vua sai dùng nghê lễ, âm nhạc đi rước tượng, từ đó mò được rất nhiều châu ngọc. Vua giáng chiếu thưởng cho danh hiệu Thần châu Long Quân tặng phong là Lợi tế linh thông huệ tín Long Quân. Đền thờ đặt ở xã bố Bái, huyện Quỳnh Côi. Phía đông đền có bãi tha ma, đó chính là nơi khắc tượng ngày xưa. Trải qua các triều vua, thần đều được gia phong mỹ tự. Tới nay đền đó vẫn rất là linh ứng.

16. TRUYỆN VỊ THẦN Ở CHĂM LÂN ĐÀM

Thần Lân Đàm chính là thần rồng vậy. Xưa thần thường hóa thành người để tìm thầy học đạo (1). Thầy học lấy làm lạ bèn tìm chỗ ở của thần, thấy thần nấu ở trong chảo. Thầy học thường tra hỏi, thần bèn nói thực rằng: “Năm nay trên thiên đình ngừng việc làm mưa”. Thầy học cố nài thần làm ra mưa. Thần bắt đắc dĩ phải nghe lời.

Sau trong chảo có biến động, thầy trò tới chảo thấy thần hút nước trong nghiên phun thành mưa mực để trừ hạn hán. Thượng đế cho là việc đã tiết lộ bèn bắt tội thần. Thầy thần nổi ở trên chảo, thầy học thu về an táng, nhân đặt tên chảo là Long Đàm, sau đổi thành Lân Đàm.

Thần rất là uy linh, hiển ứng. Đền thờ thần đặt ở xã Lân Đàm, huyện Thanh Đàm. Đời đời thần được phong làm trung đẳng thần.

Chú thích:

(1) Có chỗ lại nêu rõ thầy học đây là Chu Văn An, bậc đại nho đời Trần

17. TRUYỆN VUỐT RỒNG ĐUỔI GIẶC

Theo sách Sử Ký thì Triệu Việt Vương họ Triệu, huý là Quang Phục, người huyện Chu Diên, thời Tiền Lý Nam Đế làm chức Tả tướng quân.

Khi vua Lương vào ăn cướp, Tiền Lý Nam Đế lánh vào động Khuất Liêu sai vương giữ nước. Vì sức yếu không chống nổi vương phải lui về giữ đầm Nhất Dạ rồi cầu đảo trời đất và các vị thần linh ở đầm.

Bỗng thấy một vị thần nhân cưỡi rồng mà xuống, tháo vuốt rồng trao cho vương bảo gắn vào mũ đầu mâu. Vương tiến đánh, quân Lương tan vỡ thua chạy, giết tướng Lương là Dương Sần. Quân Lương trở về phương Bắc. Tiền Lý Nam Đế mất, Vương vào ở trong thành Long Biên, ra chiếu xây hai thành Loa Lặc, Vũ Ninh, tự xưng là Nam Việt Vương.

Không bao lâu, tướng cùng họ với Nam Đế là Phật Tử từ động Dã Năng kéo quân tới. Triệu Vương nghĩ Phật Tử là họ hàng Nam Đế, không nỡ diệt, bèn cắt đất chia miền Cát Châu để ở, nay là hai xã Thượng Cát, Hạ Cát huyện Từ Liêm vậy. Lại xây thành ở phía tây thành Ô Diên, nay là miền Hạ Mỗ, huyện Từ Liêm. Sau con Phật Tử là Nhã Lang cầu hôn với Triệu, Triệu Vương đem con gái là Cảo Nương gả cho. Nhã Lang bảo vợ: “Xưa nhà ta và Triệu Vương coi nhau là thù địch, ngày nay thông gia với nhau thật là hay lắm. Song không hiểu nhạc phụ ta thường dùng thuật gì mà đánh đuổi được quân giặc”. Cảo Nương không rõ thâm ý, động mối chân tình, mật đem vuốt rồng và mũ đầu mâu cho xem. Nhã Lang ngầm đổi lấy rồi bảo Cảo Nương rằng: “Nay ta dứt tình trở về, vạn nhất có điều chẳng lành, vương phụ không may phải qua xứ này, nàng nên lấy áo lông ngỗng làm dấu vết để tìm giúp đỡ nhau”.

Nhã Lang tức tốc về, đưa cho Phật Tử. Phật Tử đốc chỉ các quân đánh Triệu Vương. Triệu Vương không hay biết gì, đốc quân đội mũ đầu mâu ra đánh. Quân Lý tiến sát, Vương biết sức không chống nổi bèn dắt con gái chạy về phương Nam. Quân giặc đuổi sát tới nơi, Triệu Vương hô lớn: “Hoàng Long thần vương mau lại cứu!” Bỗng thấy Long Vương chỉ tay mà nói: “Kẻ rắc lông ngỗng chính là giặc đó!” Triệu Vương bèn rút kiếm chém con gái. Ngựa chạy đến cửa biển Đại Nha bị nước chấn lồi, than rằng: “Ta hết đường rồi!” Long Vương bèn rẽ nước mở đường dẫn Vương đi vào.

Phật Tử đuổi tới nơi thấy biệt tích không biết đi đâu mất, bèn quay về. Triệu Vương làm vua 23 năm.

Sau người đời thấy linh ứng, lập đền thờ ở cửa bể Đại Nha, bốn mùa cúng tế. Phật Tử đã diệt họ Triệu, bèn dời hai thành Loa Lặc, Vũ Ninh, đóng đô ở Phong Châu, đó là Hậu Lý Nam Đế. Lại phong người con của anh là Đại Biền làm Thái Bình hầu giữ thành Long Biên, phong đại tướng Lý Tấn Đĩnh làm An Ninh hầu giữ thành Ô Diên. Hậu Lý Nam Đế làm vua 23 năm (1) sau bị phụ tướng là Lưu Đức diệt, dân lập đền thờ ở cửa biển Tiểu Nha(2).

Chú thích:

(1) Có bản chép là 22 năm

(2) Dịch theo bản A.1300. Chú ý: có sự trùng hợp giữa tình tiết và mô típ của truyện này với truyện Rùa Vàng.

18. TRUYỆN PHÙNG BỐ CÁI ĐẠI VƯƠNG

Đại vương họ Phùng tên Hưng (1) người đất Đường Lâm thuộc Giao Châu, làm tù trưởng Biên Man, hiệu là Lang, rất giàu có, lại dũng lược, có thể vật trâu đấm hổ. Em tên là Hải, sức rất khỏe, có thể vác ngàn cân, chục học, thuyền nhỏ đi ngoài mười dặm (2). Người Man, Liêu (3) nghe tên đều sợ hãi.

Các năm Đại Lịch đời Đường Đại Tông nhân việc Giao Chỉ có binh loạn, hai anh em bèn thống lĩnh các ấp lân cận, Hưng đổi tên là Cự Lão, Hải đổi tên Cự Lực, lấy hiệu là Đô Quân, Đô Bảo. Các tù trưởng đất Đường Lâm và Phong Châu thấy đều quy phục, do đó uy danh lừng lẫy. Viên đô hộ Đường Lâm hồi ấy là Cao Chính Bình mộ binh tiến đánh song không nổi, lo lắng thành bệnh (4) mà chết.

Hưng bèn vào ở trong đô phủ, nắm chính sự và giải quyết công việc trong 17 năm (5). Khi chết, mọi người định lập Hải lên thay. Có viên tả sứ đầu mục (6) là Bồ Phá Lạc rất khỏe mạnh có thể nhổ núi, không chịu nghe theo. Mọi người bèn lập con Hưng là An làm đô hộ quân để yên lòng dân Man. Hải lánh Bồ Phá Lạc về ở Nham Động, sau không biết đi đâu mất.

An tôn bố làm Bố Cái Đại Vương. Tiếng địa phương gọi cha là bố, gọi mẹ là cái cho nên có tên ấy. An nối ngôi được 3 năm thì Đức Tông sai Triệu Xương làm An Nam đô hộ. Xương vào, sai sứ dụ An. An và người Man đầu hàng. Các người họ Phùng đều bỏ đi hết.

Sau Hưng rất linh hiển, mọi người cho là thần, bèn lập miếu ở phía tây phủ đô hộ, hàng năm cúng bái. Phàm những nghi án và truyện trộm cắp bắt đến thề ở đền đều linh ứng ngay. Ngày nay hương lửa vẫn còn chưa dứt (7).

Chú thích:

(1) Có bản chép là Quốc Khang

(2) Có bản chép là đi ngoài ngàn dặm

(3) Có bản chép là người Mán, Mèo.

(4) Có bản chép là mắc bệnh hậu bối.

(5) Có bản chép là 7 năm

(6) Có bản chép là tù đi đầu mục.

(7) Dịch theo bản A.1300

19. TRUYỆN ĐÌNH TIÊN HOÀNG

Xưa Đình Tiên Hoàng là người động Hoa Lư, lộ Thanh Hóa. Người đời truyền rằng trong động có cái đầm sâu, mẹ ông người họ Thích, nguyên là tỳ thiếp của thứ sử Đình Công Trứ, thường đến tắm rửa ở trong đầm. Gặp một con rái cá hiếp phải ăn nằm với nó, về nhà có thai. Đầy năm sinh ra một con trai. Đình Công Trứ không biết, rất mực yêu dấu. Riêng bà mẹ biết đó là con của loài rái cá. Không bao lâu Đình Công Trứ mất, rái cá bị người trong động bắt giết ăn thịt rồi vứt xương đi. Người mẹ nghe tin chờ cho mọi người tản đi hết, bèn nhặt xương đem về gói lại gác lên bếp. Thường dặn con rằng: “Xương bố mày ở đây”. Kịp tới khi đã khá lớn, chàng trai rất giỏi lặn nước.

Khi ấy có người khách phương Bắc đi tìm đất, theo long mạch mà tới đây, ban đêm xem thiên văn thấy có luồng ánh sáng đỏ từ trong đầm bốc lên, trông như một sợi dây lớn xông thẳng lên sao Thiên mã, biết rằng ở trong đầm tất có vật thần. Sáng hôm sau lụng tìm một người giỏi lặn để sai mò tìm. Nguyên trong đầm có một chỗ rất thiêng không ai dám tới gần. Người khách phương Bắc đem hậu thưởng để treo giải. Chàng trai nghe tin, xin lặn tới chỗ ấy, lấy tay sờ thấy một vật giống hình con ngựa đứng ở dưới đáy nước. Vội vàng về báo. Chàng trai lấy một nắm cỏ lộn xuống đặt phía trước ngựa. Ngựa há miệng đớp lấy. Liền quay về báo. Khách nói: Có huyết. Rồi lấy bạc ra thưởng mà bảo: sau này sẽ xin hậu tặng, nay hãy tạm quay về phương Bắc. Nói rồi chia tay.

Vốn thông minh, nghe lời khách nói chàng biết chắc là có huyết ở trong mồm ngựa, vội về nhà lấy gói xương ở gác bếp, dùng cỏ bọc bên ngoài rồi lặn xuống nước đem đút vào miệng ngựa. Ngựa bèn nuốt. Về sau dùng trẻ mục đồng làm lính, lấy hoa lau làm cờ. Kẻ nào không phục thì đánh, phần lớn đều nghe theo, tôn làm minh chủ. Về nhà, chàng giết lợn khao quân, người chú tức giận đánh mà đuổi đi. Khi chạy qua cái cầu trên đầm, cầu gãy rơi xuống. Người chú đuổi theo, bỗng trông thấy có hai con rồng vàng đỡ lấy chàng. Người chú sợ hãi quay về. Từ đấy, người về quy phục càng ngày càng đông.

Mấy năm sau người khách trở lại mang hài cốt tổ tiên định đến táng, nghe chàng đã làm hùng trưởng, bộ hạ đông tới trên ngàn người, biết là huyết đã nghiệm mất rồi, rất là đau tiếc, bèn tới mà nói rằng: “Nay huyết ấy đã thuộc về Ngài. Huyết rất quý nhưng ngựa mà không có kiếm thì vẫn chưa đủ, nay có một thanh kiếm đặt ở đầu ngựa thì có thể tung hoành khắp bốn cõi”. Chàng tin, bèn theo lời lấy kiếm đặt vào đầu ngựa mà quay về. Về sau đánh đâu được đấy, lấy hiệu là Bách Thắng Vương. Cuối cùng dẹp được mười hai sứ quân, thống nhất được thiên hạ, đóng đô ở thành Hoa Lư, hiệu là Cù Thành, đặt niên hiệu là Thái Bình, làm vua 12 năm. Sau bị nội nhân là Đỗ Thích giết, thọ 45 tuổi (1).

Chú thích:

(1) Dịch theo bản A.1752.

20. TRUYỆN THẦN NÚI ĐỒNG CỔ

Thần núi Đổng Cổ vốn là linh thần thượng đẳng ở nước ta. Núi ở xã Trì Nê thượng, huyện Yên Định (1). Khi Lý Thái Tông còn là thái tử đi đánh Chiêm Thành tới Trường Châu, đêm quá canh ba mộng thấy một dị nhân mặc giáp phục, tự xưng là thần nghe vua Nam chinh xinh theo quân vua lập chiến công. Vua nhớ rõ những lời nói chuyện trong mộng.

Kíp khi thắng trận trở về lập đền tôn thờ, tới Kinh sư lại bói đất lập đền. Thần thác mộng xin ở mé hữu trong thành, gần chùa thánh chủ. Khi Thái Tổ băng hà, ba Vương làm phản. Trước hôm đó, thần lại thác mộng cho Thái Tông bảo phải đề phòng. Mộng quả nghiệm. Vua bèn ra chiếu phong vương tước, dựng miếu thờ, lập làm thiên hạ minh chủ.

Thời Trần được phong làm Minh linh Cảm ứng Bảo hộ Đại vương (đền ở mé trái Kinh, gần chùa Từ An).

Chú thích:

(1) Dịch theo bản A.1752

21. TRUYỆN MỤC THẬN

Theo Sử Ký và truyền thuyết thì ông họ Mục tên Thận, người Cương Thủy, Quảng Đức. Bố mẹ sống về nghề chài lưới. Ông tướng mạo khôi ngô, thiên tính tháo vát, vốn thích cái học bùa chú của Đạo gia, năm 18 tuổi tìm thầy học pháp thuật. Trước ở núi Thanh Tĩnh, sau tới núi An Hoạch, ngao du các núi non ở Nghệ An, các thần phù bảo ấn đều tinh thông cả, mọi bí quyết đều ngầm thuộc, sau dựng mấy gian nhà lá ở bản ấp để ở, ra công tinh luyện, rộng cứu người đời. Do giỏi bùa chú mà nổi danh, song nghề chài lưới vẫn không sao nhãng.

Dưới triều Lý Nhân Tông, thái sư Lê Văn Thịnh có kẻ nô tỳ người Man ở đất Đại Lý giỏi thuật bùa chú, có thể tạo ra sương mù và biến thân thành hổ báo. Văn Thịnh dụ nó dạy mà học được phép ấy. Bèn âm mưu hại chúa, nuôi lòng phản nghịch. Một hôm vua thăm chơi Dâm Đàm (nay là Hồ Tây) cưỡi thuyền nhỏ tìm cá, thốt nhiên sương mù đầy mặt nước, bốn bề mù mịt. Nghe có tiếng thuyền võ chèo xuống nước oàm oạp. Vua lấy gươm ném, phút chốc sương mù tan. Thấy trên thuyền có một con hổ lớn, nhảy chồm chồm mà rống. Mọi người đều sợ xanh mắt. Tình thế nguy ngập, vua sai viên xá nhân truyền cho các thuyền chài lại cứu.

Mục Thận nghe tin, vung tay áo mà bói. Vội chèo thuyền đến tung lưới đọc câu thần chú rằng: “Thiên la địa võng, mặt bố tứ chi, thần quang thần quang, chiếu triệt vạn chi” (lưới trời lưới đất, lạng bủa bốn bề, thần quang thần quang, chiếu rõ chân tướng) đọc xong bủa lưới lên mình hổ. Lưới biến thành lưới sắt, hổ hiện nguyên hình là Văn Thịnh. Vua thấy Thịnh là bậc đại thần có công, không nỡ giết, đẩy lên thượng lưu sông Thao, phong Mục Thận làm Thái Úy Khang định công, ban cho vùng Tây Hồ làm thực ấp, sau khi chết lại được phong làm thượng đẳng phúc thần, sai lập miếu ở trong ấp để thờ cúng.

Mộ ông hiện còn ở chỗ cây táo phường Hồ Khẩu, nhà nước và dân chúng đều thờ cúng, rất cảm ứng. Trước được phong, sau được tặng, ngày càng vinh hiển. Đến năm Quang Thuận đời Thánh Tông, sai Thoát Hiên Đặng tiên sinh làm bài thơ tán tụng như sau:

Tể nạn hoàng thi biến ứng tài,

Yêu nhân tích lộ đảm tâm thôi,

Thuyền tri nhất đĩnh yên ba khách,

Võng đắc Tây Hồ thái ấp lai.

(Nghĩa là: Cứu nạn trở tài ứng biến giỏi, đưa yêu ma lộ vết, nhụt chí khí. Ai biết rằng khách thuyền trong sương mù, lại có thể bữa lưới được cả vùng thái ấp ở Hồ Tây).

Sự nghiệp của ông so với người xưa bên dòng sông Vị cũng chẳng kém gì. Bên cạnh đền ông có một cây lớn sống khoảng trăm năm, hình ngoằn ngoèo như con rắn, cành lá thưa thớt. Bên trong có một lỗ huyết thông suốt, có một con rắn lớn sống ở trong huyết, hàng tháng đến ngày mồng một và ngày rằm lại cuốn khúc nằm dưới bàn thờ trong đền, đến đêm lại chui vào huyết. Đền gọi là điện Sùng Khánh, ở bên cạnh chùa Vĩnh Khánh (1).

Chú thích:

(1) Dịch theo bản A.1300

22. TRUYỆN NGƯỜI DỊ NHÂN LÀNG HẠ BÌ

Ở làng Hạ Bì, huyện Gia Phúc, tỉnh Hải Dương có một dị nhân vốn sống bằng nghề bán sò hến. Một hôm đi đến bờ biển thấy trên bãi cát có hai con trâu đương húc nhau bèn nắm tay thui trâu, trâu chạy xuống biển, để rơi bụ lông lại. Dị nhân cho là vật thiêng, lấy mà nuốt. Từ đó sức khoẻ phi thường, lặn xuống biển như đi trên đất bằng. Thường lặn xuống nước bắt cá, có khi tới mấy ngày mới về.

Khi ấy giặc Bắc cướp mấy trăm chiếc thuyền vượt biển tới cửa Vạn Ninh, người trong nước rất sợ hãi, tìm kẻ có thể đánh lui giặc Bắc ở khắp trong ngoài để phong thường. Dị nhân bèn lặn vào trong biển, đến dưới thuyền dùng sắt nhọn mà đục thuyền vỡ bị nước đánh chìm. Giặc Bắc sợ hãi không hiểu tại sao bèn lấy thủy tinh soi, từ cao nhìn xuống đáy biển, thấy có người ngấm đục ở bên cạnh thuyền vội bủa lưới thép để bắt. Dị nhân bèn bị bắt sống. Giặc cười trớ rồi hỏi: nước Nam có bao nhiêu đứa giỏi như mày? Đáp: kẻ giỏi như ta rất nhiều, hiện nay đang ở dưới bể đục thuyền... Ta chẳng may bị bắt, thượng quốc nếu dùng đến ta, ta sẽ dẫn đến chỗ bọn họ, thả sức mà bắt. Giặc Bắc tin lời sai đem thuyền nhẹ để đi. Dị nhân thừa cơ lúc sơ hở nhảy xuống nước trốn mất. Bọn giặc trong thuyền nhìn nhau không biết làm thế nào.

Khi ấy giặc Bắc thấy thuyền chìm rất nhiều, lại nghe nói nước ta nhiều người giỏi lặn nước bèn không dám ở lại, đưa toàn quân trở về phương Bắc. Dị nhân trở về thì mất.

Triều đình nghĩ có công đuổi giặc truy phong làm Đại vương, cho thờ cúng ở tất cả các cửa biển cửa sông mà ông bủa lưới, bắt sò. Tới nay được nhà nước thờ cúng, bao phong Thượng đẳng linh sáng bất dẫn nhất phương phúc thần (1).

Chú thích:

(1) Dịch theo bản A.1752

23. TRUYỆN HỒI THIÊN TRUNG LIỆT VƯƠNG

Người đời truyền rằng vương hiệu là Lý Đô úy, không biết người thời nào, tên tuổi đã mất. Nhân vượt sông gặp bão táp mà chết. Hiện thành thần bảo người trong thôn rằng: Ta được Thượng đế sắc phong làm thần ở cửa sông này.

Người trong nước lấy làm lạ, lập đền thờ cúng. Hàng tháng, ngày mồng một và ngày rằm lại có con rắn trắng từ dưới sông lên nằm cuộn tròn trong đền. Người trong thôn tôn làm minh chủ phúc thần. Các năm Nguyên Phong triều ta (1), giặc Mông Cổ vào ăn cướp vây hãm Kinh. Vua lên xa giá đi xa. Thuận dòng tới đây thì dừng thuyền lại nghỉ đêm. Thần báo mộng cho vua rằng: Bệ hạ bất tất phải đi xa. Vua tỉnh dậy sai quan trung sứ lên đền thắp hương khẩn rằng: "... cầu cho giặc Bắc không tới đây". Sau quả được như lời.

Đẹp xong giặc, sắc phong làm Hồi thiên thánh vương, sau thêm các chữ Trung liệt uy vũ, do có công âm phù (2).

Chú thích:

(1) Tức triều Trần

(2) Dịch theo bản A.1300

GIỚI THIỆU 9 BẢN LĨNH NAM CHÍCH QUÁI

(Ký hiệu là của thư viện khoa học xã hội)

Bản dùng để dịch là bản A.33. Còn 8 bản kia dùng để tham khảo khi dịch và chú thích. Nay giới thiệu 9 bản trong khi chờ đợi có thêm được những bản khác nữa.

LĨNH NAM CHÍCH QUÁI LIỆT TRUYỆN

(A.33)

I

Hồng Bàng thị truyện

Ngư tinh truyện

Hồ Tinh truyện

Mộc Tinh truyện

Đổng Thiên Vương truyện

Tân, Lang truyện

Nhất Dạ Trạch truyện

Chưng bính truyện

Tây qua truyện

Bạch trĩ truyện

II

Lý Ông Trọng truyện

Việt Tĩnh truyện

Kim Quy truyện

Nhị Trưng Phu Nhân truyện

Man Nương truyện

Nam Chiếu truyện

Tô Lịch giang truyện

Tản Viên sơn truyện

Long Nhãn, Như Nguyệt nhị thần truyện

Từ Đạo Hạnh, Nguyễn Minh Không truyện

Dương Không Lộ, Nguyễn Giác Hải truyện.

Hà Ô Lôi truyện.

LĨNH NAM TRÍCH QUÁI LIỆT TRUYỆN

(A.2194)

I

Hồng Bàng thị truyện

Ngư tinh thần truyện

Hồ Tinh thần truyện

Mộc Tinh thần truyện

Tân, Lang cổ truyện

Nhất Dạ Trạch truyện

Đổng Thiên Vương truyện

Chưng bính cổ truyện

Tây qua cổ truyện
Bạch trĩ cổ truyện

II

Lý Ông Trọng truyện
Việt Tĩnh cổ truyện
Nam Chiếu cổ truyện
Tô Lịch cổ truyện
Tản Viên sơn truyện
Long Nhân, Như Nguyệt nhị thần truyện
Từ Đạo Hạnh truyện
Kim Quy cổ truyện
Man Nương cổ truyện
Hà Ô Lôi
Dạ Thoa Vương truyện
Dương Không Lộ, Nguyễn Giác Hải truyện.

III

Sĩ Vương tiên truyện
Sóc Thiên Vương truyện
Càn Hải tam vị phu nhân truyện
Long Đỗ vượng khí truyện.
Minh chủ Đồng Cổ sơn tiên truyện.
Ứng thiên hoá dục hậu thổ thần truyện
Long trảo khước lỗ truyện
Phùng Bồ Cái Đại Vương truyện
Trinh linh nhị Trưng Phu nhân truyện.
My Ê trinh liệt phu nhân truyện.
Hồng thánh đại thần vương truyện.
Minh ứng Cổ sở thần từ truyện.
Đại than đô lỗ thạch thần truyện.
Xung thiên chiêu ứng thần vương truyện.
Khai thiên trấn quốc đấng châu phúc thần truyện.
Uy hiển bạch hạc thần từ truyện
Thần châu long vương truyện
Mạc Đĩnh Chi thực lục
Phạm Tử Hư sự sự truyện.

LĨNH NAM CHÍCH QUÁI NGOẠI TRUYỆN
(A.2170)

Hồng Bàng thị truyện
Hồ Tinh truyện
Ngư Tinh truyện
Đổng Thiên Vương truyện
Chử Đồng Tử truyện
Tản Viên sơn thần truyện
Lang Liêu chưng bánh truyện.
Cao thị Tân lang truyện
Mai thị Tây qua truyện
Lý Ông Trọng truyện
Kim Quy truyện
Cao Tướng quân truyện
Thôi Ngự sử truyện
Man Nương truyện
Trương Tướng quân truyện (Long Nhân Như Nguyệt)
Lý Tướng quân truyện
Bạch Hạc giang thần truyện
Tô Lịch giang thần truyện
Long Đỗ chính khí thần truyện.
Pháp sư trừ Mộc tinh truyện
Từ Đạo Hạnh thiền sư truyện
Nguyễn Minh Không thiền sư truyện
Dương Không Lộ thiền sư truyện
Nguyễn Giác Hải thiền sư truyện.
Càn Hải thần truyện
Hà Ô Lôi truyện
Hồng Lĩnh sơn thần truyện
Vọng Phu sơn thần truyện
Tiên Du Kim Ngưu tích truyện
Bố Cái thần truyện
Lân Đàm thần truyện
Quốc sư lập Sóc Thiên Vương từ
Hoàng thánh Đại vương truyện (Phạm Cự Lượng)

Xung thiên Chiêu ứng vương truyện
Khai thiên Đẳng Châu phúc thần truyện
Đồng Cổ Sơn thần truyện
My Ê trình liệt phu nhân truyện
Ứng thiên hóa dục hậu thổ thần.

LĨNH NAM CHÍCH QUÁI
(A.1752)

Hồng Bàng truyện
Hồ Tinh truyện
Tân, Lang truyện
Nhất Dạ Trạch truyện
Đồng Thiên Vương truyện
Bạc Trì chưng bính truyện
Tây qua truyện
Lý Ông Trọng truyện
Man Nương truyện
Tô Lịch giang truyện
Tân Viên sơn truyện
Tứ Đạo Hạnh truyện
Dương Không Lộ, Nguyễn Giác Hải truyện
Dạ Thoa Vương truyện
Sĩ Vương tiên truyện
Sóc Thiên Vương truyện
Càn Hải tam vị phu nhân truyện
Minh chủ Đồng Cổ Sơn thần truyện
Ứng thiên hóa dục hậu thổ thần truyện
Phùng Bồ Cái Đại vương truyện
Long Nhãn, Như Nguyệt nhị thần ký.
Đình Tiên Hoàng ký
Trần triều phát tích ký
Kim Nhan Sơn ký
Đế thích ký
Liên tiết công thần ký.
Trạng nguyên kỳ ký.
Bảng nhãn Nguyễn Toàn An ký.

Thượng thư Trương Phu Hồ ký
Thượng thư Trịnh Thiết Trương ký
Thượng thư Lê Như Hồ ký
Hạ Bì dị nhân ký
Phù Ung xã tiết phụ
Tham nghị Vũ đăng Hiền ký
Phạm Trấn, Đỗ Uông ký

LĨNH NAM CHÍCH QUÁI LIỆT TRUYỆN KHẢO CHÍNH
(A.750)

Hồng Bàng thị truyện
Ngư Tinh truyện
Hồ Tinh truyện
Mộc Tinh truyện
Đổng Thiên Vương truyện
Tân, Lang truyện
Nhất Dạ Trạch truyện
Chưng bính truyện
Tây qua truyện
Bạch trĩ truyện
Lý Ông Trọng truyện
Việt Tĩnh truyện
Kim Quy truyện
Nhị Trưng Phu Nhân truyện
Man Nương truyện
Nam Chiếu truyện
Tô Lịch giang truyện
Tần Viên sơn truyện
Long Nhãn, Như Nguyệt nhị thần truyện
Từ Đạo Hạnh, Nguyễn Minh Không truyện
Dương Không Lộ, Nguyễn Giác Hải truyện.
Hà Ô Lôi truyện.
Nguyễn Minh Không biệt truyện
Vũ Ninh Cao Tướng quân truyện
Lý tướng quân truyện
Bạch Hạc giang thần truyện

Long Đỗ chính khí thần truyện
Quốc sư lập Sóc Thiên Vương từ
Hoàng thánh Đại vương từ
Xung thiên Chiêu ứng vương thần truyện
Khai thiên Đằng Châu thần truyện
Đồng Cổ Sơn thần truyện.
Mỹ Ê Trinh liệt phu nhân truyện
Càn Hải thần truyện
Hồng Lĩnh sơn thần truyện
Tiên Du Kim Ngư tích truyện
Bố Bái thần truyện
Lân Đàm thần truyện
Chiêm Thành truyện.

LĨNH NAM CHÍCH QUÁI

A.1300 (quyển này thiếu đầu thiếu đuôi)

Kim quy truyện (mất đoạn đầu)
Man Nương truyện
Việt tỉnh truyện
Long Nhãn, Như Nguyệt nhị thần truyện
Tử Đạo Hạnh, Nguyễn Minh Không truyện
Nam Chiếu truyện
Tô Lịch giang truyện
Dương Không Lộ, Nguyễn Giác Hải truyện
Hà Ô Lôi truyện
Dạ Thoa vương truyện

HẠ (quyển thứ ba)

Sĩ Vương tiên truyện
Sóc Thiên Vương truyện
Càn Hải tam vị phu nhân truyện
Long Đỗ vương khí truyện
Minh chủ Đồng Cổ sơn thần truyện
Ứng thiên hóa dục hậu thổ thần truyện
Long khảo Khước lỗ truyện
Phùng Bố Cái Đại vương truyện

My Ê truyện.

Hồng Thánh đại thần vương truyện

Minh ứng thần truyện

Đại Than Đô lỗ thạch thần truyện

Xưng Thiên Chiêu ứng thần vương truyện

Khai thiên trấn quốc đấng châu phúc thần truyện

Uy linh bạch hạc thần từ truyện

Thần châu long vương truyện.

TẶNG BỔ

Tiên lữ bồ tát chân truyện

Uy linh an thái bá ân phúc thần truyện

Mục thận truyện

Uy minh dũng liệt hiển trung tá thánh đại vương truyện

Thái úy trung phụ vũ dũng quốc công truyện

Khuông quốc Đô thống tá thánh

Đại vương truyện

Hồi thiên trung liệt đại vương truyện

TỤC BỔ

Đại từ minh tư khám tụng truyện

Tràng quỹ hiển linh ký

Huyền quang tổ gia thực lục

Trạng nguyên mạc đĩnh chi (truyện này mất)

LĨNH NAM CHÍCH QUÁI

(A.1200)

I

Hồng Bàng thị truyện

Ngư tinh truyện

Hồ Tinh truyện

Mộc Tinh truyện

Đổng Thiên Vương truyện

Tân, Lang truyện

Nhất Dạ Trạch truyện

Chưng bính truyện
Tây qua truyện
Bạch trĩ truyện
Lý Ông Trọng truyện
Việt Tĩnh truyện

II

Kim Quy truyện
Nhị Trưng Phu Nhân truyện
Man Nương truyện
Nam Chiếu truyện
Tô Lịch giang truyện
Tản Viên sơn truyện
Long Nhãn, Như Nguyệt nhị thần truyện
Từ Đạo Hạnh, Nguyễn Minh Không truyện
Dương Không Lộ, Nguyễn Giác Hải truyện.
Hà Ô Lôi truyện.
Dạ Thoa vương truyện
Sĩ vương tiên truyện

III

Sóc Thiên Vương truyện
Càn Hải tam vị phu nhân truyện
Long Đổ vượng khí truyện
Minh chủ Đồng Cổ sơn thần truyện
Ứng thiên hóa dục hậu thổ thần truyện
Long khảo Khước lỗ truyện
Phùng Bố Cái Đại vương truyện
Mỵ Ê trình phu nhân truyện.
Hồng Thánh đại thần vương truyện
Đông Song sự tích Hồ Địch truyện
Minh ứng đắc sở thần từ truyện
Đại Than Đô lỗ thạch thần truyện
Xưng Thiên Chiêu ứng thần vương truyện
Khai thiên trấn quốc đằng châu truyện
Uy linh bạch hạc thần truyện
Tiên Lữ sơn Bồ tát chân nhân truyện

Uy linh đắc thái bái ân thần truyện
Mục thiện truyện
Uy linh dũng liệt hiển trung thần truyện
Khuông quốc Đô thống tá thánh vương truyện
Huyền quang tổ gia thực lục

LĨNH NAM CHÍCH QUÁI
(VHv.1473)

I

Hồng Bàng thị truyện
Ngư tinh truyện
Hồ Tinh truyện
Mộc Tinh truyện
Tân, Lang truyện
Nhất Dạ Trạch truyện
Đổng Thiên Vương truyện
Chưng bính truyện
Bạch trĩ truyện

II

Lý Ông Trọng truyện
Việt Tĩnh truyện
Kim Quy truyện
Man Nương truyện
Tản Viên sơn truyện
Long Nhân, Như Nguyệt nhị thần truyện
Từ Đạo Hạnh, Nguyễn Minh Không truyện
Nguyễn Minh Không biệt truyện
Nam Chiếu truyện
Tô Lịch giang truyện
Dương Không Lộ, Nguyễn Giác Hải truyện.
Hà Ô Lôi truyện.
Dạ Thoa vương truyện

III

Sĩ vương tiên truyện

Sóc Thiên Vương truyện
Càn Hải môn tam vị phu nhân truyện
Long Đổ vượng khí truyện
Minh chủ Đồng Cổ truyện
Ứng thiên hóa dục hậu thổ thần truyện
Long trảo Khước lỗ truyện
Bố Cái Đại vương truyện
Trinh linh nhị Trưng truyện
Mỹ Ê trinh liệt truyện.
Hồng Thánh đại vương truyện
Minh ứng An sở truyện
Đại Than Đô lỗ thạch thần truyện
Xưng Thiên Chiêu ứng thần truyện
Khai thiên trấn quốc truyện
Uy linh bạch hạc thần truyện
Tiên Lữ sơn Bồ tát chân nhân truyện
Uy linh đắc thái bái ân thần truyện
Mục thận truyện
Uy linh dững liệt hiển trung thần truyện
Khuông quốc Đô thống tá thánh vương truyện
Huyền quang tổ gia thực lục

LĨNH NAM CHÍCH QUÁI

(VHv.1473)

I

Hồng Bàng thị truyện
Ngư tinh truyện
Hồ Tinh truyện
Mộc Tinh truyện
Tân, Lang truyện
Nhất Dạ Trạch truyện
Đổng Thiên Vương truyện
Chưng bính truyện
Bạch trĩ truyện

II

Lý Ông Trọng truyện
Việt Tĩnh truyện
Kim Quy truyện
Man Nương truyện
Tần Viên sơn truyện
Long Nhãn, Như Nguyệt nhị thần truyện
Từ Đạo Hạnh, Nguyễn Minh Không truyện
Nguyễn Minh Không biệt truyện
Nam Chiếu truyện
Tô Lịch giang truyện
Dương Không Lộ, Nguyễn Giác Hải truyện.
Hà Ô Lôi truyện.
Dạ Thoa vương truyện

III

Sĩ Vương tiên truyện
Sóc Thiên Vương truyện
Càn Hải môn tam vị phu nhân truyện
Long Đỗ vượng khí truyện
Minh chủ Đồng Cổ sơn thần truyện
Ứng thiên hóa dục hậu thổ thần truyện
Long trảo Khước lỗ truyện
Bồ Cái Đại vương truyện
Trinh linh nhị Trưng truyện
Mỵ Ê trinh phu nhân truyện.
Hồng Thánh đại thần vương truyện
Đông Song sự tích Hồ Địch truyện
Minh ứng đắc sở thần từ truyện
Đại Than Đô lỗ thạch thần truyện
Xưng Thiên Chiếu ứng thần vương truyện
Khai thiên trấn quốc đấng châu truyện
Uy linh bạch hạc thần truyện
Thần châu long vương truyện

LĨNH NAM CHÍCH QUÁI

(VHv.1266)

Hồng Bàng thị truyện
Ngư tinh truyện
Bạch khuyến tam túc
Hồ Tinh truyện
Mộc Tinh truyện
Tân, Lang truyện
Nhất Dạ Trạch truyện
Đổng Thiên Vương truyện
Chưng bính truyện
Tây qua truyện
Lý Ông Trọng truyện
Việt Tĩnh truyện
Kim Quy truyện
Man Nương truyện
Tản Viên sơn truyện
Long Nhân, Như Nguyệt nhị thần truyện
Từ Đạo Hạnh, Nguyễn Minh Không truyện
Nam Chiếu truyện
Tô Lịch giang truyện
Dương Không Lộ, Nguyễn Giác Hải truyện.
Hà Ô Lôi truyện.
Dạ Thoa vương truyện
Sĩ Vương tiên truyện
Càn Hải môn tam vị phu nhân truyện
Long Đỗ vương khí truyện
Minh chủ Đồng Cổ truyện
Ứng thiên hóa dục hậu thổ thần truyện
Bố Cái Đại vương truyện
Nhị Trưng phu nhân truyện
Mỵ Ê trình liệt phu nhân truyện.
Hồng Thánh đại thần vương truyện
Minh ứng An sở thần từ truyện
Đại Than Đô lỗ thạch thần truyện
Xương Thiên Chiếu ứng thần vương Đàng châu thần truyện
Bạch Hạc thần từ.
Thần châu long vương truyện
Ni sư đức hạnh truyện
Phạm Tử Hư sự sự truyện

PHỤ DỊ VĂN

Nguyễn Quốc Công
Kim Nhan sơn
Tích Kê mai mẫu
Diễn Châu thái thú
Ngô Tuấn Cửng
Thiên Tử đảo gia
Phan Đình Tá
Sơn Vị tiết nghĩa
Nguyễn Nghiên Tư
Nam Hoa mộc tượng
Tiên nhân Phạm Viên
Trần Danh Tiêu
Cổ Liêu trang
Trần Bá Kính
Sơn Dược Đại vương
Quan trung Lê Kính
Nguyễn Công Chất
Tiến sĩ Nguyễn Chu
Đỗ Lâm Trạch
Chí linh Nguyễn Mại
Phùng thượng thư
Nguyễn Công Hăng.
Tả Ao sư
Vân Canh khổ tiết
Sĩ tiêm công tể
Trần Vũ thần mộng
Hiến Phó giả tử
Triều Khẩu linh từ
Tứ tử đấng khoa
Tiền kiếp luân hồi
Nguyễn Danh Cử
Khách nhân mai kim
Khỏ Đại vương
Giáp Hải trạng nguyên

Nguyễn Thị Điểm